

80
INDO-CHINOIS

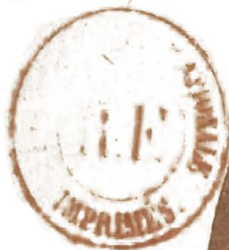
519

*M.
P. le Chef de cabinet*

TRƯƠNG-CÔNG-THIỆT-LỤC

Biographie (TRUYỀN ÔNG TRƯƠNG-VĨNH-KÝ)

Ông Trương-Vinh Kỳ



TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG
xuất bản

*Mày râu thiệt đừng bậc làm trai,
Đức-nghiệp văn-chương đóng một vai.
Bức ảnh lưu hình đã tỏ mặt,
Bút truyền tâm sự đó là ai?*

DƯƠNG-MẠNH-HUY

SAIGON
IMPRIMERIE BẢO-TÒN

Nguyễn-huỳnh-Điểu
361is, Boulevard Bonnard

1927

MÀY LỜI TỰ THUYẾT CỦA KÝ-GIẢ

Coi núi phải lên chót núi mới biết núi là cao ; coi biển phải dò đáy biển mới biết biển là sâu ; coi người phải tới chốn tâm-lý người mới biết người quân-tử. Tâm-lý người quân-tử cao như núi, sâu như biển, hằng muốn giải-tỏ ra với ngoài muôn dặm, với dưới ngàn đời, mà cái chốn khó nói tự mình ít phần nói ra được, bằng ở người bằng quan tìm-kiếm ra, suy-xét ra, nghị-luận ra, thay lời người quân-tử mà giải-tỏ ra. Song le, người quân-tử đã không nói ra, thì bởi chốn nào mà giải-tỏ ra cho được ? Bởi chốn sự-tích mà tìm-kiếm cho ra, suy-xét cho ra, nghĩa là phạm người ta xử thân thế nào, chắc là tấm lòng như vậy ; làm việc thế nào, chắc là cái lẽ như vậy. Người bằng quan vì có biết lòng người quân-tử, đem cái tâm-lý thông thường mà giải-tỏ cái chốn cao sâu, thì dầu khuất lời trăm ngàn năm, cách mặt ngàn muôn dặm, cũng có thể tìm-kiếm suy-xét mà nghị-luận cho đúng tâm-lý quân-tử được. Mà linh-hồn người quân-tử ở tầng mây bạc, ở dưới suối vàng, cũng hả lòng rằng có kẻ tri kỷ ở sau đời ta, ngoài đất ta vậy.

Ký-giả văn xa nghe tiếng Trương-Sĩ-Tài tiên-sanh là một nhà kỹ-tài bác-học ở Nam-kỳ hồi trước đây, mà trí nòng trộm nghĩ rằng : Nước mình sao lại có hạng người thông-minh tri-tuệ, sớm đón đợi thời-thế buổi này, mà khơi cái nguồn trước « đuổi sóng đưa dòng » cho người mình như vậy ? Khi đó thiệt lòng kinh-dị về tài, về học thì có, mà đem lòng cảm-khái thì có ; chứ thiệt chưa có lòng thâm phục chút nào.

Tháng quý-xuân năm Bình-dần ký-giả qua chơi Nam-kỳ, cóặng tiếp linh ngũ-lang của tiên-sanh là Trương-

quân Vĩnh-Tổng. Trong khi chuyện-văn, ký-giả nhưn hỏi thăm truyện tiên-công, thì Trương-quân vui lòng nói chuyện, lại mở một tủ sách di bút của tiên-công bằng các thứ chữ Đông, Tây, thấy đều hơn sáu mươi bộ, phần nhiều có những thứ chữ bình-nhật mình chưa từng qua mắt, đối với điều truyện văn khi trước lại càng thêm kinh-dị nữa ! Duyệt qua những sách mình đọc được như Hán-văn, Quốc-văn, nhận lướt những văn-chương nghị-luận, kiến thức cao xa, đã hơi có ý ngạc nhiên sồn dạ, hình như khác dứt với lời truyện văn ? Hỏi đến sự-tích tinh-tường, thì Trương-quân đem ra một tập hành-trạng nhật-ký do thủ-bút tiên-sanh biên lại, và mấy cuốn của mấy nhà văn-sĩ Âu Á chép lịch-sử tiên-sanh. Ký-giả lần-lượt duyệt đi, bởi chồn hình-chất suy-xét ra tinh-thần, mới hay tiên-sanh chẳng những tư-chất thông-minh, học-vấn quảng-bác, chí thủ rộng, lịch-duyet nhiều ; mà lại bao nhiêu đức-nghiệp lớn-lao, đạo-hạnh cao-thượng, tai nghe, lòng cảm, không dè dặt mình lên mà hồi-hận rằng : trước kia mình đem cái mục kiến văn « bi-tướng » bần người, mà chưa thấu-hiểu chồn tâm-lý cao sâu của người. Vì không có một hồi du-lịch tới đây, thì cái mục-dịch của mình chẳng hợp-hòai lắm ru !

Ôi ! một người như tiên-sanh thiệt là một người có giá-trị của xã-hội ta, ta không coi thấy thì thôi, chớ ta đã coi thấy đây, thì lòng ta bỏ qua sao dặng ? Bởi cái lòng « háo hiên » chung như vậy, nên chỉ đã có mấy cuốn sách chép lịch-sử tiên-sanh ra đời. Song Hán-văn Pháp-văn đã dành, còn Việt-văn là chữ công-nhận của Việt-Nam ta, thì truyện người Việt-Nam cũng nên có sách nói chuyện bằng tiếng Việt-Nam. Vì vậy ký-giả lựa theo lịch-sử mấy cuốn đó, và thâu nhặt rộng thêm những du-ký của tiên-sanh cho đủ sự-tích, mà châm-

III

chước lại, sắp-đặt lại, chỗ nào nên chép thì chép, chỗ nào nên bớt thì bớt, dàn ra từng hồi, chia ra từng đoạn, thảo ra một tập văn tản, theo lối «giáp tự, giáp luận»; dày lại diễn ra một tập văn vần, theo lối «thượng lục, hạ bát». Dùng thề-tài chép tiều-thuyết, diễn tiều-thuyết cho đẹp truyện, cho vui lời, vả cho phân-minh có điều-mục đề duyệt-giả để nghe dó mà thôi, chớ lịch-sử thì thấy đều là sự thật. Dùng thề-tài chỉ mặc dầu, cốt hết cho rạng-tỏ tôn-chỉ, nói tóm lại cái tôn-chỉ sách này là chép truyện một vị danh-nhơn «văn-học đạo-đức» ở nước Việt-Nam ta trước đây vậy.

Ký-giả trộm mượn ngòi bút cùn, nét mực vụng làm ảnh truyền hình, làm mấy lưu thanh, tưởng cũng chưa đủ rạng-tỏ hình-chất tinh-thần, xin duyệt-giả chớ vì lời què của ký-giả để che-lấp mất tâm-lý núi biển của danh-nhơn, mà gia tội cho ký-giả, thì ký-giả may lắm may lắm!

Sách soạn thành, đem bòn thảo trao lại Trương-quân Vĩnh-Tổng, khiến tùy ý mình nhan, đề tựa và ấn-hành ra, đề trước là hiệu tấm lòng «háo hiền» của ký-giả, sau là ký-giả cùng Trương-quân kết-duyên văn-tự, nhận giống thơ-hương lần thứ nhứt này.

Tháng trọng-thu năm Bình-dần.

(Năm đầu Bảo-Đại — 1926).

Ký-giả,

DƯƠNG-MẠNH-HUY.

tiêu hiệu,

HUYỀN-MẶC ĐẠO-NHÂN

Cần tự.

Tựa

Quần-tử' tại nhược-nhơn ! cỉ ai xem truyện thiết của Trương-công, thì đã mừng-tượng biết trước hơn phần nữa sự sanh-trưởng của ngài. Bởi sao vậy? chỉ là ngài vận một vị tự ấu chi trưởng, tư trời anh-mẫn, Bồn-lãnh hiền-hòa, nghèo không trau mày, sang chẳng vinh mặt ; chuyện lo nhứt là tôn phạn-sự đạo làm người ; nhì là vâng theo đạo trời định. Lúc học, thì siêng lo cho không bỏ luôn thi giờ ; khi làm, thì giữ cho trọn vẹn chức-nhậm của mình, đã lãnh lĩnh bề trên phú-thác. Xem coi người đường ấy ai dám rằng chẳng phải là chánh-nhơn quần-tử' sao ?

Lỗi sanh ra như ngài, gặp cơn gia bần, phải chịu con còi ! Thường tình của bần quang thì cho rằng vật-mạng gian-truân, liền dõ yễn-kiển ! Chờ người thức thời vự, lăm thể tình thì cho là đắc ư sở sanh. Nghĩ là tạc-vật thử người tài, lửa hồng rèn vàng thắm đỏ.

Đến khi mà lập thành danh-dự, Pháp nhơn kinh vi sư-phạm, thì cũng chẳng đổi tánh tự nhiên, không xu-bồi quan trưởng, cầu cao lộc, chấp trọng quyền. Thăm thì khã gia !— Chi ư nhập Pháp-tịch, thiên vạn nhơn lấy làm vinh làm lợi, mà một ngài thủ toàn bồn tịch, bất cô giã danh. Ấy quả là đại-nhơn hành-động, chi-sĩ cao nghị dõ.

Vì như muốn chỉ ra cho đã đức-âm của ngài, thì một cạn hồ, giấy nặng tạ cũng chưa rồi. Thôi ! vắng-tắc đòi lời minh-bạch, cầu cho độc giả khã quang :

Bentre **LƯƠNG-KHẮC-NINH**

tự **Dũ-Thúc**

phụng tự.

Tượng đồng ông Trương-vĩnh-Ký tại Saigon



TRU' O'NG-CÔNG THIẾT-LỤC

1.— Chúa Xanh (1) bày đặt cuộc xuân,
Đem hoa trang-diễm nên phần tốt- uoi ;
Thợ Trời (2) bày-đặt cuộc đời,
Đem tài nung-dúc nên người tinh-anh.
Cùng trong lò Tạo sanh thành,
Người tài thi cũng như cảnh hoa xuân (3).
Hoa gồm hương, sắc, mới thân ;
Người gồm tài, đức, nên thân người lành.

2.— Trời Nam mở hội văn-minh,
Khi thiêng dúc lại mà sanh văn-hào (4).
Gió Tây đưa lối tân-trào,
Mà đem nguồn học dẫn vào họ Trương
Đương trào Minh-Mạng Nguyễn-hoàng,
Cố viên quan Võ ở làng Vĩnh-Thanh.
Tông Minh-Lý, huyện Tân-Minh,
Thế-gia thuộc hạt tỉnh thành Vĩnh-Long.
Cơ-cứu (5) sẵn nếp gia phong,

1 Bởi chữ « T ranh-đế » chúa Xanh là chúa mùa xuân.

2 Bởi chữ « Thiên công » là ông thợ trời.

3 Bởi câu « Ngon tài như bách hoa » tài người ta như trăm thứ hoa, mỗi người hay mỗi vẻ.

4 Văn-hào : Người hào-kiệt như đám văn-chương.

5 Kinh Lễ : « Cung-nghon chi tử tất học vi cơ ; dã ngon chi tử tất học vi cừ. » Con nhà thợ cung phải học đan rỡ ; con nhà thợ dúc phải học ghép áo cừ. Nghĩa là con nhà nghề nghiệp, vì vậy nói-giống nhà thế-gia thường nói bóng là « Cơ-cứu ».

Trám-anh nổi-dõi (1) nghề trong một nhà.

Điềm lành đều bởi khi hòa (2),

Cây nhơn, gốc đức, nở hoa anh-hiền.

Đầu lòng một ả thuyền-quyền,

Hồng-nhan bạc phận, sớm liền thác đi.

Thứ hai Chánh-Sử nam-nhi,

Theo dõi nghiên bút cũng thi nổi danh.

Đường mây bước tới phủ-thành,

Hiền-dương (3) cũng nổi phong-thanh nghiệp nhà.

Rốt lòng Vĩnh-Kỷ thứ ba (4),

Lại là lòng phụng (5) lại là sừng lân (6).

Bầm sanh tư tưởng xuất trần,

Tài-năng, đức-hạnh mười phần vẹn mười.

3.— Từ khi tuổi mới lên hai,

Cha vàng khảm-mạng, côi ngoài tông nhung.

Nam-vang (7) sơn thủy trùng-trùng,

Là nơi hiểm chỗ, là vùng trường-lam (8).

Anh-hùng chí cả đã cam :

Vô sanh, ra tử coi làm như không.

1 Bởi chữ «Trám-anh phiệt-duyet». Nghĩa là nổi đời làm quan, có mũ đội, trăm cái.

2 Bởi câu «Hòa khí tri tường», khi hòa-thuận đem lại điềm lành.

3 Sách có chữ «Dương thanh danh, hiền phụ mẫu»: Minh làm nên danh tiếng, vẻ-vang cho cha mẹ.

4 Sanh năm Minh-Mạng thứ 18 (1837).

5 — 6 Bởi chữ «Phụng mao, lân dắc»: Những bậc vương-tôn công tử có tài văn-vẽ như lông chim phụng, có đức nhân-hậu như sừng con lân.

7 Kinh-thành nước Cao-miền ngày nay.

8 Lam-sơn trường-khi là khí độc ở đồi núi.

Nhẹ xem mạng tựa lông hồng (1),
Sớm đem da ngựa mà phong thân mình (2).

Nặng vì phép, nhẹ vì tình,
Quốc-gia gánh-vác, mòn-đỉnh đỡ-dang.

Nổi nhà gặp vận tóc tang
Con côi, mẹ góa trăm dằng xót đau.

Qua thi khuya sớm muối rau,
Nòng-tang, thương-mại nuôi nhau lẫn-hồi.

4.— Lần-lần ngày tháng như trời,
Ác tà, thô lặn đã rồi ba năm.

Trương-Sanh tuổi đã lên năm,
Anh thì lên sáu, đương tằm ngày xanh.

Mẹ đi kiếm chốn học-hành,
Cho con nấu sủ, xói kinh theo thầy.

Tánh lạnh càng học càng hay,
Thang trèo từng bậc càng ngày càng lên

Tập rèn trong bốn năm liền,
Sách đèn gắng sức, bút nghiên đua tài.

5.— Thanh-nhàn bỗng có một ngày,
Có ông Cụ Tám bấy chầy tình-ân.

Thấy Trương, xiết nỗi ân-cần,
Muốn cho thân lại thêm thân sau này.

Kề ơn, kề nghĩa những ngày,

1 Mạng người trong đám chiến-trường coi nhẹ như lông chim hồng.

2 Ông Mã-Viện là bậc anh-hùng đời nhà Hán bên Tần, bằng nói rằng: “Lâm trai nên có chí lập công trong đám chiến-trường, cầm bằng có chết thì da ngựa bọc xác đem về cũng bằng lông.

Ơn xưa đã nặng, nghĩa nay xin đền.

Ra công giúp sức tập-rèn,

Dem về nuôi học cho nên thân đời.

Bà rằng : « Muốn dọi ơn người,

« Con côi thơ dại, nữ rời dưới chôn.

Thầy rằng : « Chút nghĩa cố-nhơn,

« Xin dem chút dạ chi thân dài cùng.

« Can chi bà phải ngại-ngùng,

« Dầu sao tôi cũng hết công đỡ-dần. »

Bà nghe lòng đã xuôi lặn,

Song le còn phải có phần tùy con.

Con thì người trẻ, dạ non,

Mà lòng đã có tri-khôn hơn người.

Biết rằng có mối ra đời,

Có duyên gặp-gỡ là nơi tập-tành.

Tùy cơ, ta phải quyết-tình,

Tòng quyền, có lẽ chấp kinh (1) được nào.

Nghĩ thôi, Trương mới thừa-chào,

Rằng : « Người đã có nghĩa cao như vậy.

« Con xin vâng phép theo thầy,

« Bút nghiên đóng-dã, đợi ngày thành danh ». »

Nói rồi già mẹ cùng anh,

Ghi lòng để lại, cất mình ra đi.

Quyết lòng mộ đạo tu trì,

Sách kinh chuyên đọc, lễ-nghi tập rèn.

Ra vô phép tắc đã quen,

Người yêu vì nết, người khen vì tài.

Có khi giúp lễ mọi nơi,

1 « Quyền » : là đạo quyền-nghi, đề xử cảnh biến ; “ kinh ”
là đạo thường, đề xử kiềng thường.

Khi đi nhà phước, khi chơi cảnh mầu.
Đi đâu cũng dặng đi hầu,
Càng từng-trải lắm, càng sâu xa nhiều.
Cách ăn, lẽ ở mọi điều.
Dư bề lễ-nhượng, đủ chiều khôn-ngoa.

6.— Cụ đi viếng cảnh Bãi-xan (1),
Sấm-sanh cặp sách, túi dờn đi theo.
Đàng đi mai liễu (1), rất riu,
Trông vời mây bạc bay treo núi Hàng (3).
Trạnh niềm nhớ cảnh gia hương (4),
Mời trình xin phép thuận đường ninh-gia (5).
Tiện khi thăm cửa thăm nhà,
Trước là thăm mẹ, sau là thăm anh.
Hàn-huyên (6) kể hết mọi tình,
Nổi nhà cách vắng, nổi mình xa-xuôi.
« Còn cha mẹ chẳng xa chơi. » (7)
« Vẫn là bài học của người làm con ;
« Song còn gánh nợ nước non,

1 Đất Cao-mên.— Năm 1846.

2 Các cung trạm hằng trồng cây mai, vậy kêu là « mai-dịch ». Hai bên đàng trồng cây liễu, vậy kêu là « liễu dè ».

3 Ông Định-nhân-Kiệt dời Đường đi làm quan xa, trông về núi Thái-Hàng thấy đám mây trắng, nói rằng : « Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây kia. » đó là ý nhớ nhà.

4 « Gia-hương » là làng nhà mình.

5 « Ninh gia » là về thăm nhà.

6 « Hàn-huyên » là tình ấm lạnh.

7 Sách Luận-ngữ. — Đức Khổng-tử nói rằng : « Cha mẹ còn, chẳng đi chơi xa ; nếu bắt buộc đi mà phải đi chơi xa, thì phải có phương-sở cho cha mẹ biết. »

« Tang bồng (1) phải trả cho tròn kiếp trai.

« Vậy nên chơi phải có nơi,

« Thì dầu góc biển, bên trời là phương.

« Dám quên trong nửa bước đường (2),

« Dặm xa, mà dạ vầu thường không xa (3).

Cậy anh kinh mẹ, thờ cha,

« Cho dành lòng kẻ quan-hà (4) dặm khơi. »

Nỗi thương tắc dạ bời-bời,

Muôn hàng khôn tả hết lời biệt-ly !

Giã nhà dứt áo ra đi,

Dặm ngàn đội níp (5) quản gì gian-lao.

Tài cao, lập chí càng cao,

Học-hành ngày những ước-ao nên người.

Tuổi xanh đầu mới lên mười,

Tầng mây hằng muốn vạch trời mà lên.

Đêm ngày luyện-lập cần chuyên,

Sách đèn chẳng trễ, bút nghiên chẳng rời,

Vẫn nôm quốc-ngữ đọc hoài,

Quyển kinh nhật-khoa chẳng ngại thì-giờ.

1 « Tang » là cung bằng gỗ dâu, « Bồng » là tên bằng gỗ hồng, bởi lẽ đời xưa : hễ sanh con trai thì treo 6 cái cung gỗ dâu, 6 mũi tên gỗ hồng ở cửa, là có ý biểu làm trai nên có chí ở 4 phương trong đất và.

2 Sách có chữ « Khuê bộ bất vong » nghĩa là : con đi nửa bước không dám quên cha mẹ.

3 Tiên-thuyết có câu « Lộ tuy viễn, tam vị thường tương viễn ». Đường dầu xa, lòng chưa từng xa nhau.

4 « Quan » là cửa nước. « Hà » là con sông.

5 Sách có chữ « Phụ níp tùng sư, bất viễn thiên lý ». Đội traps theo thầy, chẳng quản xa ngàn dặm.

7.— Dịp may dầu lại tỉnh-cờ: 3
Cổ-Long nước Pháp bấy giờ mới sang.
Vĩnh-Thanh, đóng lại giữa làng,
Ở nhà thủ-bồn sửa-sang đạo màu.
Trai-phòng còn thiếu kẻ hầu,
Cụ cho Trương lại trước sau giúp cùng.
Sớm khuya thân-cận ở chung,
Nết-na nhã-nhận, hình-dung điệu-dàng.
Cổ-Long cũng quý như vàng,
Hầu cơm, giúp lễ, ngày càng thêm thân.
« La-Tinh » mới dạy học văn,
Văn xuôi, văn ngược lần lần đọc qua.
Học gần mà hiểu dặng xa,
Văn vừa đọc suốt, dịch đã lâu thông.

8.— Ở đây chưa dặng bao đồng,
Bởi vì quốc cấm (1), phải lúng lánh đi.
Kiếm nơi nấu-ăn tu-trì,
Cốt truyền lấy đạo, quản gì là thân.
Biết bao đầy-dọa phong-trần,
Trèo non, lội suối, hết gần lại xa.
Ngoài đồn canh-gác, hỏi-tra,
Nặng vai chữ « thập » khó mà thoát đi,
Liệu cơ, ta phải tùy nghi :
Giả đồ dám cười : lễ-nghi vớng, dù.
Thầy, trò dôi lốt nhà tu,
Rẽ lâu, vạch cỏ, kỳ-khu dẫm trường.
Bấy chầy, bộ đã cùng đường,

1 Khoảng trao Thiện-Trị, Tự-Đức cấm đạo Gia-Tô rất nghiêm-nhặt.

Lại thăm đường thủy kiếm phương đi về.

Vừa đi, vừa lắng tai nghe :

Xứ này xưa-đuôi, xứ kia vô liền.

Cái-nhum, đã lọt thủ-phiền,

Tìm nơi tạm trú cho yên thân lành.

Thầy, trò dậu đó cũng đành,

« La-Tinh » lại dở tập-lành cùng nhau.

Được nơi yên nghĩ lâu lâu,

Khi nhàn cố mới lựa câu ra bài.

Hỏi : « loài con ngựa, con voi,

« Trong hai giống đó là nòi chi chi ? »

Trẻ thơ nào đã biết gì,

Nào từng coi thấy thê-thi (1) dường nào,

Ngần-ngờ túng ý biết sao,

Liệu lời khi cũng nói theo cho rồi.

Thưa rằng : « Con ngựa, con voi,

« Con to, con nhỏ, mỗi loài khác nhau. »

Cố nghe, mồm miệng, gật đầu,

Cười rằng : « Không biết, nói câu cũng tại. »

9.— Lần lần qua tối, sang mai,

Bấm tay tính đã mười hai tuổi trời.

Được tin trường học mới dời,

Lập sang ở đất nước người Cao-mên.

Học-sanh sỗ liệt từng tên,

Truyền sang xứ đó mà lên lớp trường.

Cổ-Hòa coi quản học-đường,

Trẻ xinh, Cổ cũng hết thương lại vì.

Tháng, ngày khảo-khóa từng kỳ :

1 Thê-thi : là hình-thê loài động vật.

La-tinh cắt nghĩa, La-phi (1) tập bài.

Trẻ thơ tánh những khoe tài,
Mắt xanh chẳng để cho ai lọt vào (2).

Lăm-lăm bước tới bậc cao :
Học nên Giâm-mục những ao-ước lòng.

Còn như Linh-mục trong vòng,
Tâm-thường coi ở bậc trung sá gì.

Khi sách-vở, khi văn-thi,
Hằng đem ngòi bút mà ghi chi mình.

Cổ Long nghĩa cũ thăm tình,
Mới đem tích cũ phân-minh chuyện-trò.

Là bài « Voi, ngựa, nhỏ, to, »
Trong khi không biết, nói mò cũng lanh.

Cổ Hòa nghe truyện giạt mình,
Khen rằng : « Sẵn có thông minh tánh trời ! »

Khi ăn-ở, lúc chơi-bời,
Dấu-yêu, hằng để ở nơi cạnh mình.

Khi đi du-lịch thị-thành,
Lúc về tu-luyện ở quanh nhà trường.

Cao-mên phong-cảnh lạ thường,
Rừng xanh, núi biếc một phương hiềm nghèo.

Ngày thường chơi với nai, heo.
Ở cùng cây, đá (3), trên đèo, dưới khe.

Mùa mưa, nước phủ tư bề,
Nhà sàn ăn ở, thuyền ghe ra vào.

1 « La-phi » cắt nghĩa sách Epitomæ.

2 Nguyễn-Tịch, đời Tấn coi người đáng trọng thì mắt
mắt xanh ; coi người nên khinh thì bằng mắt trắng.

3 — Sách Mạnh tử nói : Vua Ngu-Thuấn khi còn hàn-vi,
cây ở núi Lịch-sơn, ở với cây, đá ; chơi với nai, heo.

Mùa khô, nước cạn, núi cao,
Khi sẵn muông, thú, khi dào xấn **môi**.

Khi nhàn coi thế nước non,
Dư-dồ đất ấy vùng tròn bao-la :

Nhà trường ở giữa Phi-na (1),
Ô-dòng (2) trong cõi, ngoài là Nam-vang.

Càng trông thấy cảnh càng thương,
Này nơi con-trẻ đoạn trường là đây,

Nhờ ngày còn bé thơ-ngày, -
Nghiem-dàng khuất bóng chốn này phải nao !

Xa trông núi Hồ (3) cao cao,
Như nung gan sắt như bào lòng son.

Sao cho xứng đạo làm con,
Còn trời, còn đất, hãy còn hôm nay.

Ai đem mình tới chốn này,
Như khêu mối dạ đắng-cay đường nào !

Tấm thân bèo bọt, sóng dào,
Biết sao đền đờ cù-lao (4) cho rồi !

Tình kia, cảnh nọ, bồi-hồi,
Vì lòng vui đạo cũng nguôi-nguôi lần.

10.— Vần-xoay dòng lại sang xuân,
Khi trời đã đổi hai lần nắng, sương (5).

Vàng nghe lệnh xuống học-đường :

1 Phinhalu, xứ Cao-mên.

2 Kinh-dò cũ nước Cao-mên.

3 Bồi kinh Thi có câu : Trắc bỉ Hồ hề, triêm vọng phụ
hề Lên núi Hồ kia, trông xem cha vậy.

4 Kinh Thi có câu : Ai-ai phụ-mẫu ; sanh ngã cù-lao.
Thương-thương cha mẹ ; sanh ta khó-nhọc !

5 Nghĩa là hai năm.— Năm 1850.

Bè-trên (1) truyền kén trong trường ba lên.

Phải cho từ đất Cao-mên,
Theo dõi du-học tới miền Phi-năng (2).

Trương cùng hai ngã lãnh bàng,
Đề-huê khăn túi gió trắng theo thầy,
Cổ Long dẫn nẻo đường mây,
Thầy, trò rón-rip đan tay xuống tàu.

Kinh-dô tới đó vô châu,
Vua Mên ban cấp quân hầu đôi voi.

Đường đi lợi suối, qua ngòi,
Rừng xanh, núi đỏ lách-loi dặm ngàn.

Hồ, lang kinh-hải từng đàn,
Chim kêu, vượn hót, muôn vàn sầu-bì.

Một lòng giữ đạo tu-trì,
Thiên sơn, vạn thủy quản gì gian truân.

Nắng, mưa trải đã đầy tuần,
Voi dàu trở chứng: dừng dàu không đi.

Ra roi, bỏ búa sây bì,
Hết hăm lại dụ, mới thì đi cho.

Ngày lâu nó lại trở trò:
Cắt bành, sỏ tróc, chạy xô vào rừng.

Thầy, trò ngư-ngần lạc chừng,
Đồ dùng, lương thực sạch chừng còn gì,

Đi dàu choặng mà đi,
Ngày thì ăn trái, đêm thì leo cây.

Ở lành, may được hồi may:

1 Giám-mục.— Đức cha,

2 Cù-lao Phinang.

Cùng đường lại gặp một thầy Già-lam (1).

Bồ đề đại phát bà tâm (2),

Từ-bi cứu khổ (3) mà làm phước cho:

Giúp cùng tiền, gạo, mọi đồ,

Giác quan (4) chỉ dẫn đường vô, lối về.

Thăng trâu, giùm mướn một xe,

Thầy, trò qua khỏi bến mê (5) đã rồi.

Cửa này Cần-vọt (6) là nơi,

Đậu vô nhà Cổ, đợi thời xuất dương.

Dè dàu giặc biển cường lương,

Tàu quan nhà-nước khôn đường buồng xuôi.

Đợi-chờ hết đứng lại ngồi,

Tinh trong hai tháng chưa xuôi bề nào.

Chúa phù, thánh hộ may sao:

Gặp khi Cổ chánh qua vào Ba-Chum (7).

Đương nguy lại có người giùm,

Mưu cùng đồng-đạo (8), bọc dùm xuống ghe.

Dộng (9) theo mé biển sóng dề,

1 Thầy chùa.

2 Chữ kinh Phật, nghĩa là mở lớn tấm lòng rộng như biển.

3 Kinh Phật: Đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn, là đem lòng nhân-từ cứu nạn cho người.

4 Chữ kinh Phật, nghĩa là mở cửa cho người biết ra vô.

5 « Mê-tân » bến lạc đường.

6 Cửa Cần-vọt: Kampot Namvong.

7 Kampong Thom, thuộc về đất Namvong.

8 Sách Luận-ngữ có câu: « Đạo bất đồng, bất tương vi mưu. » Đạo chẳng cùng, chẳng mưu với nhau.

9 là bơi lượn mé biển.

Thuận chiều buồm gió, noi khe Biên-Hồ.

Bất kỳ sóng rợn nhấp-nhò,

Nồi cơn dông-tổ, giạt vô cạnh rìng.

Nước trào đầy ngập lưng chừng,

Ngon cây nín lấy, dựa lưng vào nhành.

Gió lay, sóng vỗ phập-phềnh,

Trên beo, vượn hú ; dưới kinh, nghe vòn.

Thâu đêm mất vía, kinh hồn !

Rạng ngày mới vượt qua cồn Ba-Thum.

Thoát nơi vây ngục (1), miệng hùm,

Nẻo xa đường thấy lum-xum nóc nhà.

Là nhà đạo-viện Cổ Ca,

Thầy, trò vô đó dễ mà nghỉ-ngơi.

Nước Xiêm mọi cảnh dạo chơi ;

Đế-Thiên, Đế-Thích (2) là nơi cồ thiên.

Mà nay ta mới tới miền,

Mỗi phen du-lịch là phen trải-tùng.

Bầu trời, trái đất tỏ chừng,

Đều là tài-liệu của rừng văn-thơ.

11.— Đêm trăng, ngày gió lửng-lờ,

Tháng ngày lần-lữa đợi chờ ít lâu.

Nhà chung nhen việc vận-thầu,

Sai người sang tới Hạ-châu lãnh tiền.

Đức thầy mới viết thơ-tiền,

Cho về Gia-dịnh mà lên ghe bầu.

Được truyền, mừng-rỡ xiết dàu,

Theo sai, cử bộ tới mau Thị-nghe.

1 là giống cá to, dữ.

2 Ruines d'Angkor.

Quê nhà, mẹ mắng tin nghe,
Sầm-Sanh hành-lý, xuống ghe sang liền.

Mẹ, con kể nỗi hàn-huyên,
Nửa mừng, nửa tủi, chưa yên bề nào.

Bấy lâu vắng mặt khát-khao,
Bấy giờ thấy mặt khác nào giấc mơ.

Than rằng : « Khuya sớm thờ-ơ,
« Dưỡng, sanh dòi nợ, tóc tơ chưa đèn.

« Con xin lập chi cho bền,
« Trở nên quốc-sĩ, rạng nền gia-thanh,

« Đó là báo đức sanh-thành,
« Đó là phụ mẫu lệnh-danh (1) lâu-dài,

« Tình kia nghĩa nợ bời-bời,
« Công, tư có lẽ vẹn hai được nào.

« Đề lời « sanh ngã cù-lao. »
« Nặng trao một gánh cày vào mình anh.

« Đành lòng gắng chút công-trình,
« Đoàn-viên sẽ đợi ngày lành về sau. »

Mẹ, con than thở gót dẫu,
Thương nhau một dạ, giã nhau dòi bề.

Dùng-dằng con ở, mẹ về,
Bờ nam, côi bắc như chia mối sầu !

12.— Dọn đồ xếp xuống ghe bầu,
Thuận buồm chỉ nẻo Hạ-châu sang liền.

Ba ngày xuôi gió tới miền,
Xênh-xang trên bến, dưới thuyền hân-hoai.

Ngày nhàn buông mắt mà coi :

1 Bời chữ « Di phụ mẫu dĩ lệnh-danh. » là làm nên để
tiếng tốt cho cha mẹ.

Đường hoa, phố liễu, lần còi, điểm sên (1).

Phiền-ba là chốn thị-thành,
Đạp-diều xe, ngựa, rắp-ranh trống, cờ.

Đoái trông, lòng luống ngằn-ngor :
Nước non đất khách, tóc tơ nổi mình.

Trải-thầu biết mấy công-trình,
Kiếp tu rồi biết có thành danh chi ?

Gót trần dậu đỏ qua thi,
Nhà trường tạm nghỉ, đợi kỳ tàu Tây.

Chẳng bao tàu cũng đáp ngay,
Thầy trò mừng đã có ngày xuất dương.

Trông ra một cõi minh-mang,
Mời hay xem biển khôn lường biển sâu (2).

Mây xanh, nước biếc một màu,
Phong-trào lồng-lộng biết đâu là bờ.

Qua chơi cửa thánh bây giờ,
Cảm về học-giới mà ngor-ngần lòng (3) !

Bốn bề bằng-lãng vô cùng,
Bầu trời man-mát một vùng bao-la.

Hẹp-hòi mục-dịch như ta,

1 Bỡi những chữ : Hoa-cù, liễu-ô, dác-lầu, xinh-diêm.

2 Mạnh-tử. — Quan ư hải giả nan vi thủy ; du ư thánh
nhơn chi môn giả nan vi ngôn. Cõi ra biển khó biết thề
nào là nước, cũng như vào cửa ông thánh khó biết thề nào
mà nói. Ý nói : cõi học rộng vô cùng.

3 Bốn câu trên là nói : coi thấy phong-trào lồng-lộng mà
cảm về cõi học rộng-rãi vô hạn.

Cảm về thế-giới mà tha-thiết lòng (1) !
Bờ kia, bến nọ trùng-trùng,
Biển dầu, dầu biển mấy vòng đời-thay ?
Cờ trời bay-dật lạ thay !
Cảm về thế-cục mà ngáy-ngất lòng ! (2)
Bao tầm lộn-dục, khơi trong (3),
Kìa ai đuổi sóng, đùa dòng (4) bấy lâu ?
Lòng người mấy đoạn hiềm-sầu ?
Cảm về thế-thái mà đau-dớn lòng ! (5)
Bao nhiêu cảnh-trí lạ-lùng,
Gương xa đem lại thu trong mắt mình.
Mắt coi mà gọi tấm tình,
Sau này chưa biết thân-hình ra sao ?
Lòng theo tàu ruỗi lao-dao,
Trải qua một tháng thẳng vào Phi-Năng.

13.— Bàng-khuàng ngày gió, đêm trăng,
Địa-dur côi đó hằng-hằng coi qua.
Vốn xưa là đất Chà-và (6),
Hồng-mao (7) chiếm lấy đề mà thông-thương.
Nay đã thành côi phú-cường,

1 Là nói: coi thấy bầu trời man-mát mà cảm về cõi đời rộng lớn vô cùng.

2 Là nói: coi thấy biển dẫu mà cảm về cuộc đời thay-đổi.

3 Bối chữ « Dương thanh khích trọc » Quấy cho đục khơi cho trong.

4 Bối chữ « Tùy ba, chục lưu. » là lạng người bòn-ba trên đường danh lợi.

5 Là nói: coi thấy nước trong, nước đục mà cảm về thời đời bòn-ba.

6 Nước Java.

7 Là Anh-cát-lợi (Angleterre).

Văn-minh ngày mở mọi đường giao-thông.

Đạo-mầu dõi lĩnh nhà-chung :

Vàng sang truyền giáo ở trong xứ này.

Nắng mưa trải đã tháng ngày,

Du-Lam xóm ấy lập ngay nhà trường.

Đôi tay long, hồ rõ-ràng :

Bên kia lục-địa (1), đại-dương (2) bên này.

Bốn bề nam, bắc, đông, tây,

Mỗi tòa, mỗi sở đặt-bày mỗi nơi :

Nhà cơm, nhà học, phòng ngơi,

Nhà in, nhà đúc, phòng chơi, kho tàng.

Thức ăn, đồ dụng sẵn-sàng,

Rành-rành quảng-dại một phương nhà tòa ;

Học-qui (3) đặt đủ mọi khoa :

Nào là cách-tri, nào là vệ-sinh,

Rộng tìm các truyện, các kinh,

Sưu-cầu lịch-sử (4), tụng hoành thư (5).

Thiên-văn, toán-pháp, địa-dư,

Học-sanh đủ lớp, giáo-sư đủ vành.

Phổ-thông dùng chữ La-tinh,

Chuyên môn tùy ý học-sanh chọn nghề ;

Xung quanh trường học bốn bề,

Có vườn trồng cảnh đủ huê bốn mùa.

Những ngày giờ nghỉ chơi-dùa,

Kể khoe thi, họa ; người đua cầm, kỳ ;

1 Lục-địa là đất liền

2 Đại-dương là biển lớn.

3 Học-qui là phép học.

4 Xét tìm sử các nước.

5 Ngang đọc sách các nhà.

Thề-thảo tập-luyện có khi,
Đi săn, đi bắn, khi thì đi câu.
Học-sanh các nước đầu-đầu :
Đủ người châu Á, châu Âu mọi loài.
Một lò trù-tạo nhưn-tài (1),
Số trong các lớp Lẽ ngoài ba trăm.
Trưng-sanh chất sáng lại chăm,
Mọi khoa đều muốn lăm-lăm bước vào.
La-tinh, học tới bậc cao,
Những toan rộng-khắp biết bao tiếng ngoài.
Cũng hay ở lẫn nhiều loài,
Có tài nghe lóng, có tài nhạt-thau,
Hiền thông nhiều tiếng hoàn cầu.
Lang-Sa, cũng muốn bắt đầu chuyên kinh.
Có khi coi giấy nhứt-trình,
Đồ xem cội-rễ La-Tinh suy loài.
Cê khi gặp Pháp-thơ lai (2),
Thử đem phiên-dịch ra loài La-Tinh.
Dịch rồi, mới dè lên trình,
Thầy-già coi thấy, thất kinh tài kỳ !
Học-đường từ đó trở đi,
Mỗi tuần thêm đặt một kỳ Lang-Sa.
Đàng đi gần bước tới xa,
Thềm trèo bậc thấp dần-dã lên cao.
Có quan Lãnh-sự Hồng-mao,
Vô trường thăm học, những nao-nức lòng.
Hỏi-han trò chuyện thông-dong,
Bạc trăm treo giải cho trong học đường.

1 Lò nung-đúc nên tài người.

2 Thơ ở nước Lang-Sa đưa lại.

Trương-sanh lòng những nhún-nhường,
Bồi thầy ép, phải dâng trường ứng thi.

Phần ưu văn lọt ba kỳ,
Giải đầu cướp sống mấy vì học-sanh.

11.— Tháng ngày như đuổi thoi oanh (1),
Lá vàng lia cuống, nhánh xanh nảy chồi (2).

Phi-Năng tới đó một hồi,
Xuân, thu thay-đổi đã rồi bốn lần.

Đức theo đuổi tới dần-dần (3),
Hai mươi năm chẵn (4), mười phần nổi danh.

Những mong còn lắm ngày xanh,
Những mong mẹ thấy trưởng-thành kịp khi (6).

Nào dè con Tạo ghen gì ?
Sum-vầy chưa thấy, biệt-ly đã nhắm :

Phút đầu sét đánh ầm-ầm,
Non đồng khi lở, khôn cầm tiếng chuông (7) :

1 Bồi chữ oanh-thoa và chữ tuế-nguyệt như thoa.
nghĩa là: tiếng chim oanh vừa bay vừa kêu, nghe như tiếng
thoi dẹt cửi, ngày tháng mau chóng cũng như vậy.

2 Nghĩa là hết dòng sang xuân là qua năm nọ sang năm
kia. Vả coi xuống dưới có ý mẹ già thác di, mà con trưởng
thành lên.

3 Bồi chữ “Đức dữ niên cầu lẩn.” đức theo tuổi cùng
lẩn-tới.

4 Năm Tự-đức thứ 9. 1855.— 20 tuổi.

6 Bồi chữ Cập kiến kỳ tử chi thành. Nghĩa là: cha
mẹ kịp coi thấy con làm nên.

7 Bồi câu Đồng-sơn tây khuynh, Lạc chung đông ứng.
Núi mỏ Đồng khi lở ở phía tây, chuông đất Lạc liền kết ở
phía đông. Núi Đồng vì với mẹ, chuông Lạc vì với con. Là
ý: ở nơi đất khách nghe tin mẹ thác mà động lòng.

« Than ôi ! cách nẻo tha-hương,
« Trông về muôn dặm tử tang (1) ngậm-ngùi !
« Quê người ngày tháng pha-phui,
« Sớm, hôm khi đã thiếu mùi trần-cam (2).
« Nợ trần xô-dẩy bắc, nam,
« Đạo con nào biết tình làm sao đây !
« Dầu cho đỉnh nặng, chung đầy (3),
« Đâu thưng còn có một ngày nào dầu (4) ! »
Hai hàng lệ-chả tuôn châu !
Ruột tâm chín khúc mối sầu như xe !
Muốn về mà chẳng dặng về,
Khi lên núi Dĩ bốn bề doái trông (5) :
Chơn trời, mặt biển minh-mông,
Xót thân chìm-nổi ! đau lòng lưu-ly !
Nào người tựa cửa những khi ?
Mà nay nào biết con đi, con về (6) !

1 Làng nhà quê thường trồng cây tang, cây tử, cho nên kêu là Tang tử cố hương.

2 Trần-cam là miếng ngon, miếng ngọt nuôi-nấng cha mẹ.

3 Đỉnh là vạc nấu ăn của nhà quan, Chung là hộc đựng lương của các quan, vậy mùi phú quý kêu là đỉnh chung.

4 Bởi chữ “Đầu” thưng đại dưỡng. ” Nghĩa là : làm nên đề lấy lương bổng lương thưng, vức dầu mà nuôi kịp lúc cha mẹ hãy còn. — Là ý nói : mẹ đã thác rồi, thì sau này dầu làm nên đỉnh chung cũng không có nuôi được nữa.

5 Kinh Thi : Trắc bỉ Dĩ hề, triềm vọng mẫu hề. Nghĩa là : ở nơi đất khách trèo lên núi Dĩ mà trông mẹ.

6 Tả-truyện, — Mẹ Dĩ-tử-Thời bảo con rằng : Mẹ sớm đi, tối không về, thì ta tựa cửa mà mong ; mẹ tối đi, sớm không về, thì ta tựa cổng mà ngóng.

Ngàn trùng cách-trở sơn khê,
Non Cương ngóng độ giải-dề cùng anh (1).
 Ấu dành dành vậy cũng dành,
Tự-do quyền chẳng ở mình*biết sao.
 Vòng đời đã trót bước vào,
Ở trong khuôn-phép, lẽ nào vượt ra.

15.— Lần-lần tháng trọn, ngày qua,
Lại hai năm đúng hạn là sáu năm (2).
 Học-trò thay lớp vừa tằm,
Bề-trên cho phép hơn trăm người về.
 Được truyền, mặt nở như huê,
Lên thêm tàu khúc « san-ve » (3) nguyện cầu ;
 Trước tòa thánh, chúa, khấu đầu ;
Trong trường lạy tạ ân sâu đức-thầy ;
 Anh-em nam, bắc, đông, tây,
Mỗi người, mỗi ngã, chia tay mỗi đường.
 Ba người cùng bọn họ Trương,
Tây-phương trở gót, Đông-phương quay đầu.
 Giã-từ đất khách, xuống tàu,
Dò thăm luồng cũ Hạ-Châu lại về.
 Qua thuộc-địa Bút-tu-Ghê,
Ma-la-Cầu dò sấp kê Hạ-châu.
 Lên thăm rồi lại xuống tàu,
Qua năm ngày nửa ruồi mau trở liền.
 Kê dư một tháng tới miền,

1 Bối kinh Thi có câu : Trắc bỉ Cương hề, triêm-vọng
huynh hề. (Lên núi Cương kia, trông xem anh vậy.)

2 Năm 1857.— 22 tuổi. Tự-dức thứ 11 .

3 Kinh Salve regian : lạy Nữ-vương cầu xin cho đi
đường bình-yên.

Cắm neo Phố-mới (1), dọn lên trên bờ.
Nhìn xem bước cũ ngàn-ngơ,
Sáu năm đường trước, bây giờ là đây.
Nghĩ-ngợi đất ấy ít ngày,
Hồng-mao như có tàu Tây qua đàng.
Rắp-ranh đồ-dệ sẵn-sàng,
Đáp liền tàu đó vượt sang cửa Cần.
Trông về cảnh Việt gần gần,
Non sông như đã có phần khác xưa,
Lìa nhà chưa mấy nắng mưa,
Cuộc đời phút đổi cuộc cờ như không:
Tây, Nam từ đó giao-thông,
Tàu binh nước Pháp mới xong cửa Hàn (2).
Cơ trời dầu-biển đa đoan,
Đòi đường lui, tới, biết toan đường nào?
Sao cho thấp khỏi hại cao?
Sao cho đục khỏi lộn vào với trong?
Ngồn-ngang trăm nỗi bên lòng!
Nỗi gần lòng hãy long-dong dậm về.
Đường đi toan-tính mọi bề,
Chỉ miền Gia-Định xuống ghe thẳng vào.
Trải qua Rạch-Giã, Gò-Quao,
Gập ghình sơn thủy, biết bao hiểm-nghèo?
Quản chi lợi suối, qua đèo,
Dẫu từng đất ác, vẫn theo lòng lành.
Nhưng là đi quàn, đi quanh,
Lọt sao các trấn, các thành hỏi tra:
Hề người có đạo ai là?

1 Phố-Mới ở Hạ-Châu.

2 Cửa Tourane Năm 1857.

Bước qua chữ « thập » mới ra khỏi ngoài.

Đêm ngày lính mãi, lo hoài,

Đánh liều mới tới quan cai đồn điền,

Trần tình lãnh giấy phái-viên,

Cho thuyền đưa tới Long-Xuyên lên bờ.

Lại đi dùng bộ thần-thor

Thẳng về Sa-Đéc vân-vơ kiếm dàng.

Kẻ dư một thàng lang-dang,

Có người chỉ-dẫn về làng Cái-Nhum.

Kẻ thân người thích vây-sum,

Người quen kẻ thuộc học-dùm hỏi-han.

Biết bao cảnh-huống hiệp tan,

Tình xưa, nghĩa cũ thở-than hết lời.

Thân-huynh Chánh-Sử nghe hơi,

Vội-vàng sắp-sửa liền dời gót sang.

Anh, em gặp-gỡ số-sàng,

Mừng-mừng túi-túi trăm dàng ngần-ngờ !

Rõ ràng trông mặt bây giờ,

Dưới đèn hiu-hắt còn ngờ chiêm-bao.

Tưởng rằng trong trận ba-đào,

Trăm phần sống thác, chắc nào thấy đây !

Cùng nhau mừng mặt, bắt tay,

Cùng nhau giải-lở niềm tầy mọi bề.

Rạng ngày mới rủ nhau về,

Vĩnh-Thanh vừa tới thôn quê thăm nhà.

Bời-bời nghĩ nỗi gần, xa :

« Từ thân lưu-lạc chốc đà mười năm.

« Nỗi mình mây nước xa-xăm ;

« Nỗi nhà muôn dặm dăm-dăm lo-lường.

« Bao nhiêu đoạn khổ, tình thương,

« Độ về mong những tỏ đường biệt-ly.

« Điều dầu mưa gió bất kỳ !
« Con nay về đó, mẹ thì đi dầu ?
« Thị-nghe, nhớ buổi già nhau,
« Biết dầu vĩnh biệt bắt dầu từ kia.
« Thương ôi ! chưa hiệp đã lia !
« Đường kia nổi nọ như chia mỗi sầu ! »
Lá cây, ngọn cỏ rầu-rầu,
Đem tình đối cảnh những đau lòng người !
Cảnh sao cảnh khéo trêu người !
Người buồn nào cảnh có vui bao giờ !
Chín hồi vẩn-vit vô tư,
Đêm ngày luống những thần-thơ ra vào.
Anh đem lời nói ngọt-ngào,
Liệu điều khuyên-giải, đỡ nao tấm lòng.

16. — Sự nhà đã tiếm thông-dong ;
Sự đời lại tưởng đến vòng công-danh.
Ít lâu từ-giã cùng anh,
Cải-nhum lại tới tập tành nghề ta.
Nhà trường giúp việc Cổ-Hòa,
La-tinh dạy sách, Lang-Sa rèn bài,
Có tài những lụy vì tài,
Đã dày vào kiếp làm trai ở đời !
Ông Xanh bày tấn kịch chơi,
Bắt ra mà đóng một vai bõn tuồng.
Vây sanh giữa cuộc tang-thương,
Chẳng tranh lên trước, chẳng nhường lại sau.
Đông, Tây xoay trái địa-cầu :
Pháp-bình khêu chiến quay tàu hăng sang,

Hạ thành Gia-Định mở đảng (1),
Bất thông ngôn-ngữ, còn dang cần người.
Đức-cha chạy giấy tới nơi,
Vội Trương theo việc giúp lời thông ngôn.
Được tin, lòng luống bồn-trồn :
« Học-hành nào phải chi bòn-xu đời ?
« Mà nay bắt-buộc như chơi,
« Cho hay nuôn sự tại Trời dựng-gây !
« Đã xò mình tới bước này,
« Học thầy thì phải theo thầy biết sao ? »
Mạng thầy, dám chứa vàng nào (2),
Giấn thân trong trận binh-đao kiếm đường :
Qua miền Ba-Đắc, Tham-Lương,
Luồn sang Bà-Queo, dăm quãng Chùa-Mai.
Biết bao nẻo quanh, dậm dài,
Hết đồn giặc-giã, lại dài hỏi-tra.
Nghẽn đường, chẹn lối bao xa,
Nào là tật-bệnh ! nào là gian-nguy !
Vượt sông, trèo núi tìm di,
Thiếu gì sương, nắng, thiếu gì gió mưa.
Nhà-chung kẻ đón, người đưa,
Kẻ hằng năm tháng có thừa tới nơi.
Ghé vai gánh lấy việc đời,
Lòng làm đầy-tớ hình-hải hay sao !
Phòng nơi chưa định nơi nao,
Nhà-chung vội bước lên chào Đức-Cha.

1 Năm 1858 — Tự-đức thứ 12 — 22 tuổi.

2 Bối cầu Sự mệnh vô trức nặc. nghĩa là thầy truyền điều chi, không dám vắng dịp mà để đó.

— Dạy rằng : « Trời đã sanh ta,
« Có tài, có học phải ra mà dùng.

« Nam-nhi gặp hội tang-bồng,
« Đàng mây ai dứt lối công danh này. »

— Ngần-ngơ thừa lại Đứơc-Thầy,
: Rằng : « Con nường lấm lòng chạy theo đòi,

« Chỉ dò dấy biển, dầu ngòi,
« Kỳ cho đạo-lý rạch-rời mới hay.

« Bằng nay học chữa tới nơi,
« Lẽ kia chưa chắc, ra đòi dặng sao ? »

Cha rằng « Đàng buổi ba-đào,
« Thiếu người, con hãy đứng vào giúp cha.

« Cầu cho công-việc tạm qua,
« Tự-do chí-hướng, rồi ra mặc lòng. »

Vàng lời, trở lại trú-phòng,
Bút nghiên nghề cũ gia công tập-rèn.

Tàu binh, từng lúc xuống, lên,
Có công-chuyện khẩn, mới bèn thông ngòn.

Gió lay, mà chí chẳng chồn,
Cỏ-cây cứng-cỏi vẫn còn như xưa.

Xuân-Thu sảy cuộc gió-mưa (1),
Mà lòng sắt-dà chẳng thơ-thớt lòng.

Mặc ai đuổi sóng, đùa dòng,
Tự mình núi lặng, suối trong (2) như thường.

Khi đà thư việc chiến-trường,
Thừa nhàn mới tới học-đường trình qua.

1 Đời Xuân-thu bèn Tàu là đời loạn, vậy bấy giờ có câu Xuân-thu phong vũ hối-minh.

2 Bối chữ sơn tĩnh, truyền thanh. nghĩa là con người ta khi tính-chất còn thanh-minh, yên-lặng như núi, trong trẻo như suối.

— Rằng : « Con tổ-chỉ những là.....

« Ước-ao sang xứ Rô-ma (1) học-hành. »

Cha rằng : « Nước đó chua bình,

« Học du (2) hãy đợi ngày lành sẽ hay.

« Sự quan giao-thiệp như nay,

« Con nên chút gắng đợi ngày thành công.

« Bến-Thành trường Ân lập xong.

« Ba-Ri (3) khâm-mạng một ông chánh quyền.

« Tàn-trào là buổi chữa quen,

« Dùng con giúp việc một phen cho thành. »

Vàng lời, dặn lại Bến-Thành,

Cán, cần (4), giữ phận ; liêm, bình (5), theo quan.

Tánh trời sẵn có lòng khoan :

Người ngay bình-vực ; kẻ gian răn-ngừa.

Vậy nên kẻ miễn, người tra,

Miễn xong việc nước, có thừa phước sau.

Ròng rọc xe lớn, lọng cao,

Cửa Vu, ông đã dựng sào từ đây (6).

Văn-thư nhàn-hạ những ngày,

Theo quan binh ruổi lều Tày di tuần.

Dạo quanh các nẻo xa, gần,

Săn-càn giặc-giã, cho dân dặng binh.

1 Thánh Rome là nơi tòa thánh Giáo-tông ở.

2 Đi chơi học phương xa.

3 Paris.

4 “Cán” là lành-thạo ; “Cần” là siêng-chăm.

5 “Liêm” là thanh-liêm ; “Bình” là công-bằng.

6 Ông Vu-dịnh-Quốc đời Hán làm quan án có âm-đức, khi làm công, biểu thợt : « Làm chút cao lớn lên, đề dưng được xe lớn lọng cao, con cháu ta ngày sau chắc làm nên. »

Xét qua, rồi lại về thành,
Việc quan rảnh, lại học-hành chẳng ngơi.

17.— Nghĩ mình « thế bách ra đời,
« Chẳng qua là nghĩa « tùy thời » (1) đó thôi.
« Phải tuồng tham lộc, luyến ngôi,
« Khuấy cho đục nước, kiếm mồi béo no (2).
« Cầu đây, nào có phải cò (3),
« Chi giống ngàn dặm, sá dò giữa sông (4).
« Mà nay buộc-trói trong vòng,
« Tinh sao cho thoát khỏi tròng mà ra ? »
Nghĩ gần, thời lại nghĩ xa :
« Tròng người lại ngắm vào ta hay gì.
« Lòng người đương buổi gian-nguy,
« Mà xem lòng đạo tinh-vi khôn lường.
« Muốn đem lòng đạo chỉ đường,

1 Kinh Dịch : Tùy thời chỉ nghĩa đại hĩ tai ! Cái nghĩa tùy thời lớn lắm thay ! Ý là gặp cái thời-thế nào thì tùy liệu lấy đạo-nghĩa mà khu-xử cho thích-hiệp, chứ không phải là theo đời.

2 Bối câu tục-ngữ : Đục nước béo cò.

3—4 Bài bản Bắc-sử có câu : Ngang-ngang thiên lý chi cầu, phi phiếm-phiếm thủy trung chi phù. Nghĩa là : Cái chi rộng-xa như con ngựa câu giống-ruồi con đường ngàn dặm, chứ không phải là lòng bôn-xu như con chim phù lênh-dênh giữa dòng nước sông kia đâu. Cầu là con ngựa non khỏe tốt. Phù là loại chim nước như con cò, con cốc, vân vân.....

« Này tinh, này nhứt giữ thường đạo trung (1).

« Ta nay suy-tinh chưa cùng,

« Lẽ dầu đã dám mang dùng quàng-xiên !

« Vả xem thuở trước thánh-hiền,

« Những lời cao-thượng thường liền dạy ta :

— « Kia người đạo-đức ai là,

« Công-danh chẳng chút bỏn qua lòng mình ;

« Kia người chỉ ở công-danh,

« Sang giàu chẳng chút lòng mình bỏn sang ;

« Còn phần chỉ ở giàu-sang,

« Thì con người đó là hàng hạ-lưu (2). »

« Ta nên chỉ ở bậc ưu,

« Rồi ra phần được mới hầu bậc trung ;

« Nếu mà chỉ ở bậc trung,

1 Kinh Thư có câu rằng : « Nhân-tâm duy nguy, đạo-tâm duy vi. Duy tinh, duy nhất, doãn chấp quyết trung. » Nghĩa là : Lòng người là nguy hiểm, lòng đạo là tinh-vi. Vậy muốn đem lòng đạo mà gìn-giữ lòng người, thì phải cho tinh-tế, cho chuyên-nhứt, mà cầm-giữ đạo trung cho chắc. (« Trung » là cái đạo trung-bình, không quá, không bất cập).

2 Sách có câu : « Chi hồ đạo-đức giả, công-danh bất túc dĩ lụy kỳ tâm ; chi hồ công-danh giả, phú-quí bất túc dĩ lụy kỳ tâm ; chi hồ phú-quí giả, dân tư hạ hĩ. » Cái người chỉ về đạo-đức đó, công-danh chẳng lụy nổi tâm lòng mình ; cái người chỉ về công-danh đó, giàu-sang chẳng lụy nổi tâm lòng mình ; còn người chỉ về giàu-sang kia, đó là hạng người đề-hạ.

« Rồi ra thụt xuống bậc cùng (1) mà xem. »

Nghĩ thôi vợ-vần ngày, đêm,
Nỗi niềm tâm-sự mới đem trình-bày.

— Rằng: « Con chút dạ thơ-ngày,
« Đòi đường xuất, xử (2) chưa hay đường nào.

« Lạy cha rộng mở lượng cao,
« Dạy cho con khỏi lao-dao tấm lòng? »

Cha rằng: « Đạo vốn thông-dong,
« Mần chi con phải long-dong lo lường?

« Chi con sao chẳng nói lường?
« Đề cha chỉ nẻo dẫn đường tới nơi. »

— Thừa rằng: « Mùi đạo, mùi đời (3),
« Đòi mùi nếm trải bời-bời chưa phân.

« Lẽ đâu muốn cả đôi phần:
« Muốn làm thầy đạo, muốn mần quan sang?

« Chen nhau đứng giữa đôi đàng,
« Phướng-châm chưa định, còn đang lạc-loài.

« Chi xưa đóng cửa tu trai
« Mà nay ảo-mộng hiện ngoài chơn thân (4).

1 Sách có câu: « Chi hồ thượng, sở đắc hồ trung; chi hồ trung, sở đắc tư hạ hĩ. » Chi về bậc trên, cái phần được về bậc giữa; chi về bậc giữa, rồi cái phần được về bậc dưới mất. (« Ưu » là bậc cao hơn, chỉ về bậc chi « đạo-dức. » « Trung » là bậc giữa, chỉ về bậc chi « công-danh »; « Cùng » là bậc dưới hết, chỉ về bậc chi « giàu-sang. »)

2 « Xuất » là ra đời đề lập công-danh với thiên-hạ; « Xử » là ở ẩn đề tu-luyện đạo đức của mình. Bỡi sách có câu: « Thiên-hạ hữu nhị đạo: xuất dữ xử nhi dĩ hĩ. » Thiên-hạ có hai đường: ra đời và ở ẩn mà thôi.

3 Bỡi chữ: « Đạo vị », « Thế-vị. »

4 Giác mộng huyền-hoặc, chỉ về mùi đời. — Cái thân chơn-chính, chỉ về mùi đạo.

- « Một chơn toan bước ra sân,
« Khó phần trở lại với chơn trong nhà.
« Vậy nên con những lo xa :
« Lỡ chơn lạc bước, rồi ra khó về. »
Cha rằng: « Xuất, xử đôi bề,
« Miễn sao đáng lẽ, chẳng e khác tình.
« Ở nhà cầu lấy chi mình ;
« Ra đời cũng nghĩa đạt-hành đạo tu.
« Nếu người làm hết Sào, Du,
« Thì phần sự nghiệp Y, Chu ai làm (1)?
« Đường kia khả bắc, khả nam,
« Tơ kia vàng đậm, mà lam cũng màu (2).
« Quản chi lo trước tình sau,
« Kỹ cang, ta gặp thời nào thì theo (3). »
— Thưa rằng: « Con thiếu-thốn nhiều :
« Thiếu bề đức-hạnh, thiếu chiều tài-năng.

1 Sào-Phủ, Hứa-Du là hai ông hiền ở ẩn đời vua Đường-Nghiêu; Y-Doãn giúp vua Thành-Thang đánh nhà Hạ mở nước, Chu-công giúp vua Võ-vương đánh nhà Ân mở nước, đều là những ông thánh ra đời. Bởi Tống-nho bàn ông Nghiêm-Quang là người hiền ở ẩn đời nhà Hán có câu rằng: « Nếu người ai cũng như tiên-sanh, thì ai là ông Y, ông Chu? Nếu người ai cũng chẳng như tiên-sanh, thì ai là ông Sào, ông Du? » Ý Đức Cha nói: Nếu người hiền tài ai cũng ở ẩn hết, thì lấy ai ra mà công việc đời?

2 Bởi câu: « Nhất đồ dã, khả bắc, khả nam; nhất ti dã, khả thanh, khả hoàng » (Một con đường, đi sang bắc được, đi sang nam được; một sợi tơ, nhuộm xanh được, nhuộm vàng được). Ý nói: xuất, xử đều có lẽ phải.

3 Tục-ngữ nói.— Gặp thời nào theo kỹ-cương ấy.

« Phao-Lồ (1) thánh đã dạy rằng :
‘Ich chỉ mình đặng, mà nằng ich người ? »
« Thân mình còn gánh chưa ngơi,
« Sức dầu mà gánh việc đời cho qua ?
« Ai dầu : Ta có chi ta,
« Mặc dầu lòng thích, xin cha xét tình. »
Đức-cha ngảnh mặt làm thinh,
Lẳng qua chuyện khác, cho mình khuây di.
Một niềm xin tới ba kỳ,
Liệu bề, cha mới chút chi chiều lòng :
Tư-trình chánh-phủ rộng dong,
Nhà riêng, riêng đặt một phòng yến-cư (2).
Dưỡng nhàn thích ý tự như ;
Việc quan bạ-tịch, văn-thư giúp lẽ.

18.— Công, tư đòi sở di, về,
Fặt-riù dăm liễu, đề-huê đường hoa.
Phất-phơ ngoài quán, trong lòai,
Khi vô quan Phán, khi ra thầy Dòng.
Áo xanh in vẽ phấn hồng (3),
Vô tình nào biết đeo bông là ai ?
Dập-diu trúc trúc, mai mai,
Kẻ xin sửa lược, người nài nâng khăn.
Ước-ao phượng gối loan chẵn,

1 Ông thánh đạo Gia-Tô.

2 “Yến-cư” : Ở thường. Bởi chữ “Tử chi yến cư.”

3 Cô-thi : « Hoa cù hồng phấn nữ, chanh khán lục y lang. » : Con gái phấn hồng ở đường hoa, đua nhau coi ông quan trẻ mặc áo xanh.

Trường cao Tống-ngọc (1) khôn ngăn lòng trần !

Khách tu chẳng hiểu mộng xuân,

Dương-Đài luống phụ lòng thần Vu-Sơn (2) !

Mặc ai gió kếp, mưa dơn (3),

Tự mình những đẹp từng cơn sóng Thần (4).

— Nghĩ mình : « Chưa thoát nợ trần,

« Chỉ hồng chẳng kéo buộc chơn (5) có ngày.

« Đã dành vui đạo bấy nay ;

« Còn bề luân lý chưa hay lọt vành :

« Tưởng công cha mẹ sanh thành,

« Những mong nối-dõi giống lành về sau.

« Tuổi xanh đương tháng ngày Ngâu,

1 Tống-Ngọc là con vua nước Sở, là người đẹp trai, con gái làng giềng hằng trèo lên tường mà coi trộm kẻ tới ba năm trời.

2 Trần-Doãn là người cao-sĩ đời Tống. Vua Thái-tôn đem tặng ông hai người con gái, ông dâng thơ từ-tạ có câu : « Người ăn-sĩ chẳng biết giấc mộng núi Vu-giáp, chỉ luống phụ lòng gái thần khó-nhọc xuống động Dương-đài. » Câu đó lấy tích : vua Tương-vương nước Sở đi chơi núi Vu-giáp, đóng ở động Dương-đài, đêm nằm mộng thấy một người con gái tuyệt sắc tới chào, lâu rằng : « Thiếp đây là thần núi Vu-sơn, sớm làm mây, tối làm mưa. »

3 Tục nước Trịnh dâm-loạn, vậy con gái mong nhớ tình-nhân mà làm thơ Phong-Vũ có những câu : « Gió mưa rần-rĩ canh gà, mặt chàng đã thấy thì ta bằng lòng. »

4 Lòng tình dục con người ta hằng nổi lên đập-dềnh như lớp sóng cửa biển Thần-phù,

5 Thần-tiên truyện: Thần Nguyệt-lão hiện ra ông già đang buổi chợ, đem chỉ hồng buộc vào chơn ả nọ, lại buộc vào chơn chàng kia, sau đòi đó thành duyên vợ chồng.

« Thước ô nên sớm bắc cầu sông Ngân (1).
 « Khỏi điều mây Sở, mưa Tần,
« Bộc, Tang (2) những lụy tới thân ngọc lạnh. »
 Một mình suy-tĩnh đã dành,
Mời đem tâm-sự lên trình Cha hay.
 Cha rằng: « Đạo thánh xưa nay,
« Vẫn là đạo rộng, mặc rày tự-do.
 « Miễn là giữ lấy đức to,
« Còn phần đức nhỏ ra, vô cũng hằng (3).
 « Gió đưa thuận nẻo duyên dang,
« Thi dầu hồng-diệp, xích-thắng (4) cũng nên. »
 Khoan-từ hiểu lượng bề-trên,
Mơ-màng thực-nữ (5) để bên cạnh lòng.
 Đập-dù sứ bướm tin ong,
Hảo-cầu (6) đầu đó cũng trong duyên trời.
 Nhà băng (7) tìm-đội đưa lời:

1 Lấy về tích mồng 7 tháng 7 chim ô chim thước bắc cầu sông Ngân-hà cho ông Ngân hà Ngâu hội với nhau.

2 Bởi tục nước Vệ dâm-loạn, con trai con gái hằng hẹn-hò với nhau ở trên sông Bộc, trong đất Tang.

3 Luận ngữ: Đại-đức bất du nhân; tiểu-đức xuất, nhập khả dã. (Đức lớn chẳng qua bờ; đức nhỏ ra vô cũng dặng). Ý Đức-Cha nói: Theo đạo thì cốt giữ lấy đức-bạch lớn; còn sự thương lẽ vật thì cũng mặc dầu tùy tiện.

4 « Hồng-diệp » là lá thắm, « Xích-thắng » là chỉ hồng. đều là nghĩa kết duyên vợ chồng. (Coi lời dẫn câu “ Dù khi là thắm chỉ hồng ” ở truyện Kiều.

5 Kinh Thi: « Yều-diệp thực-nữ, mục-mục cầu chi. » (đẹp-dàng người gái hiền, mơ-màng tìm lấy).

6 Kinh Thi: « Yều-diệp thực-nữ, quân-tử hảo-cầu. » (đẹp-dàng người gái hiền, tốt đời với quân-tử).

7 Người làm mai.

Nhơn-Giang giống ngọc là nơi Lam-Kiều (1).

Họ Vương có gái mỹ-miền,
Trọn bề ngòn, hạnh, đủ chiều công, dong.

Ngày xuân là rủ, gấm phong,
Phòng the chưa đặt thiệp hồng (2) nơi dầu.

Trương dà ý hiệp, tám đầu,
Sửa hiên đợi nguyệt, dọn lầu khóa xuân.

Phỉ nguyên tài-tử, giai-nhơn,
Hạnh hồng tỏ dặm Châu, Trần (3) đáng nơi.

Nhơn-duyên tiền định bởi trời,
Vườn xuân mai đã kịp thời bầy, ba (4).

Động-phòng rạng vẽ duốc hoa,
Đào tơ, sen ngó, dòi đủ đẹp dòi.

Giao hoan riu-rặt chén mời,
Tình dầm-thắm trước, phước dồi-dào sau :

Trương loan từ bến duyên cầu (5),

1 Thần-tiên truyện : Bùi-Hàng đi tới Lam-kiều gặp người tiên-nữ là nàng Văn-anh, kết duyên thành vợ chồng. (Ở Lam-kiều có giống ngọc).

2 Là thiệp canh đưa tới nhà trai để xem tuổi.

3 Hai thôn họ Châu, họ Trần ở, trồng cây hoa hồng hạnh liền vài dặm đường. Hai họ đó đời đời kết duyên với nhau, vậy nghĩa vợ chồng thường kêu là « Châu Trần. »

4 Nước Hán-nam cảm phong-hóa vua Văn-vương : trai gái kết hôn phải thời, vậy coi thấy cây mai còn có ba, bầy trái ở trên nhánh, e rằng mùa xuân sắp hết đi, vội kết duyên cho kịp thời.

5 Đời xưa có vua cho các Công-chúa đứng ở trên lầu cửa ngọc-môn để kén chồng, đợi khi các quan vô chầu, hễ vừa ý ai thì lện trái cầu xuống đầu người nấy.

Vừa yên giấc điệp (1), ứng mau mộng hùng (2).

Ác vàng, thô ngọc xoay vòng (3),

Lộng chương (4) một gã đầu lòng văn-gia.

« Đặt cho « Vĩnh-Thế » tên là,

Kỳ cho đời nổi nghiệp nhà văn-chương.

19.— Nổi nhà chỉ vấn, tơ vương ;

Ngảnh ra việc nước cũng dương rồi hồng.

Từ khi lục tỉnh bại-vong,

Uy-nghi, dân đã mất lòng Hán-quan (5) !

Đòi trao đương buổi giao quan,

Định lời hòa-ước giao đoan Pháp-dinh.

Khâm sai chánh phó Sứ-tinh,

Họ Phan, họ Phạm, quan kinh hai vì. (6)

Sứ-thần vàng chiếu chinh nghi,

Sứ-trình rộn-rịp định kỳ xuất dương.

Kén tay từ-nghinh sở trường (7),

1 Trang-tử. — Ông Trang-Chu nằm mộng thấy mình hóa ra con bướm. Vậy giấc ngủ hằng kêu là « giấc điệp. »

2 “Mộng hùng” là điềm sanh con trai. Bởi kinh Thi có câu : Mộng thấy lá con hùng, (con gấu) là con bi, (con beo) là điềm sanh con trai.

3 « Ác vàng » là mặt trời, « thô ngọc » là mặt trăng. Câu đó là nói cưới vợ đặng đầy năm.

4 « Lộng chương » là mừng sanh con trai. Bởi thơ Tư-can có câu : Mới sanh con trai,... mới bốn nó bằng ngọc chương.

5 Nhà Tây-Hán đã mất về Vương-Mãng, sau vua Quang-võ khởi binh dất Nam-dương, dân Nam-dương coi thấy mừng rằng : « Chẳng ngờ ngày nay lại đặng coi thấy uy-nghi quan nhà Hán ! »

6 Phan-thanh-Giảng, Phạm-phủ-Thứ.

7 Giỏi về ngọn-từ giao thiệp với ngoại-quốc.

Địch-dề (1) chức ấy họ Trương ai tày !

Tám thân sanh giữa hội này,

Ngồn-ngang nước tổ, nước thầy (2) đôi bên.

Sao cho quốc-sự dặng nên.

Đòi trào hòa-hiếu, miễn dền chút công.

Đã lòng vì nước, vì công,

Cha con đành đó, vợ chồng quân chi.

Ngậm-ngùi thay ! buổi phân kỳ,

Bước đường kẻ ở, người đi, ngại-ngùng !

Nàng rằng : « Non nước ngàn trùng,

« Chàng đi gánh lấy chữ « trung » một mình.

« Niềm tây còn nổi gia-dinh :

« Con thơ, vợ đại, trăm tình dờ-dang !

« Mong chàng trọn tiết Tô-lang (3) ;

« Non Ngòi, thiệp cũng chen vàng tạm khuấy (4).

« Năm chầy tháng chẳng bao chầy,

« Chỉ ngày đường biển Đại-Tây quay tàu.

« Khi về, chàng chẳng bạc đầu ;

1 “Địch-dề” là chức thông-ngôn phương Tây. Bởi thiên Vương-chế kinh Lễ có câu : Tây-phương viết “Địch-dề” , “Địch” là phương Tây, “dề” là hiều. Nghĩa là hiều tiếng phương Tây.

2 Nước Tổ là nước Nam, nước thầy là nước Pháp.

3 Ông Tô-Vô vâng mạng vua Võ-đế nhà Hán sang sứ Hồ. Chúa Hồ bách-hiếp sự gì, cũng không chịu biến đổi tiết nghĩa dề nhục quốc-thê.

4 Vua Văn-vương khi đi mần việc quan xa, vợ là bà Thái-dĩ mong-nhớ, lên núi Thôi-ngôi đứng coi, phủ thơ Thái-dĩ có câu : “Ta sẽ rót chén vàng, chỉ dề khuấy lòng nhớ.”

« Lầu trang, thiếp vẫn giữ màu phấn, son (1).

« Mong chồng chơn đứng dẫu chồn,

« Nắng sương chi dễ đá mòn nàng Tô. » (2)

Chàng rằng : « Chút dạ liễu-bồ,

« Khéo đo được chi tang hồ (3) nam-nhĩ.

« Ấu đành nường-náu tạm thì,

« Hạ di thu tới, qua-kỳ (4) chẳng bao. »

Cửa Trời Sứ đã giục sao (5),

Trạm mai chỉ dặm, buồng đào cất chơn.

Dỡ vai đôi gánh nợ-nần :

Tay cầm cờ tiết, tay phân tẩm bào.

Đình Hồ thoát khỏi đình Cao (6),

Trông bờ dương-liễu, biết bao là sầu !

Cỏ, dầu xanh biếc một màu,

1 Bởi câu ; “ An dắc quân vô lão, nhật thiếp thường thiếu niên.” (Mong sao chàng chẳng già ; Thiếp ngày trẻ trung mãi).

2 Nàng Tô-thị tiễn chồng đi tòng quân, đứng ở trên núi cửa Nam-quan trông theo, hóa ra hòn đá. Người sau kêu đá đó là “ Vọng phu thạch.” (đá mong chồng).

3 “ Tang-hồ ” là cung dâu, điền đã dẫn ở trên.

4 “ Qua-kỳ ” là hẹn mùa dưa. Vua Tề Hoàn-công sai tướng đi thú, nhưn khi vua đương ngự thực dưa, cầm miếng dưa phán rằng : “ Tới mùa dưa sang năm sẽ cho dời phiên về.” (Nghĩa là đầy năm).

5 Bởi câu “ Sứ-tính thiên môn thời liễu phát.” Nghĩa là : Cửa nhà vua quan sứ giục đường sớm ngày phát hành từ lúc còn sao.

6 Bởi câu “ Hảo thị xuân-phong hồ thượng đình.” (Vui thay gió xuân ở đình trên hồ), nghĩa là chốn sum họp. và câu : « Cao-đình tương biệt xứ. » (Đình Cao là chốn già nhau).

Lòng chàng, ý thiếp, ai rầu hơn ai (1) ?

Vò câu giông-ruồi dậm dài,

Bóng trắng đã gié bóng người đầu đầu (2).

Cùng trông, cùng chẳng thấy nhau,

Cách ngàn mây biếc, khuất đầu núi xanh (3).

20.— Phất-phơ mười dậm bờ-đình (4),
Tinh-thiều (5) đuổi gió trầy kinh Trung-kỳ.

Vò châu lay trước long-trì (6),

Trào-đoan vàng mạng, miếu-nghi chịu lời (7).

Lui châu, cùng bộ Sứ-Trời,

Liều dìn, hoa đón (8) tới nơi Nam-kỳ.

Thân-huynh Chánh-Sứ xin đi,

Một đoàn phái-bộ một khi xuống tàu. (9)

Ba ngày tàu tới Hạ-Châu,

Lên bờ đậu lại ít lâu vài ngày ;

Tây-dương tàu cũng đáp ngay,

1 Đường thi: Cổ Yên như tơ biếc; đầu Tần rả cảnh xanh
Đương này chàng mong mãi, là lúc thiếp thương tình.

2 Bối câu: “Minh nguyệt tùy như hành.” (Bóng trắng
theo người đi).

3 Bối câu cổ-thi: Trông nhau, chẳng thấy nhau, mây biếc
cùng núi xanh.

4 Phép nhà Tần: Cứ 10 dặm đường đặt một cung trạm,
ở trạm trồng cây bồ. Vậy kèn là “Bờ-đình.”

5 Tinh-thiều ” là xe quan Sứ.

6 “Long-trì ” là thềm rồng.

7 Lễ-ký: Phạm quan Sứ hay là quan Tướng, khi đi thi
vàng mạng sai-ủy ở trên tráo, chịu lời dặn-dó ở trên miếu.

8 Bối chữ “Hoa nghinh.... liễu phật.... ” ở Đường-thi.

9 Đi sứ năm Tự-Đức thứ 15. — 1862.

Đồ neo chạy xuống thành này Sa-Sen (1).
Qua Thiên-Trúc (2) tới A-Đen (3),
Kể dư một tháng dòi phen đến rày;
Hai ngày tàu nghỉ lại đây,
Lại trông biển Đỏ (4) mười ngày thẳng vô;
Qua thành Suýt (5), tới Gíp-Tô (6);
Chuyến xe lửa, nhận địa-dò Ke-rơ (7);
Tám ngày nghỉ đó nhàn-thơ,
A-Lê (8) xe tám ngày dư tới thành;
Năm ngày ở lại sấm-sanh,
Mc-Đi (9) tàu biển chạy lanh tám ngày;
Nước trào khi rặc, khi đầy,
Gót trần khi đỏ, khi dầy bình-bồng.
Chiều thiên-lý kiếng ra trông,
Kia kia cửa biển Tu-Lông (10) đã gần.
Kể từ đất Việt dời chơn,
Trong hai tháng lẻ lần-lần tới đây.
Qua bao thành-thị Đông, Tây,
Trải bao non nước, cỏ cây cõi đời.
Tùng công, nhơn dịp đi chơi,
Nhơn-tình quốc-thế, tới nơi xét tường:

1 ?

2 Inde.

3 Aden.

4 Mer rouge.— Hồng-hải.

5 Port-Saïd.

6 Egypte.

7 Caire.

8 ?

9 Méditerranée.

10 Toulon.

Đâu bại-liệt ? đâu phú-cường ?
Văn-minh đâu tá ? đâu đường dã-man ?
Bút đã sét, mực đã khan,
Đã đầy vở chép, đã tràn túi thơ.
Được, thua lần ngẫm cuộc cờ,
Người đa tình đó những ngơ-ngần tình !
Chánh là « Pháp-quốc sứ-trình (1) » ;
« Tây-phương du-ký » cũng thành hồn tư (2).
Mình còn đeo nặng giản-thư (3),
Vừa đi vừa nhận địa-dư hằng ngày.
Tàu đà đóng biển Đại-Tây,
Lang-Sa qui-quốc sắp bày tiếp-nghinh :
K'o cờ, nổi nhạc linh-dinh,
Thanh-nghi rước Sứ lên thành tạm nơi.
Rạng ngày tàu khởi kè nơi,
Mạc-Xây (4) thẳng chỉ một hơi lên thành.
Ngày mai xe lửa lại nghinh,
Chinh-tề cùng tới Pháp-dinh Ba-Ri (5).
Đậu nhà Sứ-quán chinh nghi :
Quốc-thư quốc-tệ dọi kỳ bang-giao (6).
Pha-luân (7) Hoàng-đế ngự trào,

1 Tập chép đường sứ nước Pháp là việc công của nước.

2 Tập ghi sự chơi phương Tây là việc riêng của mình.

3 “Giản-thư” là thư của trào-dinh sai đi.

4 Marseille là thành-phố nước Pháp.

5 Paris là kinh-đô nước Pháp.

6 Văn thư và lễ-vật của nước mình sang giao sinh với nước người.

1 Napoléon là vua nước Pháp khi đó.

Giao lân, tiếp khách biết bao thanh tỉnh!

21.— Định lời hòa-ước đã thành,
Thừa nhân đạo cảnh văn-minh nước người.

Mười phần cường-thạnh vẹn mười !
Cây phò lá tốt, hué tươi mọi màu :

Nào đường, phố, nào kênh, cầu,
Nào gươm, nào súng, nào tàu, nào xe,
Sĩ, nông, công, cổ mọi bề,

Văn-minh đã đủ trò-vẻ văn-minh!

Mở-mang đã lắm công-trình,
Cải lương chánh-sách (1) đã thành cơ-ngoi.

Âu-La (2) riêng một phương trời,
Sáu phần cường-quốc, chen vai một phần (3).

Coi người, lại ngấm vào thân,
Khiến lòng đa cảm phân-vân nghĩ-lương:

« Cuộc đời là cuộc đồ-trường (4),
« Năm châu, muôn nước kiểng đường đua-chen.

« Chớ cho là vụn đồ, đen,
« Tinh-khôn thì được, thấp-hèn thì thua.

« Nếu còn giữ mực thân rùa,
« Chẳng đành đội hạc, thì chùa đội bia (5).

1 Cách-thức chánh-trị nhà nước sửa đổi lại cho tốt lành.

2 - 3 Châu Âu-la-Ba có 6 nước mạnh. .. thì nước Pháp là một.

4 “ Đồ-trường ” là đám đánh bạc.

5 Con hạc thờ ở các đình và tấm bia ở các chùa thường kê chơn bằng con rùa đá. vậy phương-ngôn có câu : “ Thân em như thê con rùa, lên đình đội hạc, xuống chùa đội bia. ” là nói vi-dụ cái thân làm tội-tử người ta.

- Bày ra trước mắt kia kia,
- Đêm dài, ta có thức khuya mới tường (1).
- Muốn cho khỏi bệnh liệt trường (2),
- Này khoa học-vấn là phương bồ từ (3).
- Bằng nay ta chữa biết gì,
- Lạc-loài chữa hiểu đường đi, lối về.
- Cây người chỉ-dẫn bến mê,
- Việt đây, Pháp đấy đề-huê lấy nhau.
- Tự do, ta đã bắc cầu,
- Thì đường bình-dẳng ta hầu bước lên.
- Ai ôi! lập chi cho bền,
- Đừng quên nghĩa nặng, miễn đền thù sâu.
- Chớ tham những sự sang-giàu,
- Để người kêu ngựa, kêu trâu (4) cũng đành.
- Đưa chơn qua nước văn-minh,
- Bước may, chẳng luống công-trình của ta.
- Đi xa, kiến-thức càng xa.
- Lựa gì đọc sách mới ra học-hành.
- Cảnh bằng muôn dặm thênh-thênh (5),

1 Phương-ngôn: “Thức khuya mới biết đêm dài.” nói ví-dụ về nghĩa: có từng-trải mới hiểu sự đời hay là thời đời.

2 “Liệt-trường” là bệnh hư ruột. Nói vì nước hèn yếu.

3 Thang thuốc bồ con từ cho béo tốt, mạnh giỏi.

4 Bởi chữ “Hồ ngư...”, hồ mã...” ở sang Trang tử, nói cái thân cam chịu làm nô-lệ cho người,

5 Bài tiên-dao-du ở sách Trang tử nói rằng: “Con cá còn là loài cá lớn ở biển. hóa làm con chim bằng, bay một hồi 9 muôn dặm.” Đó là nói ngụ ý: người cao-sĩ đi du-lịch khắp bầu trời trái đất.

« Tiêu-dao cho thỏa chí mình mới cam.

« Đã hay : thần-phận Bắc, Nam ;

« Biết đây, biết đó cũng làm kiếp trai. »

22.— Ba-Ri tháng đã tròn hai,
Châu-toàn sứ-sự công sai đã rồi.

Lòng chày tưởng đến một hồi :
Y-Ta là nước có ngòi Giáo-Hoàng (1).

Tây du nay cũng tiện dàng,
Lễ-tâm sắp-đặt mà sang yết-trình.

Trước là đem tẩm lòng thành ;
Sau là thỏa ước học-hành bấy nay (2).

Pháp-đình tấn yết tâu-bày,
Rắp-ranh đủ lễ, định ngày ra đi.

Phân đôi thủy, lục giao tri (3) :
Phạm, Phan đường thủy trước kỳ A-Me ;

Trương thì đường lục lên xe,
Lại truyền tàu tới A-Lê một kỳ.

Tàu, xe thủy, lục lần đi,
Tám ngày thẳng chỉ Ma-Tri (4) kinh-thành.

Lệ thường trình giấy thông-hành,
Dâng thơ tấn yết trào-đình Pha-Nho.

Trào-ban rộn-rịp trản trò :
Phường tâu nhạc rước, linh hồ súng chào.

Vội mừng làm lễ đón vào,

1 Tòa thánh Giáo-hoàng ở thành Rô-Ma (Rome) nước
Italie. .

2 Cõi đoạn 17.

3 Đường thủy thì đi tàu, đường lục thì đi xe, đôi đường
lần rước tới.

4 Madrid là kinh-đô nước Yphanho.

Chủ, tàn giao-cận (1), xiết bao ân-cần.

Vấn-minh trọng nghĩa « giao lân »,
Vạy nên hậu đãi sứ-thần Nam-bang.

Năm ngày dạo cảnh khang-trang,
Mạng trào sai sứ dẫn đường Rô-Ma.

Thành kia, trấn nọ lần qua,
Xe lên, tàu xuống hết xa lại gần.

Khi viếng cảnh, khi nghỉ chơn,
Nhứt-trình kể đến ba tuần lễ nay.

Rô-Ma thành đã tới đây,
Quản-thiều đã thỏa bấy chầy chiêm bao (2)!

Gót trần qua tới nguồn Đào (3),
Theo cây, lần đá bước vào Thiên-Thai (4)

Trập-trùng quán, các lầu, đài,
Bằng-khuàng như thể cõi ngoài trần-gian.

Ngạt-ngào mùi xạ, hương lan,
Điện-cung nghiêm-thăm, miếu-dàn nguy-nga.

Theo quan hộ-tiếp lên tòa,
Chuông rung, cửa mở, Chúa ra ngự trào.

Tôi con được lệnh bước vào,
Ngửa trông bảo-điện cao-cao châu qui.

1 Dời nước chủ, khách làm lễ yết kiến nhau kêu là « giao-cận ».

2 « Quản-thiều » là khúc nhạc tiên. Bởi câu : « Thân thảo đã nhi mộng quản-thiều. » : Mình ở nơi nội cỏ mà chiêm-bao mơ-tưởng khúc quản-thiều.

3 4 Nguồn Đào-hoa và núi Thiên-thai đều là những cảnh tiên, Thơ Thiên-thai có câu : « Thụ nhập Thiên-thai thạch-lộ tân. » (Theo dây cây vào núi Thiên-thai đường đá như mới), và câu : « Ta tự Đào-nguyên vấn chủ-nhơn. » (Nên tới nguồn Đào hỏi người chủ).

Lời vàng phán dạy hoan-hỷ,
Diễn hình (1) thật bậc sanh-tri (2) ra đời !
Cách ăn, nết ở mọi lời,
Chơn-truyền thay mạng Chúa-Trời dạy dân.

Cha chung thương hết nhơn-quần,
Rộng ơn, chẳng kể xa, gần dâu-dâu.

Điện vàng tuyên dụ hồi lâu,
Bấm chuông phán gọi ban hầu truyền vô.

Đệ ra tron-bảo mọi đồ :
Sách kinh, vàng ngọc ban cho Sư thần.

Khấu đầu qui lạy trước sân,
Lạ ơn thánh-giáo, tần-ngần bước ra.

Tình vui, lòng nở như hoa,
Công-trình cũng bỏ đường xa tới miền.

Thâm-nghiêm cửa thánh, sân hiền,
Rừng văn, biển học, có duyên dặng vào.

Thanh-nhân tìm thú tiêu-dao,
Dạo chơi nước thăm, non cao cảnh mầu.

23. — Bấy ngày thu-sếp xuống tàu,
Giã-từ lạc-quốc (3), quay đầu trở ra.

Mông-minh biển rộng, bờ xa,
Giữa dòng chiếc bách (4) phong ba rập-rình.

Từng khi dòng-tổ bất tình,

1 « Diễn-hình » là phép-tác.

2 « Sanh-tri » là ông thánh sanh ra biết ngay.

3 Kinh Thi : « Thịch bỉ lạc-quốc. » (Tời nước vui kia).

4 Kinh Thi : « Phiếm-phiếm bách-châu, tại bỉ trung lưu. »
(Lênh-dênh thuyền bách, ở giữa dòng kia).

Một phương hiên khô (1) linh-dinh giạt tàu;
Từng khi súng ầm phá sau,
Tan-tành vật hại, người đau, hiềm-ngheo;
Từng khi giữa biển gieo neo,
Cơn mù kéo tối, quanh-quẹo sắc luồng.
Kể sao hết nỗi thảm-thương !
Nói sao cho xiết mọi đường long-dong !
Chỉ nường trung-tin một lòng (2),
Ngày nay chẳng quản trong vòng phong-ba (3).
Vây khi bốn biển không nhà,
Mà người khác giống cùng là anh em.
Gian-nan mà đặng êm-dềm,
Kẻ ra sức giúp, người đem lòng vì :
Náp-Lơ cứu vớt cơn nguy (4),
Lang-Sa tiếp rước trong khi sắc luồng (5).
Quanh-co trong cõi đại-dương,
Đi hai tháng lại quay đường Gíp-Tô (6).
Đương cơn sóng vỗ nhấp-nhò,
Tàu Lang-Sa gặp, mới hò súng mừng.

1 Bối chữ « Khô-hải » ở kinh Phật.

2 3 (Cổ-thi : « Bình-sanh trọng trung-tin, kim nhứt nhiệm phong-ba. » (Lúc thường giữ lòng trung-tin, ngày nay mặc sóng gió).

4 Khi tàu ở Rô-Ma ra, gặp cơn dòng-bão, gãy cột buồm, hễ ống khói, linh-dinh giữa biển, ba ngày giạt vô phần biển Náp-Lơ, (Naples) phát súng chào, lại chẳng may súng bị ứt phá hậu, tàu hư, đồ hỏng, què-gãy cả người, Quan Trấn Náp-lơ cứu vớt chữa chạy cho.

5 Lại một khi gặp cơn mù trời, tàu sắc luồng, lạc quanh lại phần biển Gíp-tô, gặp tàu Langsa dẫn về Langsa.

6 Egypte.

Kéo neo, chỉ nẻo đưa chừng,
Nạn trần mới biết lằng-lằng sạch lầu.
Lại lên Pháp-quốc vô châu,
Trước sân Pháp-đế mới tàu xin về.
Trào sai đưa tới A-Me,
Tàu quan chánh, phó độn kê biển khơi.
Đội-chờ đã bốn tháng trời,
Rô-Ma nào biết tắm-hơi dương nào ?
Gặp đây mới tỏ tiêu-hao,
Cùng nhau tay bắt, mặc chào mừng thay.
A-Me, tàu đỗ neo ngay,
Thuận buồm, xuôi gió, đêm ngày như tên.
Lần theo Biển-Đỏ, A-Đen,
Dò thăm luồng cũ chỉ miền Hạ-Châu.
Tháng tròn trăng gió lầu-thầu,
Thế trào Tây đã đưa tàu biển Nam.
Phương trời con mắt dăm dăm,
Sứ-trình mười tháng qua năm mới về.
Ngày đi, liễu đủ bèn dè (1),
Ngày về, tuyết điểm hoa lê đầy dàng (2)
Đi, về mọi nỗi phân-mang :
Nửa mừng công trọn, nửa thương dặm dài.

1 Kinh Thi : « Tịch ngã vãng hĩ, dương-liếu y-y. » Lại bởi Đường-thi có câu : « Trường đề dương-liên sắc. » Đó là nói : đi từ cuối mùa xuân năm trước.

2 Kinh Thi : « Kim ngã lai tì, vũ tuyết tái đồ. » Lại bởi câu : « Tuyết điểm lê hoa. » Đó là nói : đến đầu mùa xuân năm sau mới về

Ngâm-ngủ Bắc tuyết, Nam mai (1).
Cõi đời thay-đổi, việc người đổi-thay (2).
Buồn tênh, có lúc vui vầy,
Đoàn-viên đã bỏ những ngày phân-ly.

24. — Nghĩ thành Gia-Định chút khi,
Lại cùng Sĩ-bộ định kỳ tấn kinh.
Song-song lạy trước Đế-dinh,
Quy tàu phục mạng : sự-tình bang-giao.
Bóng hoa đình-liệu cao-cao,
Trào-ban rộn-riپ truyền khao Sĩ-thần.
Mặt rồng phủ-dụ ân-cần.
Oanh đồn, phụng hát lựa vắn « hoàng-hoa ». (3)
Luận công, mưa tưới, móc sa,
Hàm thẳng, chức bỏ, đều gia ơn lành :
Bồi thần Chánh-Sĩ tùy hành (4)
Dự công, bỏ nhiệm Huyện-thành, thù lao ; (5),
Trương-quân Vĩnh-Kỷ công cao,
Nghĩ nên trọng dụng liệt vào triều-ban.
— Tạ rằng : Quốc bộ đa gian. (6)
• Tội con dẫu dám từ nan buổi này.

1 2 Đường-thi: « Khử tuế Kinh nam mai tự tuyết: kim niên Kế bắc tuyết như mai. Cộng ta nhân sự vô thường định: tha hỉ niên hoa khứ phục lai. » (Năm ngoài phía nam châu Kinh hoa mai trắng như màu tuyết; năm nay phía bắc châu Kế màu tuyết trắng như hoa mai. Cùng than việc người không thường định., hãy mừng tuổi trời đi lại lại)

3 « Hoàng-hoa » là thơ hát phủ dụ Sĩ-thần trong tiệc yến mời về nước.. (Tiêu-nhã kinh Thi.)

4 Quốc-trào luật-lệ có chức « Sĩ-thần tùy-hành. »

5 « Thù lao » là đền công khó-nhọc.

6 Vận nước nhiều sự gian-nan.

« Hiệu lao (1) gọi chút mây-may,
« Miễn xong bồn-phận, dẫu bày làm công.
« Vả xưa thanh-tĩnh làm lòng,
« Rộng cho dưỡng tánh ở (2) trong cõi đời.
« Bầu trời ngày tháng thanh-thời,
« Mây mưa cũng thấm ơn trời tưới ra.
« Khắp trong cõi đất bao xa,
« Dẫu rằng thảo-mãng cũng là tôi vua. (3)
« Còn phần mặn, ngọt, cay, chua.
« Nết gàn vốn sẵn chẳng ưa mùi đời.
« Khẩn cầu : thuận-thích tánh trời.
« Đó thời ơn biển, đó thời đức non. »
Tiếc người hữu đức, hữu ngôn, (4)
Vả hai chánh-phủ đều còn nhu nhơn. (5)
Về bên Pháp-chánh cũng cần,
Toàn-Quyền những ép giúp chơn trị vì.
— Nghĩ mình ở đất nguy nghi. (6)
Tây, Nam dòm ngả biết đi ngả nào ?
Theo Tây thì ngoại Nam nao ;
Về Nam lại sợ Tây trao lòng ngờ.
Tôi, lui lần bước ngẩn-ngơ :

1 « Hiệu lao » là ra sức khó-nhọc.

2 Nuôi cái tánh-tĩnh thanh-tĩnh.

3. — Kinh Thi : « Suất thảo chi tân, mạc phi vương thần »
(khắp cả cõi đất, không ai chẳng là tôi vua.) — Mạnh-tử : ở
chốn điền-dã xưng rằng : « Bê-tôi thảo-mãng ».

4 Người có đức-hạnh tốt, ít có lời nói hay. (Luận-ngữ).

5 Nhu nhơn là cần dùng người.

6 Mình ở đất nhiều sự nguy, tiếng ngờ.

Bèn Tề, bèn Sở biết thờ bèn mô ? (1)

Ấy ai gây-dựng cơ-dồ ?

Khiến lòng trung ái (2) những hồ-dồ thay !

Đã nên thời-cực như vậy,

Người hào-kiệt cũng su tay mà nhìn !

Chi bằng nương lẫm lòng tin.

Núi sâu, hang thẳm giữ-gìn nét cao.

Chẳng hơn theo ruồi sóng dào.

Tham bề thế-lộc mà trao tánh thường.

Chẳng hơn đua-đuôi giữa đường,

Không loài bán nước, thì phường mua vinh.

Hay gì khóa lợi xiềng danh, (3)

Bỗng không giam-buộc cái mình tự do !

Coi như thời-đại qua dò. (4)

Hỡi dẫu mà giữ ho-bơ vào mình ?

Lao-đao tâm những hồi tinh,

Thôi dà dẹp nổi bất bình là thôi !

— Từ rằng : « Trời phú tánh tôi :

« Gió, trăng vui-thú trên đời, dưới khe.

« Đương khi đất nước đôi bè.

1 Mạnh-tử. -- Vua Văn-công nước Đằng hỏi ông Mạnh-Tử rằng : Nước Đằng là nước nhỏ, tiếp-giáp hai nước Tề, Sở, vậy thì nên phụng-thờ nước Tề hay là nên phụng-thờ nước Sở ?

2 Trung vua yêu nước.

3 Bởi chữ : " Danh cương, lợi toả. " Nghĩa là : tham luyến sự danh-lợi dễ chịu bó-buộc cái thân mình, chẳng khác gì khóa xích tay, xiềng buộc cẳng như người tù vậy.

4 Bởi chữ "Quá độ thời-đại." là cái đời đã rồi.

« Ôn cho một giấc ngủ khê (1) là may.
« Còn bề tình nặng, nghĩa dày,
« Bền vua (2) cũng nhớ, bền thầy (3) cũng ghi.
« Mai sau họa một đôi khi,
« Có điều ích-lợi chung gì xin đem.
« Văn-minh (4) gặp hội ứng điềm,
« Ở nơi diên-dã dặng xem mây rồng (5).
« Lượng trên đầu cổ ép lòng,
« Thì ban chánh, giáo cùng trong vương-thần.
« Dám xin từ phú, cư bần (6),
« Lành vàng một chức « tác nhân (7) » cũng vừa.
« Cũng là chức-phận phụng-thừa phép công.»
Hòa hai chánh-phủ chiều lòng.
Bỏ liềm Đốc-Học trường công Nam-Kỳ,
Đề-huê một gánh cầm thi,
Bút nghiên giống-giả học-qui, coi trường.
Lưu tâm sách-vở văn-chương,
Gia công giữa ngọc, rèn vàng cho ai.
Học-khoa các lớp đủ bài,

1 Thơ ông Trần-Đoàn : “Thử hỏi thiên-hạ dò vô sự, chính thị sơn trung thụy đặc lao.” (Hồi này thiên-hạ đều không có việc chi nữa, chính là lúc trong núi ngủ dặng giấc say.)

2 « Bền vua » là nước Nam.

3 « Bền thầy » là nước Pháp, nghĩa là nước Đức Cha.

4 5 kinh Dịch: « Hiện long tại diên, thiên-hạ văn-minh » (Rồng hiện ở chốn diên-dã, là điềm thiên-hạ văn-minh.)

6 Từ chức giàu, ở chức nghèo. (Manh-tử.)

7 “Tác nhân” nghĩa là: dạy người ta cho thành người hay, Bởi kinh Thi có câu: “khải-dễ puân-tử, hà bất lúc nhân.”

Tùy phương chữa bệnh, tùy tài uốn cây.

Làm thầy đã đáng giá thầy!

Coi như Bắc-Đầu! xem tay Thái-Son! (1)

Mira mùa tưới xuống từng cơn, (2)

Đất Nam bị hóa xanh rờn màu cây! (3)

Nào chữ Hán, nào chữ Tây,

Nào là Nam-thoại (4) ngày ngày cần-chuyên.

Xét tìm lý-học căn nguyên, (5)

Điều-hoà tàn cự, bá-truyền văn-minh.

Thơ-đường gió mát, trăng thanh.

Ngày qua, tháng tới, đã lành ba năm.

25. — Bỗng dầu trong dạ nghĩ thầm :

« Cái hình làm lụy cái tâm mấy lần!

« Đã lòng kinh nghiệp, lạc quần, (6)

« Còn vương tấm lộc bó chơn giang-hồ!

« Vô ra không dặng tự do,

« Đi đâu xin phép có cho mời dành.

« Gió mây quen thú tung-hoành,

« Dùng chi cái nợ phù-danh buộc mình!» (7)

Ngủ thôi, dặng sờ trần tình.

Liệu chiều cáo bệnh, dinh-ninh xin về.

1 Ông Hán-Dũ đời Đường là bậc đạo học cao xa, học-trò coi như sao Bắc-Đầu, núi Thái-Son.

2—3 Bởi Chữ “ Như thời vũ hóa. ” Nghĩa là: học-trò được ơn dạy của thầy biến-hóa khi-chất đi, khác nào như cây-cỏ được cơn mưa mùa tưới xuống, thầy đều xanh-tốt.

4 Nam-thoại là Quốc-ngữ nước Nam.

5 Nguồn, gốc học nghĩa-lý.

6 Kinh nghiệp học, vui dần-lũ.

7 Bởi câu thơ: “ Hà dụng phù danh bận thử-thân. ” (Dùng chi tiếng hão buộc thân này!)

Thanh-nhân luyết cảnh sơn khê,
Trúc tơ thích tánh, cỏ huê say tình.
Khi đi, sơn thủy dạo quanh.
Khi về, lại cứ nương mình thơ-trai ; (1)
Khi vui, bạn với sách bài (2),
Khi buồn, con hạc, vợ mai (3) khuấy sầu.
Gió sông, trắng núi lần-thâu,
Kho trời tiêu rồi với nhau chẳng cùng (4)
Của đời là cái của chung.
Thầy trò, bạn hữu ta cùng ăn chơi.
Những toan vỗ món nợ đời,
Mà đời đòi mãi, nào rời cho ta :

26. — Có quan Nguyên-Soái Ga-Ra,
Vàng-sai khám-mạng Lang-Sa sang miền. (5)
Tờ nơi, sai Sứ triệu liền,
Ép ra chịu chức, cầm quyền trị dân.
Bạn thay cái kiếp phong-trần.
Trốn đời (6), đời chẳng chịu mần ngo cho !

1 Thơ-trai Phóng sách.

2 Bởi câu : « Tụng thi, đọc thư, dữ cỏ-nhơn cỏ ; đọc thư tụng thi, dữ cỏ-nhân kỷ. »

3 Ông Lâm-Bô đời Tống là người cao ẩn, tánh ưa cây mai và chim hạc, vẫn thường kêu mai là vợ, hạc là con.

4 Bài phú Sich-bích của ông Tô-đồng-Pha có những câu rằng : « Duy có gió mát ở trên sông, và trắng trong ở khoảng núi, đó là kho vô tận của trời đất, tôi cùng bác chơi thích với nhau. »

5 Mr Kergaradu sang làm Thống-đốc Nam-kỳ, cuối năm Tự Đức thứ 20. (1867)

6 Kinh Dịch : « Độn thể vô muộn. » (Trốn đời không lo buồn.) là ý vui về sự ở ẩn.

Đã lười, lại cứ bắt lo ;
Đã truồn, lại cứ kéo-co ra đời.
Tùy cơ, liệu thế kiếm lời,
Dâng tờ hồi ty (1) cáo hoai, chẳng thương.
Không dừng được, phải tìm đường.
Xin cho chủ-bút một chương nhứt-trình.
Duyệt-y cho phép thi-hành,
Là « Gia-Định báo » phát-minh nghĩa đời.
Văn-chương gấm dệt, châu rơi.
Bài bài động trống, lời lời khua chuông.
Ích chung, cõ-dòng mọi đường ;
Hại chung, tìm-kiếm mọi phương giải-trừ.
Lẽ công cho chi lẽ tư,
Trên là việc nước, dưới từ việc dân.
Hết đem lợi, tẻ diên-trần, (2)
Hồn trong giấc mộng gọi lần tỉnh ra.
Tiếng văn truyền giấy gần, xa:
Pha-Nho, Đại-Pháp cùng là Đại-Nam,
Người hiền, ai nấy đều ham,
Bội-tinh ba nước cùng năm tặng liền. (3)
Cho hay hương xạ tự nhiên. (4)
Có tài, có học là duyên với đời.
Muốn nhân, đời chẳng cho ngơi.
Có công truyện khần lại với đến ngay.
Bồi dương giao-thiệp buổi rày,

1 « Hồi-ty » là tù lãnh.

2 Giải bày đường lợi, hại.

3 Năm Tự-Đức thứ 22. (1869)

4 Bồi câu: « Hữu xạ tự nhiên hương. » (Có xạ tự nhiên thơm.) *

Phổ thông đã dễ mấy tay hiệp thời.

27. — Lạ thay ! trời đặt cuộc đời,
Đem Trương giới-thiệu (1) với người Pha-Nho :

Tây du dẫn mỗi tình-do,

Rô-Ma nhưn một chuyến dò nên quen. (2)

Quen hơi bén tiếng một phen.

Một dây liên-lạc, mới nên bữa này.

Quốc-thơ sai Sứ tới đây.

Định lời hòa-trước từ rày thông thương.

Giao-thông ba nước đương trường,

Giao ngôn phải cậy đến Trương đạt từ. (3)

Pha-Nho quốc-sứ thông tư :

Cùng Nguyên-Soái trẩy kinh-sư (4) một kỳ.

Xuống tàu đường biển ruổi đi,

Chăng bao thẳng tới Trung-Kỳ, lên kinh.

Ba trào kỳ-trước dinh-minh.

« Thông-thương » một khoản đã thành giao-thư.

Nghỉ-ngơi mấy bữa nhàn-thư.

Cáo lui kinh-khuyết, giã-từ quan-thân.

Cố-nhàn lại gặp cố-nhàn.

Ngậm-ngùi ly-biệt, ăn-cần tiễn-dưa.

Châu-toàn nghĩa cũ, tình xưa,

Vừa lòng âu-yếm, lại vừa thảnh-thơi.

Thích chơi, trời dặt di chơi,

Sẵn xe, sẵn ngựa, sẵn người đón, đưa.

1 « Giới-thiệu » là phân-trần người nọ với người kia cho biết nhau. »

2 (Coi đoạn 22.) Tục-ngữ: Chuyến dò nên nghĩa.

3 « Đạt từ » là thông lời.

4 « Kinh-sư » là kinh đô.

Sẵn lương phụ cấp tiền thừa,
Sẵn đồ hương sớm, trà trưa dầu lòng.
Cảnh chơi sẵn núi, sẵn sông,
Sẵn vàng trắng bạc, sẵn bông huê màu.
Phiền-ba là côi nước Tàu,
Người nhiều, đất rộng, dầu đâu sánh tày.
Gót du đã khắp đó, đây,
Mà trong châu Á chưa ngày trải-thâu.
Pha-Nho đường sứ quay đầu,
Tiện theo đường biển qua Tàu giao Thanh. (1)
Tiễn chơn ra khỏi kinh-thành,
Thuận-An (2) tàu đợi rồng rành đã lâu.
Dập-diu chủ, khách cùng nhau,
Dan tay cùng bước xuống tàu chạy veo.
Mã-Cao (3) thẳng ruổi một lèo,
Buồm mây thuận gió lựa theo biển Tàu.
Đoái trông phong-cảnh mọi màu,
Biết bao nhiêu cuộc biền-dâu tới rày :
Hán qua, Đường đổi, Tống thay,
Nguyên đi, Minh lại, đời này là Thanh (4).
Đã nhiều áp-chế nước mình,
Hai ngàn năm trước, nay thành tro tay.
Cuộc đời càng nghĩ càng cay !
Chẳng tòi-con nọ thì đầy-tó kia !

1 Tiện đường qua giao ước thông thương với nhà Thanh bên Tàu.

2 Cửa biển Thuận-An ở kinh-dô Thuận-Hòa ra.

3 Thành Mã-Cao về đất nước Tàu.

4 Các đời vua bên Tàu, trải tới bây giờ là dương trào Quang-Tự nhà Thanh.

Cải thân tha vãng, dẫu dẽ (1),
Thờn-bơn chịu ếp một bề (2) mãi sao !
Tự cường chẳng tỉnh phương nào,
Thì thang tự lập biết bao giờ trèo ?
Cứ đi, lòng cứ nghĩ theo,
Tỉnh ra, lâu đã chạy vào Quảng-Đông (3).
Vén mũi, buồng mắt ra trông :
Phiên Ngu (4) ngày trước vốn cùng cỗi ta.
Non sông, cây cỏ bao xa (5),
Nhơn-dân, thành quách nay là nhà ai (6) ?
Người ta ai cũng mắt, tai,
Mà ta nghĩ hão lo hoài tẻ, mô.
Cầm thay ! ông Sứ, thẳng Ngô (7) :
Làm ta lực nhược, thế cò (8) vì mây !

1 Câu phương-ngôn đó là nghĩa : làm tôi-tớ người hoai

2 Đó cũng là câu phương-ngôn, nghĩa là chịu hèn mãi.

3 4 Tỉnh Quảng-Đông nước Tàu ngày nay chính là quận Phiên-Ngu mà vua Triệu Võ-Đế nước ta đóng kinh đô ngày xưa. Sau nước Tàu nhận về đất Tàu mất.

5 6 Bởi cò-thì có câu thơ cảm-khải rằng : “ San hà thảo mộc nguyên vô dị ; Thành-quách, nhơn-dân bán dĩ phi ! ” Lại bởi trong bài hịch đánh Võ-thị của Lạc-Tân-Vương đời Đường có câu rằng : “ Thi quan kim nhật chi vực trung, cánh thị thủy gia chi thiên-hạ ? ”

7 Nước Nam ta về đời xưa chỉ giao-thiệp với nước Tàu, hằng khi có Sứ Tàu qua tới. Vì vậy dân An-Nam cứ kêu người Tàu là “ ông Sứ ” ; Lại bởi có một hồi nội-thuộc Ngô Tôn-Quyền, từ bấy giờ dân quen miệng cứ kêu người Tàu là “ Ngô ”. Vậy tục-ngữ có câu. “ Co mặt ông Sứ ; văng mặt thẳng Ngô ”. ý là : sợ-hãi nó phải kêu là “ ông ”, mà thù-oán nó lại kêu là “ thẳng ”.

8 Sức hèn-yếu, thế cò-dơn.

Bâng-khuâng cảnh nọ, tình này,
Xui lòng đa cảm những ngày vì đời
Ngàn trùng trời thăm, biển khơi,
Chỉ miền Hường-Cảng đã đời tàu sang.
Mỗi tình chia để đời dang :
Yên-kinh (1) Sứ tới ; Viêm-Bang (2) ta về.

28. -- Lần đi, lần kiếm vấn-đề (3),
Càng thêm tài-liệu cho nghề báo-chương.
Về Nam lại cứ việc thường :
Viết « Gia-Định báo » là đường văn-thư.
Có công, phẩm chức thăng, trừ (4) :
Sắc ban « Nhứt-hạng Giáo-sư » đốc trường (5).
Đem loài tự, thoại Đông-phương (6),
Truyền cho người nước Tây-dương hiểu lâu
Dạy trường cho tới năm sau (7),
Cử ra thành-phố đứng đầu Nghị-Viên.
Quốc-gia lễ sĩ, tôn hiền (8),
Hàng đem thanh-yếu (9) chức quyền trao cho.
Mà Truong những muốn tự do,

1 Yên-kinh là kinh-dô nhà Thanh bên Tàu.

2 Nước Nam ta ở về ôn-đới khi-hậu nóng ấm, vậy kêu là
« Viêm-bang ». (Nước nóng).

3 Vấn-đề là đầu bài văn-thơ hay đầu bài nhứt-trình.

4 “Thăng” là lên chức; “trừ” là bỏ quan.

5 Năm Tự-Đức thứ 25. (1872)

6 “Tự” là chữ, “Thoại” là tiếng, phương Đông là nước
Nam và nước Tàu, nước Xiên, Lào, Mên v. v....

7 Năm Tự-Đức thứ 26. (1873)

8 Lễ-kinh kẻ sĩ, tôn-trọng người hiền.

9 Chức thanh-lĩnh và khải-yếu như những chức Ngự-
Sứ hay là Nghị-viên v. v....

Cổ từ không dặng, phải lo giúp cùng ;
Năm sau lập một trường công (1),
Là trường đại-học công-dồng quốc-gia,
Biên là « Hậu-bổ Học-nha »,
Các quan Tham-Biện (2) Lang-Sa phải vào,
Tập quen chánh-sự khoa cao,
Chữ Nam, chữ Hán, tiếng Lào, tiếng Mên.
Từ-hàn, luật-lệ tập-rèn,
Cho quen công-việc giữ quyền trị dân.
Giá cao thầy các quan-thần,
Trừ Trương, còn biết để phần cho ai ?
Nặng lòng Nhà-nước ép-nài,
Không sao từ dặng, phải khai giảng trường.
Ngòi cao; vọng trọng đường-duyệt,
Một vì Bắc-Đầu một phương Nam này ! (3)
« Đãi hiền » diển nước hậu thay :
Mỗi năm bổng cấp bạc nay mười ngàn.
Tự ơn ưu-lễ (4) muôn vàn,
Mà lòng diễm-đạm (5) có bần tới dàu.
Cổ xanh buộc lấy vó câu (6),

1 Năm Tự-Đức thứ 28. (1775)

2 Chức Tham-Biện các tỉnh Nam-kỳ cũng như chức Công-Sứ các tỉnh Trung, Bắc-kỳ.

3 Ông Trịnh-tử là người đạo-học đức-hạnh cao-rộng ở phương Nam. vậy đời bàn rằng : “ Từ sao Bắc-Đầu trở sang Nam chỉ có người đó thôi ! ”

4 Nhà-nước hậu-lễ người hiền.

5 Tánh người yên-tĩnh lạ lẻo.

6 Nghĩa là : người hiền ẩn ở trong hang núi, nhà-nước muốn vờ ra dùng không dặng, vậy lấy bó cỏ tươi dũ ngựa ra mà buộc giữ lấy. (Kinh Thi)

Vui chi trong cửa Công Hầu vô ra.

Ấm, no sẵn có của nhà :

Cơm là đạo-đức, áo là văn-chương.

Thù què di-dưỡng tánh thường,

Lạt mùi phú-quí, xa đường lợi-danh.

29. — Song le có lẽ hư sanh (1),

Há không đề chút tiếng lành về sau.

Đã sanh trên trái địa-cầu,

Phải cho có mỡ, có dầu hiện ra.

Ở đời bất hủ có ba :

Trên là « lập đức », dưới là « lập công »,

« Lập ngôn » thì đứng giữa vòng (2),

Thề nào ta cũng dự trong một phần.

Dầu chẳng sánh bậc thánh thần,

Danh thơm ta cũng chen chơn sĩ-hiền.

Huống chi nhờ có giản-biên (3),

Thì công, thì đức mới truyền dài-lâu.

Vậy khi ngày vắng, đêm thâu,

Khi thi-giờ rảnh, khi câu-chuyện nhàn,

Giùm bao lý-trưởng chứa-chan,

Hoặc ghi lịch lạ, hoặc bàn nghĩa hay.

Phở thông văn-thể xưa, nay,

1 Hư-sanh : sanh đồng vô ích với đời.

2 Tá-truyện. — Ở đời có ba điều bất hủ : 1° lập đức, là dựng nên đức-hạnh cao-thượng ; 2° lập ngôn, là dựng nên lời nói nghĩa-lý hay làm nên sách vở ; 3° lập công, là dựng nên công-nghiệp, có ba điều đó thì tiếng lưu-truyền muôn đời không nát.

3 Giản-biên : sách vở.

Khởi mây theo bút (1) chép bày mọi pho.

Văn-chương sẵn đúc trong lò.

Thước khuôn sẵn chứa trong kho hằng ngày.

Kiểm thông học-giới Hồng, Tây,

Hai mươi bảy giống chữ thầy vắn ra (2).

Dọn nên thoi trực một nhà (3),

Hoặc là thuật cổ (4), hoặc là soạn tân (5).

Bủ loài văn tản (6), văn vắn (7),

Sách chơi, sách học lần lần thảo ra.

Bởi gồm học-lực, tài-hoa,

Lại nhiều du-lịch phương xa đã thừa.

Vậy nên mực vẩy thành mưa (8),

Bút vòn thành gió (9), rộng bờ rừng vắn

Thiệt là tinh nghĩa nhập thần (10)!

Lời dường lựa đẹp ! ý phần cơm no (11) !

Trước, sau hơn sáu mươi pho,

Trau giò gom đã thành kho ở đời.

1 Bởi cổ-văn có câu: “ Vô số văn yên nhiều bút doan.”

2 Tiên-sanh thông-hiệu 27 thứ chữ các nước trong châu Âu, châu Á.

3 Ý là: văn-chương sẵn có phép-tắc, như nhà dệt cửu sẵn thoi, sẵn trực.

4 Thuật cổ: Dịch sách cũ.

5 Soạn tân: Làm ra sách mới.

6 Văn tản: Văn chép xuôi.

7 Văn vắn: Các loại thơ, ca.

8 9 Tiểu-thuyết có câu tả cái tài-hoa một nhà văn-sĩ rằng: “Phi mặc thành vũ, huy hào thành phong.” Lại có câu: “Bút hạ phong sanh.” (Dưới bút nổi cơn gió.)

10 Nghĩa-lý tinh-vi vào chốn thần-hóa.

11 Bởi câu: “Bổ bạch chi văn, thúc túc chi vị.” Nghĩa là: văn-chương lời lẽ đẹp như vóc lựa, ý-vị no như lửa gạo.

Ấy thân đạp đất; đời trời,
Cũng công, cũng đức, cũng người mắt tai.
Việc đời cũng ghé một vai,
Cho hay Trời Đất sanh tài chẳng không.
Nghĩ thân phù-thế bình-bồng,
Thác sanh vào giữa cái vòng dờ-dang.
Ra đời thì trái tánh thường ;
Trốn đời thì uổng một chàng mây râu.
Vạy đem nghĩa-lý cao sâu,
Sự-công rộng lớn, nhiệm-mầu tinh-vi,
Giải-bày ra áng văn thi,
Biên vào sách-vở, truyền đi muôn đời.
Đó là sự-nghiệp tùy thời,
Đó là chẳng phụ ý trời sanh ta.
Còng-ngàn nhà-nước in ra,
Phổ vào các lớp học-khoa các trường.
Ngoài ra truyền khắp mọi phương,
Quảng-văn (1) gặp hội rộng đường đồng văn. (2)
Thế-gian mấy mặt văn-nhân !
Quốc-gia mấy bậc văn-thần như ông !
Học-hành chẳng luống tấc công,
Chi cao, trời cũng chiều lòng cho cao :

30. — Đã sanh ra giống thi-hào,
Ngày xuân cho mượn đề ngao-du hoài. (3)

1 “Quảng-văn” là chức quan Giáo. Nghĩa là văn rộng.

2 Sách Trung-dung có chữ “Thư đồng văn.” Đây lấy nghĩa là : chữ các châu hiệp-đồng với nhau.

3 Cô-thi. — Thiên vị thi-hào thặng tá xuân. (Trời cho người thơ hay mượn thêm ngày xuân.)

Gót tiên dạo khắp trong ngoài,
Cõi Trung, Nam, Bắc dấu hài thiếu dẫu.
Bầu trời ngày tháng lần-thâu,
Mặt phong-trần đã nhuộm màu quan san.
Hừng cao, rượu chở thuyền lan,
Non sông gom lại nên ngàn cuốn thơ (1).

Ấy ai ngựa đón, xe đưa ?
Ấy ai gió dọi, trăng chờ vời ai ?
Phất-phơ như thè quên đời,
Như người mọc cánh tót dờ lên tiên, (2)
Thiếu chi quen-thuộc qui-quyền,
Thiếu chi đường-xá kết duyên tương phùng.
Cùng ai tâm-sự ngổ cùng ? (3)
Cùng ai chung một tấm lòng phong-quang ? (4)
Thuyền trắng, ngựa gió (5) xênh-xang,
Đông-Pha, Liệt-tử (6) là làng tri âm.

1 Cổ-thi. — Cao sơn lưu thủy thi thiên trục ; Minh nguyệt thanh phong tửu nhưt thuyền. (Non cao nước chảy thơ ngàn cuốn ; Gió mát trăng trong rượu một thuyền.)

2 Trong bài phú Tiền Sich-bích có câu : “ Phất-phơ thay như quên đời mà đứng một mình, mọc cánh mà bay lên tiên. ” Ý là người cao-thượng đi chơi khắp vòng trời đất.

3 Cổ-thi. — Bất tri tâm-dâm hướng thuy thị ? (Chẳng biết đem tâm-sự ngổ cùng ai ?)

4 Bởi câu “ Tâm-sự như quang-phong tễ-nguyệt. ” (Tấm lòng như gió sáng trăng tỏ.)

5 6 Bài phú Sich-bích là lời ông Tô-Đông-pha thuật truyện đi thuyền chơi trăng. — Sách Liệt-tử có câu : “ Liệt-tử ngự phong nhi hành. ” (Ông Liệt-tử cỡi gió mà đi.)

Ấy là nghĩa bạn đồng tâm (1),
Ấy là mối lợi đoạn cảm (2) chung-cùng.
Lựa cơn gió nhẹ, mây lòng,
Lượn theo hoa liễu bên sông la-dà (3).
Người đời chẳng biết lòng ta,
Trường đua đờn trẻ cùng là chơi ngông (4).
Đi chơi nào phải đi không,
Đi cho phỉ chí tang-bồng mới đi.
Đều là kiếm mối văn thi,
Khi nằm cầm bút, khi đi đọc bài (5).
Cảnh, tình qua mắt, lọt tai,
Lòng luôn nghĩ tới, tay hoài chép ra.
Này như « Gia-Định tân-ca »,
Này như « Sự-tích nước ta » bấy thì,
Cùng là « Phong-vật Bắc-kỳ »,
Đều là công-chuyện khi đi tập-thành.

31.— Cuộc đời xoay quần xoay quanh,
Co di kéo lại trong vành trần-ai.
Những là đồng khứ, tày lai,
Giang-hồ lưu-lạc năm hai mươi thừa.
Những là rày gió, mai mưa,

1 2 Kinh Dịch. — Nhị nhơn đồng tâm, kỳ lợi đoạn cảm.
(Hai người cùng lòng, cái mối lợi chặt đứt loài kim.)

3 4 Thơ ông Chu Khảo-đình. — Văn đàm phong khinh
cận ngộ thiên, bạng hoa tùy liễu quá tiền xuyên. Thời-nhơn
bất thức giữ tâm lạc, tương vị thâu nhân học thiếu niên.

5 Ông Lưu-Canh-Sinh đời Hán làm sách chăm-chỉ: lúc
nằm thì tay cầm bút chỉ đề chép sách; lúc đi thì miệng đọc
bài đã làm.

Phong-trần lao-lục tuổi vừa bốn lăm.

Phương trời con mắt dăm-dăm,

Nổi mình, mình những thương-thăm, xót vầy.

Khi về Gia-Định ít ngày,

Trạnh niềm nghĩ nước non này mà kinh!

Nghĩ trong gia-tộc môn-dinh,

Ngồn-ngang trăm mối việc mình nào xong.

Cái thân luống những long-dong,

Giật mình, lòng lại hỏi lòng sao dang!

Lo đâu những việc dọc đường,

Mà trong bồn-phận sự thường nào lo?

Vì đâu không dặng tự do?

Cái dây trần-lụy quanh-co buộc mình!

Chi bằng ngảnh mặt làm thình,

Từ quan treo ấn quyết tình hồi qui.

Mình hay kim thi, tạc phi (1),

Đời còn ngăn-trở đường đi, lối về.

Nhơn kỳ trường học nghĩ hè,

Một đoàn gia-quyển đề-huê qui-trang.

Đóng yên, sắp níp vọi-vàng,

Xe sau, ngựa trước về làng Vĩnh-Thanh.

Lần theo dặm liễu xanh-xanh,

Giục lòng du-tử cảm tình cố-hương.

Thiên Thai cách mấy doan-dương (2),

Ngày nay mới thấy Lưu-lang lại nhà (3).

1 Chữ trong bài “Qui-khứ-lai từ,” ý nói: Nay trở về là phải, mà trước ra đời là không phải.

2 3 Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu đời Hán nhơn ngày tiết doan-dương (ngày 5 tháng 5) đi chơi núi Thiên-thai, rồi gặp tiên, bèn lưu ở đó, tới khi về thì họ-hàng làng-mạc thành ra lạ hết.

Nhìn phong-cảnh cũ phui-phá, *
Xóm làng sắc ngỗ, cỏ hoa thay màu.
Hương-lân kẻ trước, người sau,
Hỏi nhau lạ tiếng, nhìn nhau khác hình.
Bởi chưng cái kiếp phù-sanh,
Hai mươi năm lẻ khô, vỉnh (1) mấy lần.
Coi người lại ngấm vào thân,
Thu qua, dòng lại, hết xuân sang hè.
Đầu xanh đã điểm hoa lê,
Khi đi chẳng kéo khi về lạ nhau.
Xiết bao tan hiệp gột dầu,
Tình kia, cảnh nọ, gạt sầu-làm khuây.
Bấy lâu ngàn dặm bèo mây,
Cổ-nhơn lại có ngày nay bàn hoàn,
Người thân-thích kẻ hương-quan,
Kẻ quen-thuộc nết, người ran-riu tình,
Đêm ngày thăm-hỏi rập-rình,
Ân-cần giải tấm chơn-thành cùng nhau.
Tới ngày chủ-nhật kỷ sau,
Rượu nồng, dè béo bắt dầu yến tân (2)
Thiếp mời khắp mặt quan thân,
Họ-hàng, bạn-hữu kẻ gần, người xa.
Linh-dinh tiệc mở trước hoa,
Chén nghiêng dưới nguyệt, dòn ca vang lừng.
Đông, nam chủ, khách (3) tâng-bằng,

1 “ Khô ” là cây cỏ khô-héo đi; “ vỉnh ” là tốt-tươi lên, ví dụ như đời người ta nhỏ lớn lên, già thác đi vậy.

2 Yến tân : tiệc thiết khách.

3 Hằng-vương các tự — Tân chủ tận đông nam chi mộ (Chủ, khách hết là người tốt phương đông, phương; nam.)

Rượu mời sân cúc (1), thơ dâng vườn đào (2).

Mười năm vắng mặt khát-khao,

Một ngày gặp mặt dỗi-dào tình-ân.

Ai người dự tiệc thân, tân,

Đủ chiều kinh mẫn, đủ phần hòa-vui.

Chén thù, chén tạc (3) đủ mùi,

Tiệc tan, đầu đó cáo lui ra về,

Đủ rồi một cuộc phả-phê,

Lại đem tình nghĩa mọi bề xử-phân :

Người trưởng-lão, kẻ thân-nhơn,

Ơn vua, lộc nước có phần tặng đưa (4) ;

Thóc, tiền lương-bổng tiêu thừa (5),

Hương-lân cùng thắm mây mưa ơn nhuần.

Đã nên có nghĩa, có nhơn,

Trống ngoài cảm-phục, xa gần gọi-khen.

Kẻ thăm người viếng đã yên,

Cửa nhà công-chuyện một phen sửa lần :

Bắt đầu xây mộ, phong phần,

Định yên hồn phách tứ thân (6) cho dành ;

1 Ông Đào Uyên-Minh thiết tiệc rượu bạn-hữu ở trong sân huê cúc. (Bài Quy-khứ-lai từ.)

2 Ông Lý-Bạch hội anh em uống rượu làm thơ ở vườn đào. (Bài Xuân-da-yến đào-viên từ.)

3 “Tạc” là chủ mời khách ; “Thù” là khách mời trả lại.

4 Luận-ngữ. — Đức Khổng-tử làm quan Tể tướng nước Lỗ, khi có đồ vua ban hay là phần quốc-tế tất đem tặng bà con.

5 Luận-ngữ. — Đức Khổng làm tướng, phát thóc lương cho quan Tể là ông Nguyên-Hiến, ông Hiến từ, Đức Khổng dạy rằng : “Chớ từ, có thừa thì giúp cho những lân-lý hương-dã.”

6 “Tứ thân” là từ tổ-tiên hôn đờn cho tời cha mẹ.

Ảnh đường cũng sửa cho lành,
Đề ghi tổ-tích Vĩnh-Thanh quê làng ;
Một bề cứ việc sửa-sang,
Một bề đi dạo các phương thăm tình :
Trước là hỏi nẻo thăm anh,
Hiện dương Tri-Phủ tại thành Bến-Tre.
Sau là thăm hết bạn-bè,
Cõi Nam dấu ngựa, lối xe khắp miền.
Tời dầu dày điện báo tiên,
Cho bà con được tin liền trước hay.
Các quan chúa tỉnh ngày nay,
Do trường Hậu-bổ hàng bày học-sanh.
Vay xe thầy tới tỉnh-thành,
Thân hào đặt lễ, dàn binh-dọn đường.
Xe xe, ngựa ngựa dọc ngang,
Tỉnh, tòa, phủ, huyện sắp hàng thân nghinh.
Một thời giá trọng, tiếng vinh,
Một mình đã giấy thanh-danh một trời !
Đi chơi nào phải như chơi,
Đi cho tỏ mặt với đời mới đi.
Sự chơi dường đã dằng ghi,
Đủ tình, đủ nghĩa công, tư mọi bề.
Đi dư một tháng trở về,
Kể đã hết hạn nghỉ hè từ đây.
Điện-phòng (1) lại đánh tin ngay,
Lại xin phép một tháng dầy nghỉ thêm.
Cửa nhà thu xếp cho êm,
Cho rồi công-chuyện mọi niềm hiếu-tư (2).

1 Điện-phòng : nhà dây thép.

2 Hiếu tư : Lòng nghĩ hiếu với tổ tiên cha mẹ.

32.— Việc nhà đều đã nhàn-thư,
Thầy trò giống-giả cầm thơ lên đường.
Trầy thành Gia-Định vô trường,
Đem gia-quyển lại biệt-đường Nhơn-Giang.
Nhơn-Giang nhà đó dở-dang,
Bấy-lâu chưa tiện sửa-sang cho lành.
Một là không đúng vệ sinh ;
Hai là không hiệp tánh-tình thanh-tao.
Bằng nay niên-kỷ đề cao,
Lạt-nồng đã chín, gian-lao đã thừa.
Thuần, lư mùi cũ lâu thừa (1)
Cúc, từng cảnh cũ bấy giờ bỏ hoang (2).
Chẳng lâu ta cũng kiếm đường,
Ta về nuôi lấy tánh thương của ta.
Hãy nên sửa sẵn cửa nhà,
Đợi khi về sẵn sa-đà có nơi.
Giò thu hây-hẩy chiều trời (3),
Nhạn ghe thu, đã kịp đời cánh bay (4).
Vội-vàng sắp-sửa định ngày,
Khởi công kiến-chúc đặt-bày nơi nơi :
Có phòng ngủ, có nhà chơi,
Có hiên dải nguyệt, có chòi nghinh phong.

1 Ông Trương-Hãn đời Tấn đương làm quan, chợt thấy giò thu nổi lên, sợ nhớ tới vị canh rau thuần, gọi cá lư ở Tùng-giang nhà quê, mà muốn cáo về.

2 Qui-khứ-lai-từ: ông Đào-Tiềm lo cảnh cây tùng huê cúc ở vườn bỏ hoang-rườn mà cáo quan về.

3 4 Trong bài Thu-phong-từ của vua Hán Võ-đế có câu :
“ Giò thu đẩy lên, mây trắng bay ; cây cỏ vàng rụng, chim nhạn về nam.” Nghĩa là cảnh tháng tám, tháng chín.

Thơ-lầu (1) thì ở phía trong,
Thúy-lầu (2) thì lập song-song phía ngoài.
Đủ tòa quán, các, đường, dài,
Đủ nơi ngày tháng, hôm mai thanh-nhân.
Vườn trồng thông, trúc, chi, lan,
Hồ chim tắm cá, cây rùn tiếng cầm.
Cảnh gồm thành-thị, sơn-lâm :
Huê phổ gấm Lạc (3), ve ngậm non Đoài (4).
Phân-minh ngăn-nấp trong ngoài :
Mần-ăn khác sở, sách-bài khác nơi.
Thần-tiên riêng một bầu trời :
Long-Môn đất cạn (5), Bồng-Lai cõi trần (6).
Tường xây chạy xối bát vân,
Thâm-nghiêm hai lớp lần-lăn cửa ngán.
Cảnh, tình phát-hiện lời vãn :
Đối-liên hoành-biên vân vân khắp bày (7).
« Thanh-tuyền biệt-thử » (8) là đây,

1 “Thơ-lầu” là lầu sách-vở học-hành.

2 “Thúy-lầu” là lầu để chơi ngoạn cảnh.

3 Cổ-thị. — Lạc-Dương tam nguyệt hoa như cầm. (Kẻ chực Lạc-Dương về tháng ba hoa như gấm). đó là cảnh thành-thị.

4 Bài thơ vịnh thuyền của Lạc-tôn-Vương có câu : « Tây-lục thuyền thanh xướng » (Đường lục non Tây tiếng ve ngậm). đó là cảnh sơn-lâm. (« Đoài » là phương Tây).

5 « Long-Môn » là cửa biên, mà ở trên đất cạn, đó là biên cạn trong vườn cảnh.

6 « Bồng-Lai » là núi tiên, mà ở cõi trần-gian, đó là núi non-bộ.

7 Có những câu đối biên hoành chép phụ ở cuối sách.

8 Đó là bốn chữ đề ở cổng ngoài, nghĩa là : nhà riêng của hiệu Thanh-tuyền. Có ý ghi tích là quê ở làng Vĩnh-Thanh.

Cảnh vui bói đặng đất này nhàn-cư.

Nhà ai? ai có biết rư?

Kìa kìa « Trương Ân-sĩ lư » (1) chữ đề.

Động tiên bát-ngát tư bề,

Gió thâu buổi sớm, trăng kề khi đêm.

Sửa-sang sáu tháng êm-dềm,

Cung tường phú-mỹ, sản thềm phong-quang.

Sấm-sanh đồ-vật trang-hoàng,

Ngựa xe, bàn kỹ sản-sàng thiếu chi.

Thiếu chi ngoạn-hảo tràn-ký,

Nuôi tình nhàn-nhã, chinh nghi dàng-hoàng.

Cũng thạch-thất, (2) cũng ngọc-đường. (3)

Cũng nền phú-qui, cũng làng thanh-cao.

Này sản cúc, này cửa đào,

Nét thanh Bành-Trạch, (4) tánh hào Lương-Công. (5)

Này dai lỏng, này quạt lỏng,

1 Đó là bốn chữ đề ở cửa tiền-đường. nghĩa là nhà người Ân-sĩ họ Trương.

2 Thạch-thất (nhà đá): Nhà tiền ở, đó là làng thanh-cao.

3 Ngọc-đường (thềm ngọc): Viện Hàn-lâm, đó là nền phú-qui.

4 Ông Đào-uyên-Minh làm quan Lệnh huyện Bành-trạch, tánh thanh-cao, sản trồng những huê cúc.

5 Ông Địch-nhơn-Kiệt làm quan tướng nhà Đường, phong tước Lương-công, tánh hào-huê, và thu được hết người tái thiên-hạ mà dùng. Vậy bấy giờ có câu: « Cây đào, cây lý ở hết trong cửa nhà ông. »

Phong-lưu Thúc-Tử, (1) nghi-dung Võ-Hầu. (2)

Xét coi cái chốn nhiệm-mầu,

Tắm lòng quân-tử để dầu mà lường.

Khi vô nào phải thê-lương; (3)

Khi ra nào phải đua trường lợi-danh.

Sửa thân trong đám ngồn hành, (4)

Dầu không cầu lộc, lộc dành ở trong. (5)

Vậy nên gia phú, thân phong,

Trời sanh có của thì dùng quản chi. (6)

Bất dâm mà cũng bất di. (7)

Phú thì nhuận ốc, đức thì nhuận thân. (8)

Nhà lan cảnh lại thêm xuân:

Ân-quang dồi nước một lần bao vinh.

Thường công sách-vở tập thành,

Hàn-lâm văn-trật, bội-tinh khuê-bài.

Phước nhà, ơn nước trùng-lai,

Càng sâu đáy biển, càng dài dòng sông.

Tiệc hoa luôn dịp hạ công:

Sắc ban tạ quá, nhà xong lạc-thành.

1 Dương-Thúc-tử là quan Tướng nhà Tấn, tánh-khi phong-lưu, hay đeo đai lông, mặc áo cừ trơn.

2 Ông Chư-cát-Lượng làm quan Tướng nhà Hậu-Hán, phong tước Võ-Hương-hầu, tánh-khi nhân-nhã, hay đội khăn tròn, cầm quạt lông.

3 «Thê-lương» là lạnh-lùng hiu-quạnh.

4 — 5 Luận-ngữ. — Đức Khổng-tử nói: «Việc làm ít làm, lời nói ít lời, bằng-lộc tự ở trong đó.»

6 Đường-thi. — Thiên sanh ngã tài tất hữu dụng.

7 Mạnh-tư. — Phú-quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di. (Giàu sang chẳng đắm được lòng; nghèo hèn chẳng dời được chi).

8 Chữ sách Đại-học, nghĩa là: Có của giàu thì màu-nhuận cửa nhà; có đức tất thì màu-nhuận thân-thê.

Dập-diều khách quý, người thanh,
Tặng mừng trường đối, linh-dinh dờn ca.

Người thì chúc-lụng vinh hoa ;
Kẻ thì khen-ngợi thất-gia tốt-lành.

Song trong ý nhiệm, nghĩa tình,
Chốn riêng ai đã tỏ tình cùng ta ?

Cố-nhơn ai có thăm qua,
Hỏi tên « Ân-sĩ » ấy là chủ-nhơn.

Ngỏ cùng bạn thiết, người thân (1),
Này trong hồ ngọc trắng ngần màu băng (2).

33.— Lũn-lũn ngày gió, đêm trăng,
Bụi trần toan rũ sạch lãng cho rồi.

Nào dè thế-sự lời-thời,
Muốn nhàn mà những đứng ngồi không yên.

Phải dầu luyện vị, tham quyền,
Mà đem mãi mối trần-duyên buộc mình.

Vì dầu nổi sóng bất bình ?
Dầu lòng diên-lý (3), còn tình quốc-gia.

Từ vua Tự-Đức thăng hà (4),
Tây, Nam đòi nước thất hòa cùng nhau.

Lang-Sa khi lại ruổi tàu,
Thuận-An một trận bắt đầu giao binh.

1 — 2 Đường-thi.— Lạc-Dương thân-hữu như tương vấn, nhưt phiến-băng-tâm tại ngọc hồ. Họ thân, bạn hữu đất Lạc-dương nếu hỏi nhau, thì trả lời rằng: lòng ta như một giọt nước băng ở trong hồ ngọc). Nói ý: tánh tình thanh khiết và phai-lạt mùi đời.

3 Bối chữ « Tạ sự qui diên-lý. » (Từ việc quan về chốn ruộng vườn nhà quê).

4 Thăng hà: vua qua đời.

Chiến-thuyền thuận nẻo thủy-trình,
Sơn-Tây luôn dịp Bắc-Ninh hạ liên.
Là năm Kiến-Phước nguyên niên,
Nước Nam động địa, kinh thiên một lần.
Ai người dạ nghĩa lòng nhơn,
Nghĩ niềm ái quốc, trung quân xót thăm !
Đã không trọn chí sơn lâm ;
Ra đời lại chẳng mưu thâm giúp đời.
Đề cho nguy-loạn bời-bời,
Cải thân đập đất, dội trời uổng thay !
Non sông riêng thẹn râu mày !
Đơm-dương trách-nhiệm sau này là ai ?
Họ Trương trong một tháng hai,
Năm ngày luôn nảy hay trai một nhà.
Phước dư liên báo thiện-gia, (1)
Con là Vĩnh-Tổng, cháu là Vĩnh-Anh,
Nhâm ngày thất thủ Bắc-Ninh,
Một lòng công nghĩa, tư tình như chia !
Giọt châu ưu-ái dầm-đìa ;
Vui này đời với sầu kia được nào !
Đem ngày gió cả, mưa dào, (2)
Làm ngày qua cửa chẳng vào (3) được chẳng !

1 Kinh Dịch. — Tích thiện chi gia tất hữu dư khương.
(Nhà chứa điều thiện ắt có phước dư).

2 Bối chữ « Xuân-thu phong-vũ hối-minh », nghĩa là đời loạn.

3 Hạ-Võ vắng mạng vua Thuấn đi trị nước lụt, khi đó sanh con là ông Khãi, khóc luôn 4 ngày qui, giáp, tân, nhâm, ông Võ đi qua cửa nghe tiếng cũng không vào nhìn chi.

Khởi lồng mây, trống động trăng, (1)
Trong lòng chí-sĩ bất bằng (2) biết bao !
Mạng trời, vận nước đổi-trao,
Qua đời Kiến-Phước sang trào Hàm-Nghi,
Nam-bang sự-thế càng nguy,
Gió Tây một quét (3) hai kỳ (4) sạch chưng.
Hàm-Nghi-hoàng-để liệu chừng,
Văn-thân đoàn-kết mới hưng binh phò.
Dè dàu thiên-mạng chẳng cho (5),
Nhơn-mưu không đủ kéo-co vận đời (6).
Một phen lệch-dắt, nghiêng trời,
Hàm-Nghi hoàng-đế kịp đời giá di.
Pháp-binh chiếm-cử kinh-kỳ,
Điện-cung náo-dộng, thành trì tan-hoang.
Giờng trào, mối nước dờ-dang.
Pháp-quan mới kén Ngân-hoàng (7) dựng lên.
Chánh danh « Đồng-Khánh » kỷ nguyên,

1 Chinh-phụ ngâm. — Cỗ bệ thanh động Trường-thành nguyệt; Phong hỏa ảnh chiếu Cam tuyền vân. (Tiếng trống chiêng động mặt trăng Trường-thành; bóng khói lửa chiếu mây Cam-tuyền), đó là cảnh tượng binh loạn.

2 Dương-thi. — Phong hỏa chiếu Tây-kinh, tâm trung tự bất bình. (Khói lửa chiếu kẻ chợ phương Tây, trong lòng giục nổi bất bằng), nghĩa là lòng lo nước loạn.

3 Bối chữ « Tây-phong lược địa. » (Gió Tây quét đất).

4 Hai kỳ : Trung-kỳ, Bắc-kỳ.

5 Bối chữ « Thiên mạng phát dữ. » (Mạng trời chẳng cho).

6 Bối câu « Nhơn mưu bất túc văn-hồi thế vận. » (Mưu người chẳng đủ co lại vận đời).

7 « Ngân hoàng » là dòng-giống nhà vua. Lấy nghĩa : chi-phái sông Ngân-hà.

Định ngôi đại-bửu (1) cho yên dân tình.

Song khi phận-nghĩa chưa minh (2),

Lòng người Nam-Việt phần kinh, phần ngờ.

Trong trào, ngoài nội ngăn-ngờ,

Chờn người còn vương sợi tơ cang-thường.

Văn-thần khởi nghĩa bốn phương,

Đầy sông sóng lộn, dợp đường cờ bay.

Sanh-dân đương buổi loạn này,

Làm-than trăm nỗi ! đắng-cay trăm đường !

Bòn-Bè vàng mạng Pháp-dương :

Qua sang lãnh chức « Đông-dương Toàn-quyền. »

Tùy nghi điều-độ cho yên,

Cho toàn đời nước tinh-duyên giao-hòa.

Bòn-Bè hồi tiếp Sứ ta,

Vời Trương-vĩnh Kỳ từng là tương-tri.

Tàu quan nay tới Nam-Kỳ,

Cổ-nhơn may lại có khi tương-phùng.

Đỗ tàu Gia-Định thung-dung,

Hỏi nhà ghé tới đề cùng thăm nhau.

Trong khi ý hiệp, tâm đầu,

Tình xưa đã nặng, nghĩa sau còn dài.

Trọng người có học, có tài,

Muốn đem sấm, truật dùng bài thuốc hay. (3)

1 « Đại-bửu » là ngôi vua, bởi kinh Dịch có câu « Thánh-nhơn chi đại-bửu viết vị. » (Đồ bầu lớn của thánh-nhơn là ngôi vua).

2 Bởi câu « Quân thần chi phận nghĩa vị minh. » (Phận nghĩa vua tôi chữa-phân-minh).

3 Tề-Tướng nhà Dương là Dịch-nhân-Kiệt có chi cháu lấy nhơn-tài thiên-bạ để giúp nước. Khi đó có người tinh nguyện ứng dụng mà rằng : « Tôi xin làm vị nhơn sấm, bạch-truật là vật trong tủ thuốc của ông. »

Tấn kinh tàu đã giục ngày,
Tư quan Thống-Đốc triệu ngay tùy hành.
— Nghĩ mình trách-nhiệm khôn tránh,
Liền đem sự-thể một mình mình suy :

- « Nước ta gặp hươc gian-nguy,
- « Sức thì hèn-yếu, thể thì cò-dơn.
- « Một bề thân-phận thờn-bơn, (1)
- « Khó phần dầy nổi trong cơn sóng cồn !
- « Huống chi chưa mở óc khôn,
- « Tri còn hủ-bại ! thối còn dã-man !
- « Cuộc đời đương buổi tranh-doan,
- « Sức-cường người đủ, tri ngoan người thừa.
- « Mà nhà mình vẫn đơn-thừa, (2)
- « Cơn nguy chẳng kéo gió mưa rã-rời. (3)
- « Dầu thù chẳng đội chung trời, (4)
- « Cùng lòng nghĩa-phần của người trung-trinh.
- « Song le phải liệu sức mình,
- « Phải do thể nước, mới thành cơ ngơi.
- « Mới là tuấn-kiệt thức thời, (5)
- « Xưa nay đại-sĩ là người tri cơ ; (6)

1 « Thờn-bơn » là giống cá chỉ có một bề vảy tục-ngũ có câu : « Thờn-bơn chịu ếp một bề. »

2-3 Kinh Thi : « Phong vũ riêu-riêu, điều-thất phiêu-phiêu. » Nghĩa là : cái ổ chim đơn sơ mà gặp cơn mưa gió, thì phải rã-rời, vì với cơ sở trong nước không vững, mà gặp sự biến, thì phải nguy.

4 Bởi câu « quân phụ chi thù bất cộng dãi thiên. » (Sự thù vua cha chẳng đội trời chung.)

5 Bởi câu « Thức thời vụ giả tại hồ tuấn-kiệt. » (Có là người tuấn-kiệt mới biết việc đời.)

6 Bởi câu « Đại-sĩ tất cảnh tri cơ. » Người thông-dại cốt hết phải biết cơ-sự.)

« Nếu không biết thế nước cờ,
« Chỉ nương tấm nhiệt-thành trơ, làm liều.
« Rồi ra giải-kết đến điều (1)
« Hại nhà, hại nước, lại nhiều hại dân.
« Hư công mà uổng cả thân,
« Cũng thành vô ích với phần bại-vong.
« Ta nay đứng giữa đôi vòng,
« Chi bằng liệu thế nhưn trong điều-đinh,
« Kỳ cho đôi nước hòa-bình.
« Cho yên quốc-thế, dân-tình ngày nay.
« Tùy cơ tấn hóa sau này,
« Họa chẳng bình-dẳng có ngày bước lên. »
Nghĩ thôi vàng lịnh quan trên,
Theo tàu khâm-mạng ruổi liền ra kinh.
Trong tàu mấy bữa hành-trình,
Toàn-quyền thương-nghị sự-tình bang-giao.
Trương-công bày-giải thấp cao,
Tùy nghi xử-trí biết bao kinh, quyền.
Một chiều tế-ngộ phải duyên,
Toàn-Quyền xúng ý, dễ bên cạnh mình.
Luân-thuyền khi đã tới kinh,
Nam-trào đặt lễ tiếp nghinh dập-dìu.
Toàn-Quyền trước hết vô triều,
Cùng vua giao cận giữ điều kính-cung;
Trào-quan thi lễ tiếp cùng,
Mọi bề giao-thiệp tỏ lòng thân-yêu.
Từ đây hằng buổi lẩn triều,
Hiệp bàn các khoản, các điều hòa-thân.

1 « Giải kết » chữ ở sách Phật, nghĩa là cỡi ra buộc vào cho tới lúc cùng-cực.

Trên thiên-tử, dưới đình-thần,
Lượng tình, do thế, hoan-hân chịu lời.
Trong trào đều thỏa-định rồi;
Muốn cho ngoài nước như xuôi một dòng.
Tư xin Nam-đế hiệp lòng:
Lập dân diên-thuyết giữa vòng dò-môn.
Trương-công vàng mạng trần ngòn,
Thay lời dôi nước ôn-lồn dụ dân.
Hết đem mọi lễ xa gần,
Tổ chiều nghĩa nặng, giải phần tình sâu.
Khiến người vờ ỷ gạt đầu,
Đổi hờn làm hả, gạt sầu làm vui,
Xưa kia giận-dữ ngúi-ngúi,
Nay nghe lời ngọt như xui lòng lành.
Quốc-dò hiểu-dụ đã dành,
Lại sao lục tổng các thành châu tri.

34.— Một bề sắp-dặt cơ nghi,
Toàn-quyền trảy tới Bắc-Kỳ kinh-doanh.
Lưu Trương ở lại kinh-thành,
Dục-phò Hoàng-Thượng cho lành trào-nghi.
Giao quyền kinh-lý Trung-Kỳ,
Sự-công cho phép tiện-nghi mà làm.
Ngôi Trời vừa chánh mặt Nam (1),
Tuổi còn đỉnh-thạnh (2), sức kham hồng-đồ (3).

1 Luận-ngữ. — Cung kỷ chính nam diện. (Mình kinh-cần
ngồi ngay mặt hướng nam.) Nghĩa là ở ngôi vua, bởi vì
trào-dương nhà vua ngồi hướng nam.

2 Bởi chữ « Thiên-tử xuân-thu đỉnh-thạnh. » (Tuổi vua
còn thạnh-dầy như cái vạc bầu.) Nghĩa là còn trẻ-trung.

3 Hồng-độ: Cơ-nghiệp lớn.

Nghĩ mình đức quả, thân cô (1)
Đương phen nguy-biến, những lo cùng phiền.
Rồng mây, cá nước có duyên,
Gặp Trương-vĩnh-Ký đức hiền, tài cao.
Như cơn đại-hạn khát-khao (2),
Muốn dùng làm trận mưa rào tưới ơn (3).
Như khi sông cả sóng rờn (4),
Muốn dùng làm chiếc thuyền sơn qua dò (5).
Định đem chức trọng trao cho,
Cầm quyền « Cơ-Mật » để lo giúp cùng.
Trương-công một tiết khiêm-cung,
Tia xanh phai vẽ, đỉnh chung lạt mùi.
Thú què riêng một cảnh vui,
Những mong treo ấn mà lui thân nhàn.
Chẳng may vận nước đa gian,
Phải mang trách-nhiệm lo-toan việc đời.
Chỉ cầu công-truyện sớm ngời,
Giã nơi thành-thị, về nơi làm-tuyền.
Bằng nay đương lấy trọng quyền,
Áo xiêm buộc mãi cái duyên nợ trần.
Những là hao-tồn hình, thần,
Bao giờ gỡ dặng cái thân ngàn đời.
Ngồn-ngang trăm mối bời-bời,
Sân rồng phục trước kiếm lời lâu lên :

1 Vua tự xưng là « quả-nhơn » hay là « cô », nghĩa là nói nhưn mình đức ít-ôi, thân cô lậu.

2 3 4 5 Vua Cao-tôn nhà Ân gặp lúc nước suy-loạn, được ông Phò-Duyệt, dùng lễ hưng-phục cơ-nghiệp, thưởng biếu ông rằng : « Nhà-nước lúc này như cơn nắng lớn, dùng người làm trận mưa rào ; như sông cả, dùng người làm chiếc thuyền vững..... » (Kinh thư).

« Hạ-thần đức mọn, tài hèn.
« Bấy lâu lam chịu ơn trên cao đầy.
« Nước nhà gặp vắn ngày nay,
« Chúa lo, tôi nhục, (1) thân này quản dầu.
« Gắng đem hết sức ngựa trâu,
« Trục mai xin trả nghĩa sâu bấy chầy.
« Dầu cho bỏ-ích mảy-may,
« Miễn xong bốn phận, chi bày công-lao.
« Dám dầu chức trọng, quyền cao,
« Dự hàng lương-đổng (2) lạm vào triều-ban.
« Vì dù nhất đến tài sản, (3)
« Gả cho chức mọn dự bàn sự-cơ.
« Xin đem chút đỉnh thô-sơ,
« Gọi là giải tấm lòng tơ ít nhiều. »
Mặt rồng cúi xét những điều,
Biết lòng khiêm-thoái, khó xiêu tấm lòng.
Mượn quyền « Tham-Tá » trao phong,
Quản-cơ, quốc-sự (4) ở trong luận-bàn.
Trương-công khôn lẽ từ nan,
Tạ ơn, cung-lãnh việc quan ứng hành.

35. — Bấy giờ kinh-khuyết tiếm binh,
Còn ngoài các tỉnh lửa binh chưa tàn.
Trương-công bày-giải cơ-quan,
Tư xin Soã-phủ kịp toan điều-đinh :

1 Bởi chữ « Chủ tru, thần nhục. » (Vua chúa gặp lúc loạn mà phải lo, thì là sự nhục của bề-tôi.)

2 Đổng lương: Đường cột, nghĩa là chức trọng-thần trong triều.

3 Tài sản: tài hèn.

4 Quan-chế nước ta: Viện Cơ-Mật bàn quân-cơ và đại sự nhà-nước.

« Triệt binh các tỉnh về kinh ;
« Rút quân ra đóng ngoài thành quốc-đô,
« Kho-làng, bạ-tịch bốn-đồ,
« Hết đem giao trả lại cho Nam-trào ;
« Binh-quyền, quốc-chánh đều trao ;
« Trong, ngoài phục chức quan nào về ngôi.
« Xâm-nghiêm đường, bệ (1) vua, tòi,
« Kỷ-cang lại cứ phục-hồi y-nguyên.
« Bày ra chủ-nghĩa binh-quyền,
« Tổ lòng tin-nghĩa cho yên nhơn-trinh. »
Toàn-Quyền phúc duyệt thơ tình,
Trả lời y nghĩ thi-hành mọi phương.
Trương-công biểu-tấu trào-đường,
Điều-trần mọi lẽ tinh-tường vắn-vắn....
Trước xin Pháp Soái giúp quân,
Năm trăm pháo-thủ hiệp quân cấm-binh.
Ngọc-hoàng ngự-giá thân chinh,
« Tân-tương quân-vụ » Trương tình-nguyện đi,
Nhơn trong lựa xét cơ-vi,
Đặng tùy phương-thế quyền-nghi ứng hành.
Bút son phê truân đề binh,
Tuần hành bốn cõi phụ kinh một vòng.
Năm quân (2) cờ mở, trống giơng,
Nghiêm-trang giấy tỏ oai phong trào-đình.
Tời đầu, quân đóng lại dinh,
Đem lời phủ-dụ dân-tình dặng hay :

1 « Đường » là thềm nhà, vì với ngôi Vua ; « bệ » là bậc thềm, vì với bề-tôi.

2 Binh-chế nước ta : vua có năm quân, thống quân quân đó là quan Ngũ-quân Đô-thống.

Mọi chiều sự thế ngày nay,
Cùng tình Đại-Pháp tin-ngay giao hòa.
Đàn lành hiền lễ gần xa ;
Ke đưa võ-hịch (1) truyền qua nghĩa-đoàn.
Trào đình rộng mở lượng khoan,
Miễn cho dân nước hình-an như thường.
Trong lời hết trách lại thương,
Hết hăm lại dụ, đủ đường nghĩa, hơn.
Khiến cho các đảng văn-thân,
Tương đầu xuất thủ, thuộc quân tan về.
Nhà hồng, tường nhận yên bề (2),
Non sông rạng vẽ, cỏ huê phơi màu.
Kinh-doanh sáu tháng trước sau,
Lưỡi gươm, viên đạn chẳng hầu tổn-hao.
Vi dân sớm tấu công cao ?
Múa ba tấc lưỡi (3) lọt vào óc, gân,
Ai đem « bút quét ngàn quân » (4),

1 Tờ hịch cái cái lông cánh chim vào, tỏ ý ruồi lành như chim bay, vậy kêu là “võ-hịch.”

2 Nhà Chu gặp cơn biến-loạn, vua Tuyên-vương phủ-trị dặng yên, vậy thơ “Hồng-nhận” kinh Thi khen sự trung-hung đó ý nói dân tình trước kia gặp loạn phải lưu-tán, nay dặng về xứ-sở yên-bình, như chim hồng chim nhận xưa bay tan-tác, nay lại dặng về đậu yên ở tường nhà.

3 Trương-Lương bày trí mưu giúp vua Hán-Cao mở nước, vậy sử có câu “Trạo tam thốn thiết vi đế-giả sư.”

4 Bởi câu “Hoành bút tảo thiên quân.” (Đưa ngang ngọn bút quét sạch ngàn quân). Nghĩa là : dùng một bài văn cáo-dụ mà chiêu hàng được quân giặc.

« Thơ lui toán giặc » (1) đề phần thơ-sanh (2).

Thiệt là danh bất hư danh,

Một câu hơn mấy vạn binh tranh hùng (3).

Lui Tề, khuất Tấn (4) thùng-dung.

Tử-Kiều, Tử-Cống (5) soi cùng một gương.

Vận trù cũng bậc Trương-Lương, (6)

Bổ-y hiến sách cũng Trương-tề-Hiền. (7)

Mọi hay ngọn bút có quyền,

Văn-chương hữu dụng có duyên với đời.

« Hưng bang » cũng bởi một lời, (8)

Rất cần từ-lệnh là thời giao-thông. (9)

36. — Đòi trào mừng hội hiệp-dồng,
Toàn-Quyên biểu-lầu tự công Pháp-dinh.

Ghi danh « Vĩnh-Kỷ » tấn trình.

Gia ban « Ngũ đẳng bửu-linh » bảo đền ;

1 Vua Tống Cao-tôn quở các quan văn rằng: “Sao các người không ngâm một bài thơ mà đuổi lui toán giặc đi?”

2 Thơ-sanh là người học-trò.

3 Bởi câu “Nhứt ngôn thắng thập vạn sư.” nghĩa là nói một câu mà dẹp yên được giặc, không cần dùng binh.

4 — 5 Công-tử-Kiều là Tướng nước Trịnh, biện một lời mà khuất-phục được nước Tấn. — Tử-Cống là người học-trò nước Lỗ, nói một câu mà lui được quân nước Tề.

6 Trương-Lương là mưu-thần nhà Hán, vận đề bèn cạnh mình vận con toán bàn việc nước.

7 Trương-tề-Hiền là danh-sĩ đời Tống, mặc áo vải dâng mưu-chước trị nước.

8 Luận-ngữ. — Một lời nói đầy được nước lên.

9 Tả-truyện. — Địch Khổng-tử nói: Việc từ-lệnh đề giao-thông với chư hầu không thể đừng được là thế.

Nam-trào bình ngự đề tên, (1)
Định lưu kinh-đề, cất lên trọng thần.
Thưởng cho vàng, gấm, báu, trân,
Mặt Rồng phủ-dụ chu-chuân mọi đường.
Trương-công hết sức nhún-nhường.
Cống thành, thân thoai, tinh dương tri cơ,
— « Cầu hiền » giấc mộng đương mơ,
Mong lâu, nay gặp, đề ngơ dặng thui.
Biết là một vị văn-tinh
« Hàn-Lâm » lựa lấy c' ức thanh lưu hiền.
Chiều lòng : chỉ ở giản-biên,
Sắc cho thị giảng kinh-diên (2) ngày thường.
Trương-công hồi-tỵ cùng đường,
Phải-vàng phục trước Ngọc-đường (3) bày ban.
Thự xuân (4) ngày tháng thanh-nhàn,
Văn thơ hiệp với cung đàn tiên-dao.
Cân đai châu-chực Hoàng-trào,
Lên lui gác tia, ra vào cửa son.
Ngồi sư-bảo (5), dạ tòi con,
Một niềm vàng đá chẳng mòn lòng trinh.
Hết đem nghĩa-lý sử kinh,
Tự âm Âu, Á dăng trình trước ngai.
Lòng trên kính đức, trọng tài,

1 Vua Đường Thái-tôn kén được người tài đức thi ghi tên vào bình-phong đề dợi dùng làm quan Tướng.

2 “ Kinh-diên ” là tòa các quan Thị-Giảng Thị-đọc châu vua đọc sách.

3 — 4 “ Ngọc-đường xuân-thự ” (Dinh xuân trên thềm ngọc) là viện Hàn-lâm”

5 “ Sư-bảo ” là quan thầy vua.

Cảm công binh-dịnh, vui bài lễ-văn.

Bệ rồng càng nề, càng thân,
Vua tôi như thể, vui xuân một nhà.

Ơn Trời mưa tưới, móc sa :

Châu-phê lời ngọc, ban-gia chữ vàng (1).

Giá tôn, vọng trọng đường-đường,
Một hồi gió tạnh, mây quang một trời.

Cái duyên tao-tế lạ đời !

Ngàn năm ầu có một thời đắc quán (2) !

37.— Lầu chung-cổ, gác ty-luân (3),
Văn-chương, thời-khắc lần-lần trái-thầu (4).

Kề từ Hàn-uyên (5) tới châu,
Đổi-thay nhận én (6) đã hầu đầy năm.

Tiết vừa mùa hạ tháng năm,
Gió nam lọt cửa qua thềm bạn hiền (7).

Cảm thời, lại ngắm cơ-duyên,

1 Có những lời châu-phê biên chữ vàng và đối-liên ngự-từ, sẽ cung lục ở dưới cuối sách.

2 Mạnh-tử.— Đắc quán như thử kỳ chuyên. (Được lòng vua tin-cậy chuyên-cần như vậy).

3 — 4 Đường-thi. — Ty luân các hạ văn-chương tĩnh; Chung cổ lầu trung khắc-lộ trường. (Dưới gác ty-luân, văn-chương tĩnh-lúc; Trong lầu chuông trống, giờ phút lâu-dài), đó là tình-cảnh trong viện Hàn-lâm.

5 Hàn-uyên : viện Hàn-lâm.

6 Trong mỗi năm tới mùa lạnh thì chim nhận ở phương bắc dời sang nam; chim én ở nam dời sang bắc, đến mùa nóng lại thay-dổi lại. “Đổi-thay nhận-én” nghĩa là đầy năm.

7 Bởi câu “Thanh phong lại cố-nhơn.” (Gió mát đưa người bạn cũ lại). Lại bởi câu “Thanh-phong vi ích hữu.” (Gió mát là bạn ích).

Vin đèn sẽ bắt dây uyên đạo lần.

Đem tình-tánh gửi tình-thần,
Cung thương uốn điệu lựa vần Nam-phong (1).

Phút đầu như gọi tấm lòng,
Vò tình ai biết như trong cảm tình:

« Nghĩ mình chút phận thơ-sinh,
« Dám mong sự-nghiệp linh đình như xưa (2).

Dầu rằng trong trận gió mưa,
« Tình-cờ lăm dự công thừa mây-may.

« Song ta bước trước tới đây,
« Một lòng vì nước giải-bày trí nòng.

« Phải đầu mưu lợi, cầu công,
« Mù trời bắt kết (3) mà mong sang-giàu.

« Bẵng nay ta chẳng quay đầu,
« Mà tham-luyến mãi cái màu phồn-hoa,

« Thì người đời rắp bàn ta :
« Đua chen đường lợi, vò ra cửa quyền. »

« Đạo cùng bản-tiện là duyên (4).
« Mạng cùng phú-quí ở liền mãi a (5) ?

« Bòn-xu chẳng phải nghề ta (6),
« Thà đem thân vụng về mà nghỉ-ngơi (7). »

1 — 2 Vua Đế-Thuấn gây đèn sắt, lựa khúc “Nam-phong” (Nam-phong là gió nam mùa hạ), trong khúc đó có câu: “Gió nam phải mùa làm dặng sanh-xôi của cải cho dân ta; Gió nam ầm-áp giải thoát được sự cực-khổ cho dân ta.” Đó là khiêu-khi ông vua thánh-thần sự-nghiệp linh đình, làm dặng thiên hạ thái bình.

3 Đó là phương-ngôn nói ví vớ người nhưn lúc lộn-xòn mà mưu lấy lợi về mình.

4—5—6—7 Ông Thái-lôn-Sắc muốn cáo quan về, họa bài “Qui-khử-lai từ” có những câu: “Đạo-lý chẳng chê nghèo-hèn; vận-mạng chẳng ở mãi với giàu-sang. Đường bòn-tầu chẳng phải nghề ta, sao chẳng ma g thân vụng về này mà nghỉ.”

Tần-ngân vuốt bụng thở dài,
Ngâm câu từ-khúc Qui-lai họa vắn (1) :

« Lối về đường cũ gần gần (2),

« Biên Nam nhà cũ gửi thân thanh-nhân (3);

« Còn nơi phủ-thự, trào-ban (4),

« Nhà ai há phải nơi ran-rúi tình ? »

Nghĩ thời, dằng sở trần tình,
Qui tâu cửa phụng, khát mình cáo lui.

Mặt rồng xiết nỗi ngậm-ngùi,

Con đường hội, biệt, dương vui nèn sầu !,

Trương-công xin mấy lần sau,

Không cầm dặng, phải truân tâu cho về,

Lòng vua quyến-ái trăm bề,

Hiện ra ngòi bút ngự-phê nèn lời.

Sắc vàng giấy ngắn, tình dài,

Đã thơ trường-luật, lại bài tự-văn. (5)

Gia-ban các hạng bâu-trần,

Là đồ nội-phủ (6) tiễn chơn lên đường.

Lại còn xưng-ngộ dị thường :

Ngự-dung, (7) ngọc-khánh đề vương ơn lành.

Khiến cho lòng ở trào-dình,

Còn về còn nhớ đến tình ái, ưu. (8)

1 — 2 — 3 Cũng chữ ở bài Họa qui-khứ-lai từ rằng :
“ Về thôi đi, biên Đông là nhà ta.” Chữ “ Đông ” đây đổi ra
chữ “ Nam ” là Nam-ký.

4 Phủ-thự : Dinh quan. — Trào-ban : trật tự trong trào.

5 Co bài tự, bài thơ ngự từ cung lục và phụng dịch ở
cuối sách.

6 Đồ-vật trong kho-tàng nhà vua.

7 Hình chơn-dung vua Đồng-Khánh.

8 Ái quốc (yêu nước), ưu quân (lo vua).

Trương-công được phép hồi hưu,
Gửi thân thêm ngọc khấu dầu từ qui.

Về rông phán-dự hoan-hỷ,
Sắc trào-ban đặt lễ-nghi tiến hành.

Tôi ngày, dò-thị rạp-rinh :
Nhạc-cồng tàu khúc, cấm-binh bày hàng
Khâm ban cờ gấm, biển vàng :
Thanh-cao hiệu tốt, (1) vinh-quang tiếng lành ; (2)

Đôi-liên khắc dạ ghi linh :
« Hiên-sư, ân-sĩ » (3) một mình đôi phương.

Loan-dư ngự cửa trào-dương,
Tiễn-dưa một bước, nhớ-thương trăm chiều,
Ân-cần ký-thác mọi điều.

Đức non, ơn biển còn nhiều nặng sâu ! (4)

Xe loan ngựa đã quay đầu,
Trào-ban vẫn, võ cùng nhau đưa đường.

Ngựa xe vồng lọng nghinh-ngang.
Tiết cao họ Sớ, (5) tiếng vang ông Bào. (6)

Quan hưu từ-giã quan trào,

1 — 2 — 3 Bữa tiên-sanh cáo về, vua Đồng-Khánh có sắc tặng đôi câu đối “ Đồng-dương trọng ký hiên-sư vị ; Bắc khuyết vinh qui ân-sĩ lư.” Và tấm biển vàng, một mặt khắc 6 chữ « Từ hiệu Nam-trung ân-sĩ » ; một mặt khắc 4 chữ « Sắc tứ hồi hưu » một lá cờ vóc, một mặt thêu 7 chữ « Vạn lý vân tiêu nhứt vũ mao », một mặt thêu 4 chữ « Hoàng-trào sắc tặng »

4 Cờ-thi — Hạ đức như sơn trọng ; Thừa ân tự hải thâm.

5 Hai anh-em ông Sớ-Thụ, Sớ-Quảng cùng làm quan đời Hán, còn trẻ tuổi, cùng rủ nhau về hưu, các trào quan tiễn-dưa, ai nấy đều phục là thời cao.

6 Ông Đào-Uyên-Minh.

Tàu ra cửa Thuận, vượt vào cõi Nam.

Cánh hồng bay hồng đã cam,

Thuận phong dừa lá vàn phàm (1) tới nơi.

Đỗ tàu, lên bộ thanh-thời.

Các quan đặt lễ tiếp-mời dinh-ninh.

Tiệc tan, lẩn yết các dinh,

Chào quan bảo-hộ, gửi linh từ qui.

Lòng quan Thống-dốc Nam-kỳ,

Trọng vì công trạng, ngại vì gian-lao,

Vả thương niên-kỷ đã cao,

Nề tình, không nỡ nặng trao việc đời,

Chiều lòng cho dặng thanh-thời,

Ân-cần phủ dụ, truân lời hồi hương.

Sức cho sở-tại dọn đường,

Bình dân tiếp rước lễ thường vẽ-vang.

38. — Về nơi vườn cũ Nhơn-Giang,

Chim kêu, hoa nở lại càng thêm xuân. (2)

Tờ thầy sập-sã mười phân

Vợ chồng, con cái quây-quần nhà lan.

Từ đây ngủ kỹ, thức nhàn, (3)

Cửa son, dậm tía sánh bàn đề dàu. (4)

1 Ván-phàm: Cảnh buồn máy.

2 Ông Trần-Đoàn là người cao-ân ở đời nhà Tống, có câu thơ tả cảnh chỗ ở rằng: « Dã hoa, đề điều nhưt ban xuân. » (Hoa nở ngoài đồng, tiếng chim kêu đều một màu xuân.)

3 — 4 Trong bài thơ đó của ông Trần-Đoàn lại có câu: « Tử-mạch tưng vinh chanh cập thụ; Chu-môn tuy qui bất như bản. » (Dậm tía đưa vinh chanh với giấc ngủ; Cửa son dàu sang chẳng bằng cảnh nghèo).

Quá niên năm chục tuổi đầu,
Năng sương giàu-giải bấy lâu nên già.
Ngày nay đời đã buông-tha,
Trời thêm ngày tháng để mà tiêu-dao.
Gió cao, tiếng hạc càng cao, (1)
Một ông dũ-lão phong-tao càng già. (2)
Thầy trò ta giảng đạo ta,
Hương đưa thơm nức, ấy nhà chi lan ; (3)
Vui vầy con lũ, cháu đàn,
Về phò đầy cửa quế đàn, hoè hoàng : (4)
Đem so với cảnh giàu-sang,
Đào mây, hạnh nguyệt riêng làng phồn-hoa. (5)
Khi thì chống gậy bước ra,
Thăm tỉnh thân-thích ruột-già cùng nhau ;
Khi thì nón lá đội đầu,
Đạo qua vườn ruộng coi màu lúa cây ;
Khi thì ruỗi bánh xe mây,
Tìm hoa, thăm liễu đó đây thanh-nhàn ;

1 Kinh Thi.— Hạc minh vu cửu cao, thanh văn vu thiên.
(Chim hạc kêu ở chín tầng núi, tiếng đưa tới trời). Nghĩa
là thói thanh cao của người an-sĩ.

2 Ông Tư-mã-Quang là quan tướng hiền của đời Tống,
cáo quan về làm ông lão điền-dã, ngâm thơ ca chơi, tự
xưng là « phong-tao dũ-lão. »

3 Luận-ngữ. — Ở với người thiện như vô nhà hoa chi,
hoa lan.

4 Hoa quế đỏ, hoa hoè vàng, vì với con cháu nhà nòi
giống danh-giá.

5 Huè đào bên mây, huè hạnh trong trăng là mẫu phú
quí. (Thiên gia thi).

Khi thì bơi lá thuyền lan,
Tròng trắng, hóng gió khoan-khoan tay chèo ; (1)
Có khi con hát dem theo,
Lựa dờn Thúc-tử trên dèo Nghiễn-san (2)
Có khi chén rượu vui đàn,
Ông Đào dất trẻ cũng đàn tay già. (3)
Khi nhàn lại cứ việc ta,
Sách đèn, nghiêng bút vẫn là nghề xưa.
Lần-lần rày gió, mai mưa,
Thoi oanh thoăn-thoắt như đưa ngày trời.
Mảng vui nào biết đổi-dời,
Cải già sông-sộc nó thời theo sau.
Giật mình tưởng lại hồi đầu,
Mười năm về trước sao lâu như vậy ?
Mà mười năm sắp tới đây,
Quang-âm thăm-thoắt coi lầy mấy phen.
Bối xưa trong bước phong-trần.
Con đường ngại bước, dẫu gần như xa ;
Mà nay trong bước la-dà,
Con đường vui bước, dẫu xa như gần.

1 Ông Đào-uyên-Minh khi cáo quan về nhà, thường chống gậy đi thăm bà con ; khi đội nón đi thăm vườn ruộng ; có khi cỡi xe, khi bơi thuyền đi chơi-bơi, thật là phong-lưu nhàn-nhã. (Qui khứ lai từ).

2 Ông Dương Thúc-Tử tánh phong-lưu thường dắt con hát lên chơi núi Nghiễn-san.

3 Ông Đào-uyên-Minh tính vui trẻ, thường dắt con-nít vô nhà, rót rượu uống chơi. (Quy-khứ-lai từ).

Xuân xanh chẳng tới hai lần, (1)
Bấm tay tính đã đóng tuần sáu mươi.
Trời già sao chẳng chiều người :
Không cho mượn mãi cái đời thọ-khang !
Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
Non Đoài ác đã nhăm quang-cảnh chiều.....(2)

39. — Người xa kinh-khuyết bấy lâu,
Lòng trên bệ ngọc càng sâu lắm tình .
Hằng khi có sứ trao-dinh,
Lời vàng tuyên-triệu tấn kinh luận-bán ;
Hằng khi có chiếu-thư ban :
« Gia-tinh, thân-thể » hỏi han mọi điều.
Dẫu rằng thảo-dã yên chiều, (3)
Thân xa, mà mộng quân-thiều chẳng xa. (4)
Cuối năm Đồng-Khánh thứ ba,
Đặng tin « thánh-thể vi hòa » (5) tới nơi.
Vội-vàng giơng-ruồi dặm khơi,
Chén Nam-sơn ngảnh mặt Trời Trường-An (6)
Thuốc tiên khôn luyện thành đan,

1 Bởi câu « Thanh xuân bất tái lai. »

2 Nghĩa là : đã tới cảnh già mà sắp hết đời rồi.

3 -- 4 Bởi câu « Thân thảo-dã nhi mộng quân thiều. »
Nghĩa là : mình dẫu ở chốn đồng cỏ mà vẫn chiêm-bao
nghe tiếng nhạc quân-thiều ở trong nhà vua. (Ý là : lúc nào
cũng nhớ đến vua).

5 Thân-thể vua trái sự điều-hòa. (Nghĩa là vua bị bệnh).

6 Dương-thị. — Dao-dao tây hướng Trường-an nhật,
Nguyên thưởng Nam-sơn thọ nhứt bôi. (Xa xa ngảnh về
phía tây châu mặt Trời đất Trường-an, xin dâng một chén
rượu chúc vua thọ như núi Nam).

Đường mây bỗng ruổi xe loan lên Trời (1).
Trào phò hoàng-phái nổi dời,
Kỷ nguyên « Thành Thái » ứng thời, trị dân.
Một ngôi quốc-lão cựu-thần,
Thụ tang tiên-đế, bài ân kim-hoàng.
Lòng qui (2) nữa cảm, nữa thương !
Lễ thành, lại kiếm con đường về quê.

40. — Từ khi bửu-cực cầm khuê (3),
Hằng ban lời chiếu ngự-phê : tấn trào.
Trương-công lấy cớ niên cao,
Liên dâng sớ cáo bệnh đau, hưu-nhàn.
Sự đòi nghĩ cũng đa đoan,
Càng tai-tình lắm, càng oan-trái nhiều !
Toàn-Quyền cũng có lòng yêu,
Dụ rằng : « Người sẵn có nhiều công-lênh.
Nên xin « tam đẳng bửu-tinh »
« Bồn quan truyền diện Pháp-dinh vi tư. »
Trương-công thiết dạ tự như,
Đem lời cao-đạo chối-từ quan trên.
Một lời là một oan-khiên,
Lòng ngay nào biết gây nên mọi điều ?
Lại khi có hạn đồng-liêu,

1 Bắc-sử : « Thừa hỉ bạch vân, qui vu đế hương. » (Cưỡi đám mây trắng, về tới làng trời). nghĩa là : Hoàng-đế thăng hà.

2 Hoa qui lúc nào cũng ngảnh đầu về mặt trời, vậy ví với bề-tôi trung-thành với vua.

3 « Bửu-cực » là ngôi vua. — « Cầm khuê » : buổi đại-triều thì vua cầm ngọc khuê.

Đưa thơ khuyên-nhủ mọi chiều bốn-ba :

Rủ vào dân-tịch Lang-Sa,
Cải trang phục-sắc hết là theo Tây.

Trương-công chất-phác tỏ-bày,
Hết đem đạo thẳng, lẽ ngay trả lời,

Lạ gì nói thật trái tai (1),
Người cảm đắng miệng là bài thuốc cay (2).

Vì cao nên cả gió lay (3),
Vì trong-trắng lắm nên giấy bợn vào (4).

Kể đem liếng đờ, lời phao,
« Nhị tâm » một án, đòi trao cùng nghi.

Trương-công cũng chẳng hề gì,
Lòng ngay trich-trich tri-tri một lòng.

Thông trước gió, cột giữa dòng,
Trăm lay chẳng chuyển, trăm rung chẳng rời.

Dua-dèm ghen-ghét mặc đời,
Dạ tin sẽ có đèn trời xét thấu.

Thần mình dầu cũng mặc dầu,
Quản lo con cháu về sau lâu dài.

Vậy cho một gã dầu trai,
Th-o-dôi xuất sĩ, tránh lời phong-thanh.

41. — Lo vận nước, ngấm nỗi mình,
Ngán vì thế-thái, nonh-linh mà đau !
Mắt coi, lòng nghĩ mọi mầu,
Nội thương, ngoại cảm giao nhau nên phiền ?

1 — 2 Hàn-sử — Độc được khê-khâu... trung ngôn nghịch
nhĩ.... (Thuốc cay đắng miệng...., nói thật trái tai).

3 — 4 Bởi câu « Hạo họa giả dị ô; nguy-nguy giả nan
tuyền. » (Vật trắng lôm-lốp dễ giấy bợn vào; vật cao vỏi-vỏi
khó lành-trơn được).

Tuổi già, mình yếu không yèn,
Nhiễm thành « khái huyết » liên miên tháng ngày.

Biết rằng « tâm huyết » chứng này,
Thuốc tiên chắc cũng không hay chữa dần.

Ấu dành gi-đưỡng tinh-thần,
Chỉ dùng bổ-tễ nuôi thân-thể già.

Ngao-du ngày tháng la-dà,
Nghe trời, thuận mạng cho qua kiếp trần.

Àm-thầm trải đã mấy xuân,
Sang năm Mậu-tuất tới tuần qui-thâu, (1)

Hạn niên sáu một tuổi đầu, (2)
Niên cao, bịnh trọng coi mầu kém tươi.

Biết thân tránh chẳng khỏi Trời,
« Gia-tinh thế-sự » trôi lời sau thân.

Kiếp này toàn-vẹn hình, thần, (3)
Thơ đề tuyết bút (4) mấy vần đề sau.

Ngẫm lời nhả oán, nuốt sầu,
Hàng-hàng rơi lụy ! càn câu gửi lòng !

Ai hay sống đục, thác trong,
Xương mòn chín suối, còn mong ngậm cười

42. — Tới ngày mồng tám tháng mười,
Xe mây Trời đã rước người tiên đi.

Đã dành sanh ký, tử qui (5),

1 Qui thân : cuối mùa thu là tháng chín.

2 61 tuổi là năm tuổi, nhà thuật-số kêu là năm hạn.
(Năm Thành-thái thứ 9. — 1898).

3 Bởi câu « Thần toàn tể hình tồn. »

4 Tuyết bút là bài văn của người sắp thác viết đề lại. —
Bài thơ tuyết bút của tiên-sanh kính lục ở dưới cuối sách.

5 Sống là gửi, thác là về.

Song trong tử biệt, sanh ly (1) ai đành !

Nghe lời « ai-tín » nhứt-trình,

Hữu tâm hết thấy động tình bi-ai !

Người đều có mắt, có tai,

Trên hai chánh-phủ, dưới hai dân-doàn.

Mừng rằng : sanh thuận, tử an ; (2)

Tiếc rằng : tiền cảnh trần-gian cách vơi !

Bởi người quan-hệ với đời,

Người đi còn để lại lời nhớ-thương !

Tôi ngày làm lễ hành hương, (3)

Nhà mồ Chợ-Quán trang hoàng từ xưa.

Ngựa, xe, dùi, lọng như mưa,

Quan-thân, thích-thuộc tiễn-dưa chật đường.

Kể sao hết lễ, tình thương.

Đời trào ân-diễn lạ đường vinh ban :

Đại-Nam khám mạng trào-quan,

Hậu-nghi tôi phụng trước bàn linh-xa ;

Về bên chánh-phủ Lang-Sa,

Quan tuyên văn viếng, linh la sùng chào.

Một cơn mây phủ, mưa rào,

Xiết nào khen-ngợi ! xiết nào tiếc than !

Ngạt-ngào bông cúc, màu lan (4),

Hương thừa người tốt chưa-chan còn nồng ! (5)

1 Người thác biệt người sống, người sống lia người thác.

2 Sống thuận cảnh, thác yên-lành.

3 Hành hương : lễ cất đám táng.

4 — 5 Bài Thu-phong-tử của vua Hán Võ-đế có câu : « Lan hữu tử hề, cúc hữu hương. Hoái giai-nhơn hề bất năng vương ! » (Cây lan có màu tốt, cây cúc có bông thơm, nhớ người tốt đó chẳng quên dặng). « Người tốt » là chỉ bề tôi hiền đã qua đời.

Nhớ công nên phải đền công :
Một nhà tử ẩm, thê phong (1) châu-toàn.
Người lục dụng, kẻ thăng quan,
Gọi mưa, tắm móc, một đoàn thừa ân. :

13.— Xét trong lịch-sử sáu tuần (2),
Phong-lưu nhiều dịp, phong trần nhiều phen.¹ !
Dấu thơm còn để trước đèn,
Toàn danh, hoàn phước, khá khen một nhà :
Gương treo song thọ ông, bà,
Quế con, lan cháu (3) giải hoa đầy thêm.
Rể lành, cây đức (4) bôn thêm,
Càng xen lá ngọc, càng chêm cành vàng (5),
Ễ sau xiết vẽ diềm-trang?
Thử coi cái ảnh phong-quang trong nhà :
Binh sanh lịch-duyet bao xa,
Huy-chương đời nước vinh-hoa đường nào !
Mà tìm tới chốn thanh-cao,
Tiếng thơm nào ở trâm bào (6) vẽ-vang ?
Quan không « nhứt phẩm » trào-dường,
Giả danh nhưn-vật đứng hàng « nhứt lưu ».
Cuộc đời khéo cuộc bài-tru (7),
Hiện bày maòn trạng đề lưu trở về :

1 Con được tập ẩm, vợ được phong sắc.

2 Mười năm là một tuần, sáu tuần là sáu mươi năm,

3 Bởi chữ « Quế tử, lan tôn », là con cháu nhà danh-giá và có tài đức.

4 Rể lành : Thiện căn.— Cây đức : Đức-thụ.

5 Bởi chữ « Kim chi, ngọc diệp » là nơi giống nhà phú-quí như cây có cành vàng, lá ngọc.

6 Trâm côi mũ, áo cầm-bào là đồ trào-phục các quan.

7 « Bài-tru » là trò hát tuồng.

Cần dai là mặt vẽ hề;
Áo sen, khăn quạ (1) là bề chơn-thân.
Khi ra chịu tiếng « vương thần »;
Khi về « ần-sĩ » giữ phần tự như (2).
Hiệu nhà « Trương ần-sĩ lư »;
« Nam-trung ần-sĩ » hiệu từ vua ban.
Quan mà ần, ần mà quan,
Đôi đường xuất, xử khoan-khoan bước lần.
Xử thì bạt tục, xuất trần (3);
Xuất thì ích quốc, lợi dân trăm đường.
Sống thì đời được cậy-nương,
Thác thì dễ đoạn nhờ-thương cho đời !

44. — Vậy khi mây nước cách vời (4),
Bàng-khuàng lau lác, trông người một phương (5) !
Hoàng-trào Khải-Định dăng quang,
Tối năm thứ chín huy-hoàng thọ-tĩnh (6):
« Tứ tuần đại-khánh » linh-dinh,
Ơn trên tươi khắp tử, sinh đều nhuần.
Nghĩ ngôi tiên-thế cựu-thần,

1 Áo lá sen, khăn mỏ quạ, là đồ mặc của người ần-sĩ, bởi chữ « Kỳ hà y, ô dác cần ».

2 « Tự như » cũng như « tự nhiên ».

3 Tới qua loài tục, ra ngoài cõi trần. Nghĩa là tiết-hạnh cao hơn đời.

4 — 5 Thơ Kiêm-hà kính Thi là lời nhơn cảnh mùa thu mà nhớ người hiền xa-vắng hay là đã thác đi, trong đó có những câu rằng: « Mầu lau lác lác-lồ, móc trắng hóa làm sương. Kêu là cái người đó, khuất nước thăm một phương. »

6 Sao thọ sáng-tỏ rõ-ràng.

Tán-tương (1), chức-thuật (2) nhiều phần huân, du (3).

Tặng hàm « Trung-phụng Đại-phu »,

« Tham-tri bộ Lễ » truân thù công-lao (4).

Mây mưa ơn nước dồi-dào,

« Thái sơn, Bắc-dầu » càng cao phẩm người !

45. — Lòng người sẵn có lẽ trời, (5)

Tình chung « hiếu thiện » ai ai cũng lòng. (6)

Cũng lòng « sùng đức, báo công » (7)

Người ăn trái nhớ người trồng nên cây.

Văn-minh còn có ngày nay,

Nhờ đem hột giống mà gây nên mùa.

Nam-ký thân, sĩ đồng tâm :

Một lời đề-xương, đều ăn-ăn theo.

Lập nên « kỷ niệm » hội mẫu,

Ghi công, ghi đức : mở đầu văn minh.

Thảo đơn ký-kết đệ trình,

Trên nhà-nước biểu đồng tình duyệt y.

Trích trong công-khố Nam-ký,

Dương-ngân trợ-cấp lượng chi ba ngàn.

1 « Tán-tương » là giúp-giáp việc nước.

2 « Chức thuật » là làm ra các sách.

3 « Huân » là công-lênh, « du » là mưu-chước.

4 Có cung lục sắc-văn truy-tặng và phụng dịch môn ở cuối sách.

5 Bởi câu « Thiên lý tại nhơn tâm. » (Lẽ trời là những đạo phải.)

6 Bởi câu « Hiếu thiện, ố ác, nhơn chi đồng tình. » (Yêu người thiện, ghét người ác là mối tình chung của con người ta.)

7 Tôn-chuộng đạo-đức, báo-dền công-lênh.

Được lời, hội mới hiệp bàn :
Hội-viên trị sự đặt ban hội-đồng.
Đem lời cổ động lẽ công,
Dựng tờ bá-cáo đặt-thông toàn kỳ.
Cho hay hiểu đức, bình di, (1)
Người trong lục tỉnh theo đi một đường :
Lòng thường đem chút của thường, (2)
Số ngàn cung tiến tinh lương hai muôn,
Thế trào theo gió tấn luôn,
Chơn-dung một bức đồ khuôn nên hình.
Đội khi đồng-tượng cáo thành,
Quốc-dân đem tấm lòng thành sắt son :
Dựng trong thành-phố Sài-Gòn,
Đề người coi thấy, lòng còn nhớ ghi,
Chắc hồi triêm-bái uy-nghi,
Phong-quang rực-rỡ trong khi khánh-thành. (3)

46. — Tượng đồng ghi chất, ghi hình ;
Còn phần giấy trắng truyền tình, truyền thần.
Như pho « Âu, Á danh-nhon » (4)
Tiên-sanh cùng đứng vào chơn quần hiền. (5)

1 Kinh Thư. — Dân chi bình di, hiểu thị ý đức. (Loại người cầm đạo thường, vậy yêu đức tốt.)

2 Mạnh-tử. — « Phàm người ta có của thường thì có lòng thường. » Nghĩa là người sẵn có của thì sẵn có lòng tốt.

3 Dựng tượng năm Bảo-Đại thứ hai (1927).

4 5 « Le bisgraphe » của nước Pháp, chép truyện 18 vị danh-nhon Âu, Á về thế kỷ thứ 19, mười bảy vị người Âu, một mình tiên-sanh người Á (Sách làm năm 1873 — 74)

Như pho « Trương-thị ký-biên » (1)

Cùng đem lịch sử ghi truyền dị-nhơn. (2)

« Hiền hiền » cùng nghĩa « thân thân » (3)

Trọn đời tạc dạ lần lần chẳng quên (4)

Người đều nhớ mặt nhớ tên,

Nhớ công, nhớ đức lâu bền ngàn năm.

47. — Than ôi ! người tốt phương Nam,
Dẫu người nước khác còn ham-miến người.

Huống chỉ người một giống-loài,
Nên đem người tốt dè ngoài dạ sao ?

Vậy nên lòng những khát-khao,
Treo gương soi dẫu thanh-cao trước đèn.

Bút¹ què chẳng đoái hay, hèn,
Trong hàng chức-thuật cũng chen chơn vào.

Thiếu tài « châu ngọc huy hào » (5).
Lẽ không đủ tỏ nghĩa cao mây trời (6).

Lời nôm xin một đôi lời,
Trộm ghi chữ đức, chữ tài về sau.

1 2 Sách « Petrus Trương-vinh-Ký Érudit cochinchinois » của ông Bouchat là quan Nam-ký Hàn-lâm viện Tư thư, (sách làm năm 1925)

3 4 Đại-học. — Quân-tử hiền kỳ hiền nhi thân kỳ thân,... thử dĩ một thể bất vong dã. (Người xưa dựng nên đạo-đức để lại đời sau, đó là người hiền, thì người quân-tử phải tôn chuộng; dựng nên cơ-nghiệp để lại con cháu, đó là người thân, thì người quân-tử phải thân-yêu, vậy nên trót đời chẳng quên vậy « Hiền hiền » là tôn người hiền; « Thân thân » là yêu người thân.)

5 Đường-thi. — Thi thành châu ngọc tại huy hào. (Thơ nên lời châu ngọc ở khi vẩy ngọn bút), « hào » là ngọn bút lông. Nghĩa là vẩy ngọn bút thì thành ngay câu thơ hay như châu, như ngọc.

6 Bởi chữ « Vân thiên cao nghĩa. » (Nghĩa cao như mây, như trời.)

PHỤ TRƯỞNG

(Chép phụ một tập văn)

Hoành-biên và đôi-tiên tòa nhà riêng Nhơn-Giang

Tiền-đường

« Thanh-Tuyền Biệt-thử »

1. — Điều chỉ kỳ-ngu y thiện địa.
Oanh thiên kiều-mộc diện sơ-cơ.

Tân-diên

2. — Tân mỹ hoan bồi Đàng-các yển ;
Diên sơ nhĩ tụng Vệ-hầu thi.

Nghi phong các

3. — Nhơn-giang tể-nguyệt liêu đồng thú ;
Vĩnh-thủy quang-phong khảng biệt truyền.

Khả nguyệt lâu

4. — Minh-nguyệt thường giao tâm-lý tại ;
Thanh-phong nghi thị cố-nhơn lai.

Đỗ-thơ phủ

5. — Đại-tạo hữu tâm lưu hạ nhật ;
Minh-thời vô sự ngọa cao-lầu.

Hân-mặc lâm

6. — Trí tri nhưng hưởng minh thành nhập ;
Viên kiến ưng từng quảng đạt lai.

Dưỡng ninh thất

7. — Dưỡng đức đại quan bằng thiện-địa ;
Ninh tâm hảo chước tự nhân-thiên.

Văn-bảo lâu

8. — Văn hà vi, văn vi ích-hữu ;
Bảo vô dĩ, bảo dĩ thiện nhơn.

Nội-tâm

« Viện thăm Nhơn tĩnh »

9. — Đồng ngã phụ tử nhập xử thử ;
Yến nhĩ huynh đệ thức hảo chi.
10. — Huê ấu gi nhân qui cúc-kính ;
Tự luân u thưởng hội đào-viên.

Nạp lương đình

11. — Tử diện hoa-lương nung phước-úc ;
Bát song nguyệt-sắc động linh-lung.
12. — Gi tình hữu sắc ba tâm nguyệt ;
Hòa tánh vô trần thủy đề thiên.
13. — Dưỡng tánh thường giao minh hữu kính ;
Trùng tâm ứng tác trạm vô ba.
14. — Thi lễ bộ-xu đăng đạo-ngạn ;
Luân thu nhảm-nhiệm ấp văn-phong.

Ngoại-môn

« Trương ân-sĩ lưu »

15. — Tư-đạo do, xuân-viên vô hạn hảo ;
Kỳ môn nhập, hạ-ốc hữu dư quang.
16. — Lợi-lộ nhơn bài chu-thất nhập ;
Nhân-tâm ngã bị bạch-vân lưu.

Nội-môn

« Ngân thược trùng quan »

17. — Trùng môn đồng-kiến dư-lâm khúc ;
Trực đạo nghiêm xu đại-Trượng hành.

Trù-phòng

18. — Canh điều quán khứ duy chơn-vị ;
Đỉnh thực do lai độc đạm tình.

Mã-cứu

19. — Hiến lực trúc phê song nhĩ tuấn ;
Chừ tài phong ứng tứ đề khinh.

Dường sức sờ

20. — Quần vật hữu tài lưu ngã dụng ;
Nhứt tâm vô bệ tự gia tri.

Nội-khổ

21. — Đại đạo hữu sanh tài, vi giả chúng, thực giả quả ;
Tạo-vật vô tận tạng, thủ bất cấm ,dụng bất cùng.

Cung lục Đồng-Khánh hoàng-đế ngự tứ văn-tập

I

Ngự bút đặc phê

1. — « Thượng-nguyên giảng thế. »
2. — « Hữu đức tất hữu ngôn. »
3. — « Như tọa xuân-phong trung. »

II

Ngự tứ huy-hiệu

« Nam-trung ân-sĩ. »

III

Ngự tứ ngọc-khánh

«Hiếu dễ trung tin »

IV

Ngự tứ biển-ngạch

« Giang hồ tán-nhơn. »

V

Sắc tặng hồng kỳ

« Vạn lý vân tiêu nhứt vũ mao. »

VI

Ngự tứ đối liên

1. — « Khẳng lự mê-dồ khuy chí-đức ;
« Thường tương chánh-đạo tác nhân-tâm. »
2. — « Đòng-dương trọng ký hiên-sự vị ;
« Bắc-khuyết vinh qui ân-sĩ lư. »

VII

Ngự từ tự-văn

(*Cung lục và phụng điển Nam-âm*)

Từ Nam-trung ân-sĩ Trương-vĩnh-Ký nguyên lãnh Cơ-một viện Tham-tá, hiện sung Hàn-lâm viện Thị-giảng Học-sĩ. Từ cổ thỉnh hồi hưu, truân hừa bửu-vật các hạng. Nhơn thành trường-luật dĩ cổ kết chi. Tinh tự:

Sĩ quân-tử vi thể sở quý, mặc đại hồ cang-thường. Cồ chi nhơn quyển mẫu tưng-độc, nhược tương chung thân, nhứt dân phiên nhiên nhi khởi, hành quân thần chi nghĩa dã, Trương Sĩ-tải Nam-trung nhơn dã, sanh nhi dĩnh-luệ, bác học hiệp văn, Âu Á chư quốc du tích đài biến ; tự thoại phong vật vô sở bất tri, nhi vị tăng thụ nhứt chức dĩ vi phụ mẫu chi bang. Qui tắc ăn cư thụ đồ, bất vi tục lụy.

Tự văn kinh báo, toại thừa phong phá lãng nhi lai, công nhĩ vong tư, quốc nhĩ vong gia, giảng tín tu mục, động nhơn dĩ thành : Đương thử quốc-bộ đa gian, nhi vị trăm tán-trợ, bỉ thử chu tuyền, tài lục nguyệt gian, sự sự sảo tế, thành đệ nhứt lưu nhơn vật dã !

Phủ Nam-thồ cửu thuộc đại-bang, quốc-trào văn-hóa sở hãn cập, nhi hữu Trương-quân chi tài như thử kỳ trác trác ! khởi phi sơn xuyên tú dục, tiên trào giáo trạch sở di rư ! Trăm hỉ đắc Trương-quân, nhi cánh hữu cảm dã.

Tạc kinh bạt thụ Hàn-lâm viện Thị-giảng Học-sĩ, thời thị ngự-diên giảng-luận liệt quốc tự thoại điển cổ. Trăm tương lạc thử bất vi bi, cánh vọng kỳ tận triền mưu du, dĩ hoăng tế gian-nan dã. Vô nại ngộ đàm vị kỷ, cự dĩ thỉnh hồi. Trăm nhứt niệm chơn-thành, hữu gia vô dĩ.

Tư đặc tứ lương ngọc như ý nhứt bả, Nam kim thập lạng, tề-giác nhứt tòa, thượng cầm tam liên, sa bạch

bát chi, cự-súng nhị khâu, xá-cử quĩ nhứt, tịnh quả-nhơn chơn-dung nhứt bức, hựu sơ sanh thời phụng Hoàng-khảo ân từ ngọc khánh nội khắc « hiếu, để, trung, tín, » tứ tự, lưu vi thế bửu, kim Trương-quân tặng chi, bất thiềm sanh-bình hiếu sĩ nhứt niệm. Nhơn tập thành thi nhứt thiên dĩ thị tỉnh tố. Quàn dữ kỳ tử nghi thiện thê chi. Cồ-nhơn vân : « Thủy chung lương tận quân thần nghĩa ; nội ngoại vô vọng tru ái tình. » Trăm diệp tinh dĩ kỳ-vọng, thứ cơ bất vọng hồn thủy. Thốn ngôn lĩnh-lược, vĩnh nguyện minh tâm. Trăm diệp đặc dài hiền chi báo văn. Thi như tả :

Dịch nghĩa.

Sắc cho ân-sĩ Nam-trung là Trương-vĩnh-Kỷ, nguyên lãnh chức « Cơ-mật viện Tham-tá » hiện sung chức « Hàn-lâm viện Thị-giảng Học-sĩ », nay cố xin cáo hưu, vậy đặc ban các hạng bửu-vật tiền về, nhơn thành bài thơ trường-luật, đề ghi lòng tưởng-nhớ về sau.

Lời tựa.

Sĩ quân-tử đề cho đời quý-trọng, chẳng gì lớn bằng cang-thường. Người xưa đọc sách trong chốn ruộng-nương, (1) tưởng như vui đó xuất đời (2), một ngày kia như mình đứng đây, (3) là đề đạt hành cái nghĩa vua tôi đó.

Trương-sĩ-Tái người trong cõi Nam, sanh ra sẵn có tánh-chất thông-minh, học rộng, nghe xa, các nước Âu, Á, gót du hồ khắp ; chữ, tiếng, phong, vật, dâu đó đều hay. Mà chưa từng nhận một chức gì, đề trái-là nước cha mẹ. Về thi ở ẩn, dạy học, chẳng chịu lụy với đời.

(1 — 2 — 3) Ông Y-doãn là ông thánh đời nhà Hạ khi trước ở ẩn đọc sách trong ruộng đất Hữu-Sân, định như vậy mãi, sau vua Thành-Thang đón ra, giúp vua dựng nên cơ-nghiệp nhà Thương.

Mới đây nghe tin báo kinh-thành có việc, liền cỡi gió rẽ sóng lại đây, vì nước quên nhà, vì công quên tư, giảng-hòa điều tin-mục, đem lòng thành cảm-động đặng người. Đương lúc vận nước nhiều nạn, mà vì trăm giúp-vực, châu-toàn đây đó, chỉ trong sáu tháng, mọi việc lẫn rồi, thiệt là hạng người bậc nhứt vậy !

Ôi đất Nam từ lâu đã thuộc nước nhà, song văn-hóa quốc-trào ít phần kịp tới, mà Trương-quân có tài hơn người như vậy, há chẳng phải khí thiêng non nước đúc nên, giáo-trạch tiên-trào để lại, mà đặng thế rư ? Trăm mừng đặng Trương-quân, mà lòng càng cảm kính !

Trước kia từng hạt-thụ chức « Hàn-lâm viện Thị-giảng Học-sĩ », hằng ngày châu-chức chốn ngự-diên, giảng-bàn tự thoại diên-cổ các nước. Trăm toan những vui đó, chẳng biết chán-mỏi ; còn mong mở hết mưu-chước, để giúp-vực cho trọn buổi gian-nan này. Nào dè đầu chuyện vui chưa được bao lâu, đã vội xin về. Trăm nay tắc nghĩ chơn-thành, không bao giờ đã !

Nay đặc ban cho những bửu vật sau này :

1° Một cây lương-ngọc như-ý.

2° Mười lượng Nam-kim.

3° Một cây sừng tê.

4° Ba cây gấm Tàu.

5° Tám tấm sa.

6° Hai khẩu súng cò.

7° Một chiếc hộp xà-cừ.

Và một bức chơn-dung của quả-nhon cùng một mặt ngọc-khánh trong khắc bốn chữ « Hiếu, đễ, trung, tín » là vật của đức Hoàng-khảo ân từ trăm từ lúc mới sanh, để lưu làm đồ thế-bửu, nay đem tặng cho Trương-quân, để xứng-đáng tấm lòng yêu-chuộng người hiền bấy lâu của trăm.

Vi dó gịon nèn một bài thơ ngũ ngôn trường-luật, đề ngụ tấm tình. Người cùng con người đều nên đề lòng thể tất lời dó. Cồ-nhơn có câu rằng : «Trước sau trọn hết nghĩa vua tôi ; Nội ngoại chớ quên tình ưu ái,» (1) trăm cũng đem kỳ-vọng cho người, hồ chẳng chẳng nhắc tình xưa nghĩa cũ. Một lời lãnh ý, xin mãi ghi lòng, trăm cũng đang hưởng cái phúc báo «đãi hiền» vậy.

Thơ như sau này :

1. — Thương-hải hoành ba nhật,
Đan-kỳ kiếp hỏa dư.
2. — Ân-ưu bi cảnh ngộ !
Nhứt-bất tạ thủy thư ?
3. — Quốc vận phùng đa nạn,
Lương tài dục bị-chừ.
4. — Sơn xuyên trình tú dục,
Hóa trạch cửu hàm như.
5. — Lộc-dã thiên-vương địa ;
Mai-cương xử-sĩ lư.
6. — Vọng trung nhơn hốt kiến,
Danh hạ sĩ phi hư.
7. — Trác-giả kim nan thất,
Sưu-cầu cồ dĩ cư.
8. — Thiệt đoan cùng ký dịch,
Túc tích biến phương-dư,
9. — Trượng sách qui liên mạc ;
Phi dan tự ngọc-trừ.
10. — Ninh hiềm tương kiến văn,
Nguyên thỉ bốn tâm sơ.
11. — Thủy thổ ân tư báo ;

(1) Đó là câu trong bài thơ của vua Thái-tôn nhà Tống tiễn quan Tướng là Triệu-Phổ ra làm quan ngoài.

Vinh-hoa niệm tắt khur.

12. — Phú cường tiên quyết sách,
« Sơn hải » tục thành thư.

13. — Chí thị thừa xà trảng ;
Mưu tương tá trợ lư.

14. — Sở tài qui ngã dụng,
Tấn xả khởi chung khur.

15. — Hoài-bảo thùi tương thức ?
Thanh-danh độc nhượng cừ.

16. — Hoài lâm tri Việt điều ;
Đắc thủy tiện du ngư.

17. — Hà sự đồ nan cánh ?
Linh nhơn ý bất như !

18. — Tao-phùng phi ngẫu nhĩ,
Thúc-hốt phú « qui rư. »

19. — Hải khí trùng dương tĩnh ;
Thu phong ngũ nguyệt khur.

20. — Phiêu-phiêu thùi tự tử ?
Riêu-riêu trụng hoài dư !

21. — Địa viễn, tâm đương nhĩ ;
Thần thân, tích mỹ xơ.

22. — Phương-diên tình khoản-khúc,
Biệt-lộ hốt trừ-trừ !

23. — Vận bút lưu hàn-mặc,
Giai từ quý bội cừ.

24. — Chỉ kỳ trung tín tại,
Túc dạ vĩnh chung dư,

Sắc Ngự tiên Thị-Giảng tri-sự chi Nam-trung ân-sĩ
Trương trượng-nhơn.

Đồng-khánh nhị niên lục nguyệt sơ nhứt nhứt.

Ngự bút đặc tặng.

Diễn Ca.

1. — Ngoài dặm biên sông còn dương rọi ; (1)
Trong kinh-kỳ lửa khói vừa tàn. (2)
2. — Thương ôi cảnh-ngộ gian-nan !
Nỗi lòng uất-ức biết bàn cùng ai ?
3. — Gặp vận rủi, mong tài mưu-lược,
Cậy tay già vực bước diên-nguy. (3)
4. — Non sông đức khí linh-kỳ,
Cây ăn mầu đất từ khi được-nhuần.
5. — Đồng Nai nọ là phần đất cũ,
Gò Mai kia có chủ nhà tiên.
6. — Bấy lâu nghe tiếng anh-hiền,
Một ngày phút thấy, phủ nguyên-ước thay !
7. — Tài thông-dạt, đời nay khó được !
Chỉ học-hành, người trước ở chung. (4)
8. — Thỏ-âm uốn lưỡi địch thông,
Dấu chơn trái khắp Tây, Đông các miền.
9. — Chồng bột sắt màn (5) liền về dòng, (6)
Mở lòng son, thêm ngọc tới châu.
10. — Chi hiềm nay mới thấy nhau.
Xin bày lòng buổi ban đầu mười phần.
11. — Miền đất nước tấm ân mong trả ;
Mầu đỉnh-chung tác dạ nghĩ chi.
12. — Họ Trương chẳng cũng Trương-Nghị

(1—2) nghĩa là đương lúc loạn-lạc.

(3) Luận-Ngữ. — Tê chẳng vực, xiêu chẳng đỡ, còn dùng chi người đất đó nữa ?

(4) Bối câu « Tụng thi, độc thư, dư cô-nhơn cư ». (Ngâm thơ, đọc sách, ở với người xưa.)

(5) « Bột sắt » là cái gậy có mũi bột bạng sắt.

(6) « Màn liền » là màn cánh sen của người ở ẩn.

Kinh « Sơn-hải » định qui-vi phú-cường (1) ;

13. — Trương-Khiên với Trương-Lương từ thuở,
Cỡi bè cùng mơn dừa (2) đưa hay. (3)

14. — Người tài nước Sở về tay,
Cờ-dờ nước Tấn chỉ ngày phục-hung. (4)

15. — Làng tài đức ai chùng tri kỷ ?
Áng thanh-danh riêng qui một đời !

16. — Nhàn Nam, chim Việt về nơi, (5)
Cá xuôi được hội nước khơi vẫy-vùng.

17. — Mà sao chẳng gắng công cho trọn ?
Luống để ai riêng món bất bình !

18. — Gặp nhau nào phải thành-linh,
Phút đầu đã vội dứt tình lia nhau ?

19. — Làn sóng bạc (6) biển sâu vừa lặng ;

(1) — Trương-Nghị là người trí-mưu đời Chiến-quốc, làm ra sách « Sơn-hải kinh » bày mưu-chước giàu mạnh cho nước Tề.

(2) — Trương-Khiên là quan đời Hán Võ-đế, cỡi bè đi sứ giảng hòa với nước Hung-Nô. — Trương-Lương là mưu-thần đời Hán Cao-lỗ, khi vua đương ngự cơm, mơn chiếc dừa mà tỉnh việc.

(3) Ba điển đó là ngài có ý đều dùng điển họ « Trương ».

(4) — Tả-truyện. -- Duy Sở hữu tài, Tấn thực dụng chi. (Nước Sở có người tài, nước Tấn thiệt dùng dặng.)

(5) Cổ-văn. -- Việt điều sào Nam chi. (Chim nước Việt làm ở nhánh phương Nam.) Ý là còn chim còn chẳng quên gốc : cứ kiếm nhánh Nam là phương-hướng nước Việt mà làm ở.

(6) Bội chữ « Ngân ba » là sóng trắng như bạc.

- Trận gió vàng (1) dất phẳng thời luôn. (2)
20. — Người sao phơi-phới cánh chuồn ?
Nặng trao nay-này dạ buồn cho ta !
21. — Đường đất dẫu cách xa dặm nghèo, (3)
Tâm-thần nèn gần nẻo sản rồng.
22. — Tiễn đưa một chén rượu nồng,
Đường chia đôi ngã, tắc lòng ngồn ngang ;
23. — Dấu ghi-tạc giọng vàng khan giọng !
Tình biệt-ly, lời ngọc ghen lời !
24. — Còn mong trung-tin chẳng dời,
Tiếng khen đề mãi trên đời dài-lâu !

Kính-lục bài thơ tuyệt bút lúc lâm chung của tiên-sanh.

Quanh-quanh quần-quần lối đường quai,
Xô-dây người vô giữa cuộc đời.
Học-thức gửi tên con sách nát !
Công-danh rút cục cái quan tài !
Đạo hòn lữ kiến men chơn bước ; (4)
Bò xối con sùng chắc lưỡi hoài ! (5)

(1) Bởi chữ « kim phong » là gió mùa thu. Vì mùa thu đối ngũ hành thuộc kim.

(2) Hai câu đó là ý ngài nói : Vừa đẹp yên dặng loạn-lạc, nay mới là tháng năm, đã vội cảm gió thu mà cáo về.

(3) « Dặm nghèo » là lối ngựa chạy.

(4) Bởi câu « Hòn-hòn nhưt đại khối, diều-diều như nghĩ quần. » Nghĩa là : trời đất như một hòn lớn, loài người như dòn kiến nhỏ. Ý nói : việc đời thì lớn, tài mình thì nhỏ, không gánh-vác nổi.

(5) Cục truyền : Thạch-Sùng là nhà cự-phủ đời Tấn, sau hết trời cả cửa, chết hóa ra con mối, (tục kêu là con Thạch-Sùng.) chỉ bò xối tương mà chắc lưỡi. (ý năn : kiếp trước nhiều sự bất bình.)

Cuốn sổ bình-sanh công với tội,
Tìm nơi thăm-phản đề thừa khai.

Nhận kỹ lời-ý trong bài này, vô hạn cảm khái ! vô hạn sầu-bi ! hiện ra cái vẻ «điều tử minh ai, » mà cái chốn tâm-sự nan minh, như còn mong sau đời ta có người tri kỷ. Vậy xin kính lục nguyên-tác, đề độc-giả còn vòng-vọng nghe tiếng minh-yết trong khi lâm tuyệt của người đa cảm ngàn xưa.

Ký-giả lạt bình.

Cung lục tờ sắc văn của

Khải-định hoàng-đế truy lẫm.

Từ Thiên hưng vận Hoàng-đế chế viết :

Trẫm duy :

Nhơn-thần tri thân dĩ sự quân, thủy chung vãng gián ;

Vương-giả suy ân dĩ đãi hạ, tồn vãng quân triêm.

Đản hiệp cốt thần,

Tái ban chi-cáo.

Quyển duy :

Cổ Nam-trung ân-sĩ Hàn-lâm viện Thị-giảng Học-sĩ

Trương-vĩnh-Ký,

Nam-kỳ vọng-tộc, .

Tây-học thông-tài.

Dĩ toàn thạch chi cao phong,

Ứng tượng-tư chi nhứt mạng.

Tằng thị giảng-ma hữu tổ, tinh-hoa chi học Nam-
[phương ;

Thích dương giao-tế văn sơ, từ-mệnh chi tài Đông-lý.

Niệm thử tiên-trào trăm lý, thanh-hội tán ư y thường ;

Thần vi hậu-học tân-lương, chúc-thuật truyền ư lệ
[tảo.

Y-nhơn dĩ vãng, kiêm hà thu thủy chi tư !
Tổ-tiết khả gia, tòng bách dòng hàn chi thảo !
Cáp phùng đại-khánh,
Hợp bãi thù triêm :

Tư chúc gia tặng « Trung-phụng Đại-phu, Lễ-bộ
Tham-tri » thụ « Trang-Khải »,
Tích chi cáo-mạng.

Ô-hò !

Minh-mạc hữu tri ?

Chi thừa vô địch.

Vĩnh tác huyền-quỳnh chi bi, nhiệt tự còn-ba ;

Thương dương đan-bộ chi hư, tám sauh hoàn thảo.

Khâm tai !

Kính diên văn Nôm.

Thừa Thiên hưng vận Hoàng-đế giảng lời chế rằng:
Trẫm nghĩ :

Phận dưới trông lên, lòng vì nước vẹn-tròn chung
thủy ;

Lượng trên xét xuống, ơn tưới mưa thấm-khắp âm
dương.

Dịp tốt vừa may,

Triều thom ban lời.

Đoái nhớ lại :

Nam-trung ân-sĩ xưa, nguyên chức Hàn-lâm viện
Thị-giảng Học-sĩ Trương-vĩnh-Kỷ :

Nam-kỳ giống tốt !

Tây-học tài cao !

Ngân thời đời, như muốn điếc, muốn cảm ;(1)

(1) Đời xưa có người ân-sĩ, ngân thời đời mà nói rằng :
« Chỉ muốn gổ đầu nước suối (Châm tuyến) cho điếc đi,
súc miệng bằng đá (thấu thạch) cho cảm đi. »

Vàng mạng nước, vậy phải nghe, phải nói. (1)

Có công mài sắt, (2) học tinh-hoa là gã Nam-phương ; (3)

Gặp buổi trao vàng, (4) tài tử - mệnh ấy chàng Đông-lý. (5)

Nghĩ tới nếp trâm hài (6) trao trước, sức tán-thành nên hội áo xiêm ; (7)

Huống chi nều bờ bến (8) người sau, công chước-thuật truyền văn lẽ tảo. (9)

Người kia dầu tá ? khuất nẻo ngàn trùng mây nước, những hàng-khuông lá lác bông lau ! (10)

(1) Chu-quan. -- Chữ thông-ngôn phương Nam kêu là « Tượng tư » nghĩa là : nghe lời người nước kia mà lựa lấy ý giống nhau để nói lại cho người nước nọ nghe.

(2) Phương-ngôn. -- « Có công mài sắt có ngày nên kim. » Nghĩa là cố học thì thành người hay.

(3) Mạnh-tử. -- Trần-Lương người nước Sở là phương Nam, mà học được đạo tinh-hoa Trung-quốc.

(4) Phương-ngôn : « Chợt mặt trao vàng » là nghĩa giao-thiệp tin nhau.

(5) Luận-ngữ. -- Tử-Sản người đất Đông-lý nước Trịnh, có tài sửa lời từ-mệnh để giao-thiệp với các nước.

(6) « Trâm, hài » là trao-phục các quan.

(7) Quân-Trọng là người tài đời Xuân-thu, giúp vua Tề Hoàn-công làm nên Bá-chủ, khi hội các nước ở đất Quỳ-kỳ, thung-dung áo xiêm, không phải dùng binh giáp. Vậy hội đó kêu là hội « y-thường ».

(8) Làm sách-vở chỉ nghĩa lý cho người ta hiểu, như nêu bờ bến cho người ta khỏi lạc.

(9) Thơ ông Tô-Thức có câu « Nhiều sá khoan lẽ tảo. » (Quanh nhà dọc khoan-thai giọng văn ngọt-ngào như trái lê, trái táo.

(10) Thơ « kiêm-hà » kinh Thi là thơ nhớ người hiền đã thác đi hay là khuất vắng chỗ đó, dương mùa thu coi ra một làn nước chỉ thấy là lác, bông lau điu-hiu mà thôi !

Nết cũ còn đây, (1) trái thâu mấy độ tuyết sương
vẫn tro-tráo cây tùng cối bách ! (2)

Xây dương tiệc cả,

Nhơn tưới ơn sâu :

Nay truân gia tặng hàm « Trung-phụng Đại-phu,
Lê-bộ Tham-tri, » truy tứ thụy-hiệu « Trang-Khải ».
Vây ban cho lời cáo-mạng.

Than ôi !

Hồn thiêng có biết ?

Lòng kính dài ghi.

Đề vô-vang mãi dưới suối vàng, vinh một chữ cũng
đội hoa, mặc gấm ; (3)

Nên báo-đáp lại trên bệ ngọc, kiếp ba sanh còn kết
cổ, ngậm vành. (4)

Kính thay đó nhẽ !

(1) Tục-ngữ, — Người chết, nết hầy còn.

(2) Luận-ngữ. — Năm tới mùa lạnh mới biết cây tùng
cối bách là chịu héo sau. (Ý nói gặp buổi đời biến-loạn mới
biết tiết-bạnh người quân-tử là cứng-cỏi.)

(3) Xuân-thu truyện. — Một chữ khen vinh hơn ban cho
mũ miện hoa, áo cồn gấm.

(4) « Kết cổ ngậm vành » là ý trả ơn. (Coi lời dẫn tích và
cất nghĩa ở truyện Kiều.)

Trương Sĩ-Tái Tiên-Sanh

HỒNG TƯỢNG (1).

Sĩ-phu mò-phạm phổ Tây, Đông,
Tái-bút do truyền nhứt cự-công (2).
Trương mục triêm tiền (3) nhơn tự ngọc (4) ;
Kỷ tâm thủy hậu (5) tượng vi đồng (6).
Minh-minh duy-hệ nhơn tâm lý ;
Tĩnh-vĩnh thao-thừa quốc điền long.
Thanh-cảnh (7) hừa đa tâm-học xứ (8).
Tân-dung tăng phủ thiện hình-dung (9) ?

Diễn Nôm

Cái khuôn văn-học khắp Tây Đông,
Bút chép còn truyền tiếng một ông.
Rán mắt trông lên người tựa ngọc ;
Ghi tim để lại tượng bằng đồng.
Lòng người ràng-buộc coi vào đó,
Ơn nước vinh-huê mãi chẳng cùng !
Thanh-cảnh bao nhiêu nơi đạo-lý,
Hình này tác được đúng hay không ?

Đông-kinh hậu-học

Liễu-Viên

DƯƠNG-MẠNH-HUY

Kinh đề và phụng diễn

(1) Trong bài này dùng đủ những chữ họ, tên, tự-hiệu và quê quán tiên-sanh là những chữ : « Sĩ, Tái, Trương, Kỷ, Minh, Minh Vĩnh, Vĩnh, Lý, Long, Thanh, Tân. » Đặt lên trên đầu tám câu, còn thừa chữ nào thì đặt xuống dưới.

(2) Lý-Hạ thi. -- Văn-chương cự-công.

(3) Luận-ngữ. -- Triêm chi tại tiền.

(4) Thi-kinh. -- Kỳ nhơn như ngọc.

(5) Quang ư tiền, thủy ư hậu.

(6) Nam-sử. -- Trá đồng vi tượng.

(7) Cổ-thi --- Thi-gia thanh cảnh tại tân-xuân.

(8) Thư-tự. -- Tâm-học uyên nguyên.

(9) Luận-ngữ trù. -- Thử đệ-tử thiện hình-dung thành-nhơn xứ.

Yếu mục

1. — Mở đầu, lung-khởi cái ý Trời sanh ra người tài đức để sắp-dặt cuộc đời.
2. — Kể gia-thế què-quản và Trương tiên-sanh lúc mới sanh ra.
3. — Phụ-thân đem quàn đi thú, tạ thế ở Nam-Vang.
4. — Tiên-sanh lúc lên năm tuổi bắt đầu vỡ lòng học chữ nho.
5. — Cụ-Tám đem về nhà nuôi học.
6. — Theo Cụ-Tám đi chơi Bãi-Xan, rồi trở về bắt đầu học chữ quốc-ngữ.
7. — Cụ-Tám cho ở với Cổ-Long, bắt đầu học chữ La-Tinh.
8. — Theo Cổ-Long đem sang học tại làng Cái-Nhum.
9. — Nhà-chung cất sang nước Cao-Mên học hai năm.
10. — Nhà-chung cất sang học tại trường cũ-lao Phi-Năng.
11. — Đi qua Thị-Nghè từ-giã với mẹ.
12. — Ra Hạ-Châu nghỉ đờ ít ngày đợi tàu, rồi từ Hạ-Châu đi tàu biển sang Phi-Năng.
13. — Ở Phi-Năng học đặng nhiều thứ chữ, thứ tiếng các nước Á. Âu, lại học tới chữ Pháp.
14. — Ở Phi-Năng nghe tin mẹ thác.
15. — Mãn hạn học ở Phi-Năng trở về ở nhà què ít lâu.
16. — Lại tới Cái-Nhum trợ giáo Cổ-Hòa, Đức-Cha triệu ra thông ngôn Pháp-Việt tại Gia-Định.
17. — Xin từ chức Thông-ngôn không được, lại phải ra Thông-ngôn tòa án Bến-Thành.
18. Cưới vợ, rồi sanh con trai đầu lòng là Trương-vĩnh-Thế.
19. — Từ-giã vợ con ra kinh ứng triệu đi thông ngôn hộ sử qua Pháp.
20. — Đường sử đi dư hai tháng tới Pháp,

II

21. — Sứ-bộ định hòa-ước rồi, nghỉ-ngoi du-lãm ở Pháp hai tháng.
22. — Qua nước Y-pha-Nho sang thành Rô-Ma yết Giáo-hoàng.
23. — Ở thành Rô-ma đi lạc đường lại nước Pháp rồi cùng bộ sứ về Nam.
24. — Từ chức chánh-trị, lãnh chức giáo-viên làm Đốc-học Nam-kỳ 3 năm.
25. — Từ chức Đốc-học về nghỉ nửa năm.
26. — Chủ bút « Gia-dịnh Công-báo ».
27. — Ra kinh thông ngôn Sứ-bộ Y-pha-Nho, rồi nhơn tên Sứ tiện đường qua chơi nước Tân.
28. — Ở Tân về, lại viết « Gia-dịnh công-báo », kể đến nhà-nước lại ép ra Đốc-học trường Đại-học, kiêm Nghị-trưởng hội-đồng thành-phố, lại ép ra Đốc-học trường « Hậu-bồ Tham-biện ».
29. — Soạn thuật ra các sách.
30. — Đi chơi khắp ba kỳ.
31. — Về quê-hương sửa-sang phần-mộ cửa-nhà và thăm-viếng bà-con bạn-hữu.
32. — Sửa-sang tòa nhà riêng ở Nhơn-Giang.
33. — Theo quan Toàn-Quyền Bôn-Bê ra kinh hiệu-dụ sĩ dân Trung-kỳ.
34. — Lưu lại kinh chịu chức « Cơ-mật viên Tham-lá » giúp vua Đồng-Khánh.
35. — Phò giá vua Đồng-Khánh đi kinh-lược Trung-kỳ.
36. — Lãnh « chức Hàn-lâm viện Thị-giảng Học-sĩ ».
37. — Cáo quan về hưu-trì.
38. — Về hưu-nhàn tại nhà riêng Nhơn-giang.
39. — Tán kinh viếng tang vua Đồng-khánh và trào-lạ vua Thành-thái.
40. — Bị nhà-nước nghỉ.
41. — Cầm-khai thời-thể thành bịnh đau.
42. — Tụ thể tại nhà riêng Nhơn-Giang, an táng tại nhà

III

mở Chợ-Quán.

43. — Ký-giả than-văn thân-thể đức-nghiệp-tiền-sanh.
44. — Vua Khải-dinh giảng sắc truy tặng.
45. — Thân sĩ Nam-kỳ xin phép Chánh-phủ lập tượng đồng kỷ niệm tiên-sanh.
46. — Các nhà làm sách ghi chép sự-tích đức-nghiệp tiên-sanh.
47. — Kết lại ý ký-giả chép ra cuốn sách này.

Phu chương
Chép phụ một tập văn-chương.



CHUNG

TIRAGE à
Grand mille exemplaires
12 Juillet 1927
Sauv.

Trần Văn Ký

CHỤP HÌNH

dã thiết dùng, lại thiết tốt, thiết khéo
không đầu bằng :

tiệm **PHOTO KHANH-KÝ**
SAIGON

Đường Bonnard số 54

Tiểu-thuyết của **BÁCH-SINH**

Đã xuất-bản

Bạc-tình lang Giá **0 \$ 25**

Câu chuyện tình — 0 \$ 20

Đang in

Bằng-hữu kỳ tình.

Lục-Vân-Tiên chú-thích.

Bán tại nhà in. **BẢO-TỒN**, 36 bis B^d Bonnard
Tin-Đức thư-xa 37 Rue Sabourain, Saigon
Nguyễn-dức-Riệu 33 rue Sabourain, Saigon

Khi chur quí ông cần dùng
in truyện,tiền-thuyết, cáo-bạch,
thur-chi, bao-thơ, danh-thiệp,
đơn-hàng, sỏ-sách, vãn vãn...

Xin chur quí ông nhớ đến

BẢO-TỒN ẨM QUÁN

Ở lại Saigon đường Bonnard số 36 bis
THÌ SẼ ĐƯỢC NHƯ Ý

MAGASINS SOIERIES NOUVEAU TÉS

NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN

48-50 Place Gambetta 48-50

Sacoursale 42, rue Catinat

SAIGON

Téléphones : Direction n° 506 — Magasin n° 529

張公實錄